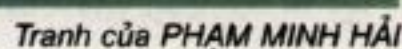




THỨ BẢY, 19 - 2 - 2011



- **LỄ HỘI VĂN HÓA CỦA THỜI ĐẠI MỚI** - *Trần Anh*
- **NHỮNG Ý TƯỞNG ĐẦU TIÊN VỀ NGÀY THƠ VIỆT NAM** - *Trần Nhuận Minh*
- **BẤT THƯỜNG NHẬN SAN BẤT THI HÙNG** - *Đào Đức Tuấn*
- **NHỮNG MÙA XUÂN DỆT BẰNG THI CA** - *Đặng Anh Đào*
- **TIẾN TỚI CUỘC HỘI THẢO VỀ ĐẠM PHƯƠNG SỬ NỮ** - *Nguyễn Khoa Điềm*
- **THƠ TÂN HÌNH THỨC VIỆT, NHẮC LẠI MƯỜI NĂM** - *Khế Iêm*
- **BÀI THƠ XUÂN ÍT NGƯỜI BIẾT ĐẾN CỦA NGUYỄN BÌNH** - *Phương Nam*
- **TRANG THƠ CỦA CÁC TÁC GIẢ**
Hà Minh Đức, Hoàng Vũ Thuật, Nguyễn Thành Ngã, Đặng Quang Vượng, Nguyễn Đình Xuân, Lê Huy Hoàng, Huy Vọng, Cao Hạnh, Mai Văn Phấn, Nguyễn Tý, Lê Quốc Hân, Nguyễn Ngọc Phú, Bùi Kim Anh, Thuý Liên, Vũ Thị Khương, Phùng Gia Viên, Khánh Nguyên, Mai Quỳnh Nam, Đỗ Quốc Thuấn, Nguyễn Khắc Hiến, Hà Huy Hoàng, Bùi Thị Xuân Mai, Công Tiến Thịnh, Đỗ Trọng Khôi, Tạ Quốc Chương.
- **TRUYỆN NGẮN, BÚT KÝ, GHI CHÉP CỦA**
Phạm Thuận Thành, Ngô Thị Ý Nhi, Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Uyển, Trần Kỳ Trung.
- **CÙNG NHIỀU CHUYÊN MỤC KHÁC VỚI SỰ THAM GIA CỦA CÁC TÁC GIẢ**
Nguyễn Thanh Kim, Nguyễn Thị Hậu, Bùi Minh Quốc, Thạch Quý, Vân Long, Lê Huy Quang...
- **MINH HOA**
Thành Chương, Phạm Minh Hải

TIN VĂN NGHỆ

GẶP MẶT CỘNG TÁC VIÊN VÀ PHÁT ĐỘNG CUỘC THI TRUYỆN NGẮN

N GÀY nay, với sự phát triển rầm rộ của của các trang báo mạng dường như lượng bạn đọc của các tờ báo in ngày càng suy giảm. Việc một ai đó ngồi đọc một cuốn sách, cuốn tạp chí, tờ báo văn học dường như là một thứ xa xỉ không hợp thời. Chính vì vậy mà buổi gặp mặt cộng tác viên báo Văn Nghệ, được tổ chức vào ngày 17 tháng 1 năm 2011, nhằm để những người làm báo Văn nghệ được lắng nghe ý kiến của các nhà văn, các tác giả đã có nhiều năm cộng tác, góp ý, đưa ra những giải pháp để nâng cao chất lượng tờ báo.

Thay mặt cho những người làm báo Văn Nghệ, Tổng biên tập, Nhà văn Nguyễn Trí Huân đã nêu lên một số khó khăn của tờ báo, đó là vấn đề tài chính và nhân lực. Việc bổ sung nhân lực vào đội ngũ biên tập sẽ được ưu tiên hàng đầu. Còn về vấn đề tài chính, việc trả nhuận bút thấp, ít nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng bài vở của các cộng tác viên gửi đến. Nhà văn Nguyễn Trí Huân khẳng định trong năm 2011 sẽ cố gắng nhanh chóng đưa trang website của tờ báo vào hoạt động và tiếp tục tìm ra hướng đi để tờ phụ trương Văn nghệ Trẻ phát triển và tạo ra bản sắc riêng với mục đích hướng tới sự đa dạng phục vụ bạn đọc trẻ. Trong phần phát biểu của các nhà văn, nhiều ý kiến khẳng định báo Văn Nghệ vẫn là một trong những tờ báo văn học hàng đầu hiện nay. Nói như nhà văn Văn Chính, báo Văn Nghệ vẫn là "vùng đất thiêng" trong đời sống văn học, tuy nhiên cần phải mở rộng biên độ đăng tải hơn nữa. Nhà phê bình Lê Thành Nghị biểu dương việc đăng tải những truyện ngắn của các nhà văn miền Nam trước 1975 trên báo Văn Nghệ đã mở ra được một sự hòa hiếu, nhân ái và thấu hiểu giữa những người cầm bút dù ở trong các vị thế và hoàn cảnh khác nhau.

Ngay sau phần gặp gỡ và chia sẻ giữa ban lãnh đạo, ban biên tập báo Văn Nghệ với cộng tác viên, Nhà văn Thành Đức Trinh Bảo đã ra công bố quyết định tổ chức cuộc thi truyện ngắn 2011 - 2012 của Báo Văn Nghệ.

Buổi gặp mặt cộng tác viên của báo văn nghệ, diễn ra trong những ngày giáp tết với một không khí ấm cúng, chân tình, thẳng thắn giữa những người cầm bút. ■

TRẦN THỊ TUỆ ANH

ĐẠI HỘI CHI HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM TẠI THANH HÓA

V ÀO những ngày cuối năm 2010, Chi hội nhà văn Việt Nam tại Thanh Hóa đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2010-2015 tại văn phòng 53 - Đại lộ Lê Lợi - Thanh Hóa. Đồng chí Hoàng Văn Hoảng, Phó bí thư thường trực tỉnh ủy, đồng chí Đỗ Trọng Hưng, ủy viên ban thường vụ, trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tới dự.

Đại hội đã dành một phút mặc niệm 5 nhà văn trong chi hội đã ra đi giữa nhiệm kỳ qua là: nhà văn Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Ngọc Liên, Minh Hiếu, Mạnh Lê và nhà thơ Hữu Loan.

Trong bài phát biểu, đồng chí Đỗ Trọng Hưng đã nêu bật những kết quả mà các nhà văn trong chi hội đã làm được như: in và xuất bản 83 đầu sách và kịch bản điện ảnh phần ảnh được điện mào và tiềm năng của một vùng đất.

Nhân Đại hội chi hội, đồng chí đã cảm ơn Hội Nhà văn Việt Nam, cảm ơn tình nghĩa sâu nặng của nhà thơ Hữu Thịnh Chủ tịch Hội Nhà văn với Thanh Hóa, cảm ơn Tuần báo Văn nghệ đã in 196 bài viết của các nhà văn và các cây bút Thanh Hóa trong nhiệm kỳ vừa qua, phản ánh đa chiều về thực tế xứ Thanh và đặc biệt cảm ơn 145 nhà văn từ mọi miền đất nước đã về với chi hội, về đi thực tế sáng tác, tham quan các di tích, danh lam thắng cảnh của Thanh Hóa.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành gồm 3 đồng chí là: nhà văn Kiều Vương, nhà thơ Văn Đắc và nhà thơ Huy Trụ.

Nhà văn Kiều Vương được tái đắc cử làm chi hội trưởng Chi hội nhà văn Việt Nam tại Thanh Hóa nhiệm kỳ 2010-2015. ■

NGUYỄN THU HIẾN

LỄ HỘI VĂN HÓA CỦA THỜI ĐẠI MỚI

TRÂM ANH

TỪ nhiều năm nay ngày thơ Việt Nam đã trở thành ngày hội được nhân dân cả nước biết đến và chờ đón, trở thành nét sinh hoạt văn hóa vô cùng đặc sắc, bởi đó là ngày hội dành riêng để tôn vinh thơ ca được tổ chức trên khắp cả nước. Nghe đâu bên Trung Quốc cũng có Ngày thơ, mới tổ chức đến năm thứ 4, và chỉ diễn ra tại một điểm, còn Ngày Thơ Việt Nam chúng ta năm nay đã bước vào năm thứ 9.

Mỗi năm là một sự cố gắng của Hội Nhà văn Việt Nam trong việc tìm tòi đổi mới nội dung, hình thức sao cho Ngày Thơ ngày càng hấp dẫn công chúng hơn. Ngày hội thơ được tổ chức ở mỗi địa phương đều mang một màu sắc khác nhau, tuy nhiên năm nay có ba nơi được chọn để tổ chức với quy mô lớn, đó là Hà Nội, Nghệ An và Thành phố Hồ Chí Minh. Đã có người bàn khoăn, với chủ đề "Đất nước, Mùa xuân" liệu có bị rộng quá không, có bị dàn trải quá không. Mới nghe qua thì có vẻ như vậy nhưng thực ra đó là một chủ đề rất cụ thể, thiết thực, một chủ đề mà bất cứ một người cầm bút nào cũng phải trăn trở: đất nước trong đấu tranh, đất nước trong hòa bình, đất nước trong gian lao, đất nước trong hiện tại, đất nước đang vươn mình đến sự no ấm và những giá trị nhân văn.....có biết bao điều để chúng ta đặt bút viết. Năm 2011, chúng ta kỉ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, và 70 năm ngày Bác trở về để bắt đầu cho những năm tháng dẫn dắt cả dân tộc Việt Nam đấu tranh giải phóng dân tộc, năm cả nước triển khai và thực hiện nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Nếu như sự độc đáo của Ngày Thơ Việt Nam lần thứ VIII là lễ rước lửa từ Đền Hùng về sân Văn Miếu Quốc Tử Giám, để nhớ về cội nguồn, nhớ về các vị vua Hùng đã có công dựng nước. Ngày Thơ năm nay là một sự độc đáo khác đối với công chúng bởi lễ rước đất và nước. Đất được lấy từ vườn nhà Bác (làng Kim Liên - Nghệ An), nơi người cất bước ra đi tìm đường cứu nước. Nước được lấy từ suối Lênin (Pác Bó - Cao Bằng), là nơi đầu tiên được Bác chọn sau khi



Nhà thơ Hữu Thịnh Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam làm lễ xin đất tại nhà Bác ở Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An.

về nước, để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đặc biệt nữa, Ngày Thơ năm nay có Triển lãm Thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các bản dịch tiếng nước ngoài và Triển lãm Vườn tượng các Nhà văn được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT. Nói như Nhà thơ Hữu Thịnh - Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam: "Tiếng là Ngày Thơ nhưng trên thực tế đây là Ngày Nhà văn, ngày tôn vinh văn chương và lao động Nhà văn. Suy cho cùng, tôn vinh thơ chính là tôn vinh cái đẹp của tâm hồn dân tộc, mà cái đẹp, cái thật và cái nhân ái chính là đích đến của mọi người cầm bút".

Với việc đa dạng hóa ngày thơ Việt Nam theo hướng lễ hội hóa về cách thức tổ chức, sân khấu hóa về trình diễn, Ngày Thơ Việt Nam thực sự đã trở thành lễ hội văn hóa của thời đại mới. ■



Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, Phó chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam cùng lãnh đạo tỉnh và đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng trong lễ rước nước của Ngày thơ Việt Nam lần thứ 9.

Ảnh: PHAN HỮU ĐỒ

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM TỔ CHỨC LỄ TRAO GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC 2010 VÀ KẾT NẠP HỘI VIÊN MỚI

Sáng ngày 23-1-2011, tại Trung tâm văn hóa Hội nhà văn Việt Nam, lễ trao tặng giải thưởng văn học thường niên năm 2010 và kết nạp Hội viên mới đã được tổ chức một cách trang trọng và ấm cúng. Nhiều nhà văn lão thành, các hội viên Hội nhà văn và các ủy viên Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam tại Hà Nội đã có mặt khá đông đủ. Đặc biệt hầu hết các hội viên mới vừa được xét kết nạp vào Hội tại các tỉnh phía Bắc đều có mặt để chờ đón giây phút được xướng danh, được nhận tờ quyết định kết nạp và tẩm huy hiệu hình chữ V thân thương của Hội nhà văn Việt Nam...

G IẢI thưởng văn học thường niên năm 2010, cùng với những ưu điểm và hạn chế của một mùa văn chương, thì còn có đặc điểm là được xét vào thời điểm "giáo thời" giữa hai nhiệm kì Ban Chấp hành. Sau khi nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam báo cáo quy trình xét tặng giải thưởng năm 2010 với đôi nét đặc biệt; lần lượt hai ông Chủ tịch Hội đồng chuyên môn là Nhà văn Nguyễn Khắc Trường - Hội đồng văn xuôi và Nhà văn Nguyễn Văn Dân - Chủ tịch Hội đồng dịch thuật văn học, đã có những ý kiến nêu rõ lí do vì sao hai hội đồng này đã đồng thuận cao trong việc đề nghị trao tặng giải thưởng năm 2010 cho tập truyện ngắn "Di hương" của nhà văn Sương Nguyệt Minh và bản dịch tiểu thuyết "Triệu phủ khu ổ chuột" cho dịch giả Nguyễn Bích Lan. Cách làm này vừa nêu bật tính nghiêm túc và tinh thần chịu trách nhiệm cao của các Hội

đồng chuyên môn, vừa vinh danh các tác giả được giải một cách trang trọng.

Thay mặt Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam, nhà thơ Hữu Thịnh - Chủ tịch Hội đã có bài phát biểu súc tích, tổng kết một năm văn học mà ông khẳng định một cách chắc chắn là đã "bội thu" với sự thành công của cuộc thi tiểu thuyết lần thứ hai, với thành công của Giải thưởng văn học công nhân, giải thưởng cuộc vận động viết tiểu thuyết, truyện và kí do Bộ công an và Hội nhà văn phối hợp tổ chức, và đặc biệt là với giải thưởng văn học năm 2010 mà hôm nay Hội tổ chức lễ trao giải. Tất cả những điều đó thể hiện sự mở rộng biên độ của văn chương với những diện mạo và vị thế mới...

Nhà thơ Hữu Thịnh cũng đã dành thời gian thông báo những hoạt động của BCH khóa VIII trong những tháng vừa qua với tinh thần đổi mới hơn, chuyên nghiệp hơn. Thay mặt Đảng đoàn và Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam, ông gửi lời chúc mừng năm mới tới các vị đại biểu và toàn thể hội viên Hội nhà văn Việt Nam, chúc mừng các Tân hội viên và các tác giả đã nhận được giải thưởng văn học trong năm.

Do điều kiện đường xá xa xôi, trong 26 tân hội viên, một số đã không thể có mặt trong buổi lễ kết nạp này. Nhưng đầu thiếu vắng một vài người thì với niềm vui rạng rỡ trên gương mặt các hội viên mới, với hoa tươi và những lời chúc mừng thân thiện, ấm áp cũng đủ để khán phòng sôi động hẳn lên. ■

TK

NHỮNG Ý TƯỞNG ĐẦU TIÊN VỀ NGÀY THƠ VIỆT NAM

TRẦN NHUẬN MINH

ĐẾN bây giờ thì Ngày thơ Việt Nam đã thành một lễ hội văn hoá mới, rất quen thuộc, không chỉ với các nhà thơ và những người yêu thơ Việt Nam. Nhưng những ý tưởng đầu tiên để xuất là ai? Tôi xin kể lại câu chuyện tại hội trường Khách sạn Công đoàn Bãi Cháy trong Ngày thơ Quảng Ninh lần thứ VII, ngày 29 tháng 3 năm 1994.

Năm 1994, kỉ niệm 50 năm thành lập Quân đội nhân dân VN (1944 – 1994) tôi đã đề xuất với anh Hoàng Thuận, chủ tịch Hội Văn nghệ Quảng Ninh lúc đó, được anh Hoàng Thuận đồng tình, tôi soạn tờ trình rồi theo anh Hoàng Thuận vào báo cáo với lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo đạo tỉnh đồng ý cho tổ chức ngày Thơ Quảng Ninh với quy mô lớn, phối hợp với Quân khu 3, Bộ Tư lệnh Hải quân, Hội Văn nghệ Hải Phòng, Hội Nhà văn Việt Nam, Viện Văn học, Tạp chí Văn nghệ Quân đội và báo Văn nghệ. Địa điểm chính tổ chức tại Bãi Cháy, trong dịp này có Hội thảo 50 năm (1944 – 1994) thơ chiến tranh cách mạng Việt Nam và hình ảnh Anh bộ đội cụ Hồ.

Chủ trì cuộc Hội thảo có nhà thơ Hữu Thỉnh, đại diện Hội Nhà văn và Báo Văn nghệ; nhà văn Nguyễn Trí Huân, đại diện Tạp chí Văn nghệ Quân đội; nhà phê bình Phong Lê, đại diện Viện Văn học và Tạp chí Văn học, anh Hoàng Thuận và tôi. Anh Hoàng Thuận có mời đại diện Hải quân và Hải Phòng, nhưng các anh báo không cần, 2 chủ nhà và 3 quan khách là đủ.

Trong Hội thảo này, có tham luận của nhà thơ Vương Trọng: Kì vọng một Ngày thơ Việt Nam, có đoạn nguyên văn như sau: "Một tỉnh Quảng Ninh khá nhỏ bé,

tiềm năng kinh tế khá hạn hẹp, thế mà từ năm 1988 đến nay, năm nào cũng tổ chức được một ngày hội thơ, năm chẵn có thể mời hàng chục đoàn đại biểu của Trung ương và một số tỉnh trong cả nước, năm lẻ ít ra cũng mời được ba bốn tỉnh lân cận. Hình thức tổ chức hết sức đa dạng và hiệu quả, năm thì tập trung ở TP Hạ Long, năm thì tụ về các huyện như Đông Triều, Vân Đồn, Móng Cái... ở đâu cũng được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh, ở đâu thi ca cũng được tôn vinh, nhà thơ được mọi người yêu mến. Cứ mỗi lần đi dự Ngày thơ Quảng Ninh về, tôi lại tự hỏi rằng: Tại sao không có Ngày thơ Việt Nam. Nghĩa là trong 365 ngày của một năm, sao không dành một ngày cho thơ... Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức Ngày thơ Việt Nam (năm thì ở thủ đô, năm thì tổ chức ở các tỉnh thành phố khác), giải thưởng thơ hàng năm của Hội cũng trao vào ngày này..." Cuối cùng, nhà thơ Vương Trọng đề xuất luôn: "Các bạn phân vân không biết Ngày thơ Việt Nam tổ chức vào ngày nào? Tôi nghĩ rằng: có thể chọn luôn ngày Lễ Thành Tông để thơ trên núi Truyen Đang 29 tháng 3, hoặc xa hơn nữa, trước 4 thế kỉ, tìm lại ngày Li Thường Kiệt viết bài thơ Nam quốc sơn hà... bên bờ sông Như Nguyệt, làm Ngày thơ Việt Nam".

Sáu năm sau, sau Ngày thơ Quảng Ninh lần thứ XIII (29 / 3 / 2000), bản tham luận này của nhà thơ Vương Trọng mới đăng toàn văn trên trang 10, báo Nhân dân cuối tuần, số 17 (586) ngày 23 / 4 / 2000.

Và ngày ấy đã đến. Ngày 11 tháng 01 năm 2003, tại Đại hội Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh lần thứ VIII, tổ



Ngày thơ Quảng Ninh, nơi xuất phát ý tưởng về một ngày thơ Việt Nam.

chức tại nhà Văn hóa Việt Nhật, có Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, các Thường vụ Tỉnh ủy, nhiều đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Chủ tịch ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Tổng Thư kí (nay là Chủ tịch) 5 Hội chuyên ngành Trung ương (Nhà văn, Mỹ thuật, Sân khấu, Nhạc sĩ, Nhiếp ảnh), Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội, cùng 4 tỉnh bạn, lân cận: Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, cùng toàn thể Hội viên của Hội, tổng cộng khoảng 650 người dự, nhà thơ Hữu Thỉnh, lúc đó là Tổng Thư kí Hội Nhà văn Việt Nam, nay là Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, người kí Quyết định của Ban Chấp hành

Hội Nhà văn Việt Nam về Ngày thơ Việt Nam, đã nói: "Thay mặt Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, tôi xin trân trọng thông báo với các đồng chí lãnh đạo tỉnh và các bạn văn nghệ sĩ dự Đại hội toàn thể của Hội VHNT tỉnh Quảng Ninh rằng, từ thực tế tổ chức và những bài học kinh nghiệm của Ngày thơ Quảng Ninh, Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, trong phiên họp ngày 26 tháng 12 vừa qua, đã quyết định lấy ngày Nguyên tiêu, Rằm tháng Giêng hàng năm, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh, viết bài thơ Nguyên tiêu năm 1948 làm Ngày thơ Việt Nam".

Ý kiến này của nhà thơ Hữu Thỉnh, đã được đăng tải trên báo Quảng Ninh, báo Hạ Long và ít năm sau, đăng báo Tiền Phong chủ nhật.

BẮT THƯỜNG NHẠN SAN, BẮT THI HÙNG...

ĐÀO ĐỨC TUẤN

Festival Thơ Nguyên tiêu núi Nhạn lần thứ 31 là hoạt động mở đầu kỷ niệm 400 năm Phú Yên (1611-2011) và Năm Du lịch quốc gia Duyên hải Nam Trung bộ-Phú Yên 2011. Với đất này, thơ đã "lãnh ấn" tiên phong làm du lịch. Hội thơ xuân đã thành một sự kiện đặc biệt trong đời sống văn hóa của người dân Phú Yên, tạo hấp lực "thương hiệu" du lịch vùng đất này...

GÓP phần làm nên nguồn mạch phong phú cho hội thơ Nguyên tiêu núi Nhạn là những đêm thơ xuân từ khắp các địa phương của tỉnh. Trong đó, Đêm thơ xuân xã Hòa Đồng (huyện Tây Hòa) được tổ chức từ ngày mùng 4 Tết, "phát súng thơ" đầu tiên của Mùa-Thơ-Xuân Phú Yên. Cứ thế, các đêm thơ làng-xã-huyện liên tục tiếp nối suốt Giêng, mang lại một sinh khí độc đáo cho vùng quê lúa lớn nhất miền Trung...

Không còn là chuyện phong trào, đi coi thơ cho thêm chút vui xuân, những đêm thơ như thế này đã thực sự trở thành một ngày văn hóa của đồng bào quần chúng nhân dân. Thơ đã không còn ở trên trang giấy hay là trong những căn phòng kín cửa chỉ nhà thơ thủ tục với nhau. Tại đêm thơ Hòa Đồng, nhà thơ Lê Thiếu Nhơn cảm nhận: "Với đất Phú Yên, các đêm thơ xuân đã trở thành một lễ hội văn hóa thực sự. Nơi quê lúa Hòa Đồng, người nào nghĩ chỉ có hò về là do họ chưa dự những đêm thơ như thế này. Rất nhiều nông dân đã có những bài thơ xuất sắc..."

Cất bước du thơ ở tuổi 75, lão thi sĩ Thanh Tùng từ TP Hồ Chí Minh đã lặng lẽ tri âm trong tiếng sáo thơ, đàn tranh diu dặt của một góc trời đất Phú Yên. Người của thi phẩm "Thời hoa đỏ" nức tiếng đã bồi hồi nói:



Đường lên "Vườn thơ" trên núi Nhạn.

"Nước mình có những vùng thi ca lớn như Huế, Hà Nội, Hải Phòng... nhưng thơ mang sức hút phổ quát từ mỗi trái tim người dân như ở Phú Yên thì thật hiếm. Tôi hết sức bất ngờ trước sự hấp dẫn đông đảo của một đêm thơ cấp xã như ở Hòa Đồng này. Thi ra, tấm lòng người yêu đối với thi ca không thể phân định theo địa giới, cấp độ hành chính. Đây quả thật là một lễ hội thơ chất lượng cao, đem đến một hiệu ứng xã hội thực thụ".

Festival Thơ 2011 diễn ra trong hai đêm 15-16 tháng Giêng Tân Mão (17-18/2) với nhiều nội dung phong phú, có sự tham gia của nhiều nhà thơ tên tuổi của Việt Nam. Hội thơ bắt đầu bằng hoạt động "Mở cửa vườn thơ", dọc hai bên đường từ chân núi lên tháp Nhạn, 100 nữ sinh

Tuy Hòa cầm lồng đèn đón khách...

Đọc "Đường thơ" dẫn lên đỉnh núi Nhạn treo trang trọng 30 bài thơ hay của các nhà thơ trong nước. Bên cạnh đó là thơ khắc trên đá, với những bài như "Đèo Cả" (Hữu Loan), "Cuộc chia ly màu đỏ" (Nguyễn Mỹ), "Nhớ mầu" (Trần Mai Ninh)... Đêm thơ Nguyên tiêu Phú Yên lần thứ 31, công chúng sẽ được thưởng thức những thi phẩm chọn lọc, với nhiều cách thể hiện độc đáo, trong không gian huyền hoặc của trăng gió núi Nhạn-sông Ba. Đêm 16 tháng Giêng là cuộc giao lưu thơ "Phú Yên với bạn bè, bạn bè với Phú Yên" với sự tham gia của nhiều nhà thơ tên tuổi... Hội thơ cũng là dịp giới thiệu tuyển "Văn học Phú Yên 400 năm" và triển lãm 100 ảnh nghệ thuật của các nghệ sĩ nhiếp ảnh miền Trung - Tây Nguyên...

Nhà thơ Lê Văn Ngân, một người Huế hiện sống ở Bình Định, cho hay: "Hầu hết các tỉnh, thành ở nước ta hiện đều tổ chức các đêm thơ xuân, nhất là khi Nguyên tiêu hàng năm đã trở thành Ngày thơ Việt Nam. Thế nhưng Nguyên tiêu núi Nhạn-Phú Yên đã trở thành một thương hiệu mạnh, một địa chỉ hành hương thơ của khách thập phương từ nhiều năm qua, là điều hiếm thấy. Trước khi có Ngày thơ Việt Nam, hầu hết các nhà thơ tên tuổi ở nước ta đều đến dự khán Hội thơ núi Nhạn, bởi nét độc đáo huyền bí của "ngọn núi thơ" và ý thức tổ chức chuyên nghiệp của địa phương. Có lẽ Thơ dưới bóng Nhạn Tháp uy nghi, trải lên hạ lưu sông Ba hùng vĩ, toả rộng ra bốn phương tám hướng của biển cả, núi non và lòng người đã làm nên sức hút kỳ diệu của đêm thơ này?"

Còn một "thi lão" nghiệp dư thì rí tai tôi: ... bắt thường Nhạn san, bắt thi hùng... ■

SAU tết. Hà Nội ngập tràn sắc hoa, ngập tràn những tà áo thướt tha, những lời dịu êm, ngọt ngào. Ấy vậy mà khi chuông điện thoại rung lên, giọng chắc dĩnh của anh Nguyễn Quốc Tuấn, Bí thư Thị ủy Mường Lay (nay là Trưởng Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng Nhân dân tỉnh), khiến tôi nao lòng: - Nguyễn Uyển ơi. Hoa ban nở trắng rừng trắng núi rồi. Lên đi. Lên với Điện Biên, lên với Mường Lay ngay dịp này thôi!

Tôi quỳnh quýt như được trở về với tuổi thơ: Sợ lỡ hẹn. Sợ lỡ mùa ban nở, một loài hoa như riêng có của Điện Biên, của đất trời Tây Bắc. Cho dù đã biết tới hàng trăm loài hoa thơm, sắc đẹp của tạo hóa và của con người lai tạo nên trên nhiều miền đất lạ; và đã từng đắm đuối ngây lòng ngây dạ trước hàng chục, hàng trăm loài hoa được chọn làm Quốc hoa của hàng chục, hàng trăm quốc gia phôi sắc trên những cánh tem thư. Cho dù xứ sở hoa ban, nào mây xa xôi với cái nghề cái nghiệp của những người làm báo; vùng đất chỉ nhắc tên là sắc trắng của ban, của mận, mơ, châu, sô, của hoa lê, phong lan, địa lan... lại lấp lánh bừng dậy, thoảng hương gợi thương gợi nhớ. Cho dù người đời đã có cả trăm, cả ngàn bài viết với hàng hà sa số những ngôn từ đẹp, những mỹ từ say đắm, bất lòng: Hoa ban - "nữ chúa" của các loài hoa Tây Bắc; Hoa ban - hoa của tình yêu và hạnh phúc; Hoa ban - hoa của đạo hiếu và lòng chung thủy... thì tôi vẫn muốn "mục sở thị"; đi với mùa ban nở giữa độ giữa thì để nhận về nét đằm sâu xa của loài hoa chúa trời ban tặng riêng cho con người nơi nẻo trời Tây Bắc.

Hành trình dọc quốc lộ 6, từ dốc Kùn (Hòa Bình) tới Mộc Châu (Sơn La) lên đỉnh đèo Pha Đin giáp danh hai tỉnh Sơn La – Điện Biên để về thành phố, xe chở chúng tôi như xuyên trong mây trong gió giữa chốn đèo cao, dốc hiểm, uốn éo, chênh chao, điệp trùng...đầu đầu hoa ban cũng bung trắng núi trắng rừng như nghênh rước, như mời gọi, như ưu ái, thân thương, nồng nàn chào đón làm ngất ngây chao đảo lòng người. Cảnh thế ấy, non nước mình thế ấy, nao náo lòng, sinh tình thành thơ, chênh chênh giữa chốn mây bay, như lời ai đó: "Quê tôi mây bay ngang bắp chân/ Với tay là cầm nắm được". Tựa như đã qua đây vào độ này, bất kỳ là ai, từ đâu đến, cứ nhìn ban nở trắng trời trắng núi là say; hà hít hương vị thơm ngọt, dịu mát của hoa ban là chòng chênh "ngã đổ", là say trời, say đất, say em... là vấp vào thuốc lú bùa mê để rồi không ít người nghiêng ngửa vì thơ.

Sáng. Đúng ngày 13, tháng 3. Chúng tôi có mặt tại Him Lam. Him Lam, trời mở sương lam. Sương vương sắc tuyết trên các cành cây. Nhưng không, chúng tôi đã lầm. Người dân đường vui vẻ nói với chúng tôi rằng: Đó là sắc trắng của rừng hoa ban!

ĐI GIỮA MÙA BAN NỞ

Ký của NGUYỄN UYỂN



Núi rừng Mường Lay

Giời đất ơi, một trời hoa ban! Chúng tôi kêu lên, ngỡ ngàng. Hẳn là thế này nên anh Tuấn nhớ lời hẹn từ cuối thu năm ngoái mới nhắn gọi: - Hoa ban nở trắng núi trắng rừng rồi. Lên với Điện Biên, với Mường Lay thôi! Trời hừng. Nắng lên. Một rừng hoa. Một trời hoa. Hoa ở Him Lam. Hoa của Him Lam. Hoa như vậy như bọc lấy con người, như dành riêng cho chúng tôi những người tìm về đây vào đúng độ xuân này. Hoa gọi trong tôi chiến tích già nửa thế kỷ đã qua với những gì đã học, đã đọc, rằng: Nơi đây chính là trung tâm để kháng sát đá nhất của quân đội viễn chinh Pháp... Đứng dưới gốc ban bung phơi nởn nà một màu hoa trắng muốt, nơi nào có chiến tích - chiến công thì nơi ấy tháng 3 về, hoa ban đều nở trắng cây, trắng cành. Loài hoa của núi, của rừng, nở tung bừng bắt đầu từ khi khởi phát Chiến dịch Điện Biên Phủ: Him Lam (13 tháng 3). Hoa trắng rừng, trắng núi. Hoa bung khắp Mường Trời – Mường Thanh. Thành phố thắm đằm mùa hoa, Câu hát bật lên: "Mường Thanh là Mường

Trời/ Sinh ra người con gái Thái/ Bước ra từ rừng hoa ban...". Ban nở, Điện Biên thành đất gọi khách. Những cô gái Mường Trời đẹp lên, quỳnh rừ lạ thường, khiến vạn vật cũng phải ngẩn ngơ: "Người đẹp đi xuống suối/ Cá tìm về xem chân/...Người đẹp đi lên rừng/ Hoa tìm về xem mặt/...Người đẹp mùa điệu xòe/ Trai Mường Trời nhìn theo/ Người đẹp bước lên sân/ Tiếng đàn nhạc mừng reo...". Khi tiếng ve rộn ràng, phương tảo tán xanh um nắng những chùm hoa lửa đỏ gọi hè, cũng là lúc hoa ban ngừng nở, cánh đứng cánh la nẩy lộc trả về màu non xanh của lá. Nhìn hoa, đón mùa hoa nở, dân bản biết mùa về no hay đói. Dõi nhìn hoa tàn, và khi ban làm quả biết được ngữ tra ngô, ngữ làm cỏ lúa trên những dải ruộng bậc thang. Hoa, và trái đều là món ăn gần gũi với dân bản. Người ta kể truyền thuyết hoa ban bằng trường ca, bằng các câu chuyện diễn xướng riêng của dân tộc mình. Người ta truyền đời này sang đời khác, về sự tích hoa ban... Bối thế, khi những lá ban lìa cành, hoa bung hương dịu

diu lan tỏa trong sắc trắng nõn nà của rừng hoa, của ngàn hoa khiến đất trời Tây Bắc như trôi vào cõi bóng tiên, huyền diệu. Ấy cũng là thời điểm Điện Biên đắm mình trong các lễ hội dân gian. Ai đã về đây, đã thưởng ngoạn sắc thái mùa xuân Tây Bắc giữa thì ban trắng trời trắng núi, dễ gì quên đi cảnh nhà nhà sắm cỗ, đồ xôi, lo vò rước ngon, kiểng cảnh ban đẹp hoa, đẹp cánh dâng cúng tổ tiên, dâng đãi bạn bè với lời cầu chúc vạn sự tốt tươi. Là cảnh gái trai sùng sinh trong những bộ quần áo sắc màu dân tộc vào rừng hái những bông ban đẹp nhất trao cho nhau, vun đắp tình bạn, tình yêu mặn nồng trong sáng.

Chiều xuống. Những bông ban vẫn xòe 5 cánh trắng chào đón chúng tôi qua cầu Nậm Rốm, lên bản Phiêng Lơi của dân tộc Thái, nơi có di tích lịch sử trận địa pháo H6 và 105 ly, một địa chỉ du lịch hấp dẫn khách tứ phương. Đón chúng tôi bên cầu là các em gái trẻ, áo coôm bó sát thân. Trên nền áo, hàng cúc bạc đính sát nhau mang hình đôi bướm kết giao sáng trắng. Quanh vòng eo thon thả, bộ xà tích bạc đeo vương hồ bên hông tôn lên chiếc áo coôm và chiếc váy dài đen, tạo nên thân hình hoàn hảo của người con gái Thái bản Phiêng Lơi. Thiên hạ từng mách nhau: Người Thái là chủ nhân của những điệu múa xòe, múa sạp nổi tiếng, chinh phục khách bởi lời ca mượt mà ngọt ngào con người và quê hương; những điệu múa uyển chuyển duyên dáng với trang phục truyền thống khăn piêu, áo coôm, váy xòe; là tình người và lòng hiếu khách qua các tiết mục múa hát mời rượu, hát hỏi thăm, múa khăn, múa quạt...quả là không sai!

Đêm Phiêng Lơi. Sau điệu sạp sôi nổi rộn ràng là sênh sang vòng xòe một lúc một nơi rộng thêm ra. Đôi bàn tay thon nhỏ, ấm áp, mềm mại của các cô gái Thái áp vào tay chúng tôi vung vẩy, đung đưa; đôi chân lướt nhẹ như lời, như cuốn, như trôi, như lui... Và cứ thế... cứ thế... chúng tôi ai nấy đều cảm thấy mình như đang bay trong màn sương huyền tích, huyền thoại, bóng bẽnh cùng các tiên nữ ở xứ trời xa mây trắng giữa mùa hoa nở. Sau mấy vòng xòe, cả hội múa lại đứng nghỉ, thường thức rượu cần, một thứ đặc sản nức cá chực người, cá thơm người cùng vui, cùng uống, cùng lịm say quanh bếp lửa bập bùng. Dứt cuộc rượu, vòng xòe lại như nổi rộng thêm ra. Ngọn lửa bùng lên, bập bùng, bập bùng theo nhịp trống chiêng. Tay ngừng vung, xung quanh vô rượu lại như nếm thêm người... Tất cả, tất cả lâng lâng. Tâm tưởng vút tận non xanh, non xa, vút tận rừng hoa, trời hoa. Lời ca bật ra, vang xa, ai ai cũng thế như là... là đã với hoa với người: "...Inh lả... noọng xao... yêu thế/ Áo coôm vòng cang ngực trẻ/ Nở bung từng cánh hoa ban" (thơ Khải Nguyễn).■

SỐ TAY THƠ



Mỉm cười trên giấy điệp

Dường như từ trắng kia các em xuống tắm hồ
Màu ngà ngọc tròn đầy da thịt
Dường như các em nở ra từ nước
Mát tươi tơ ngó ủa lên.

Suốt một ngày tay cước tay liềm
Giờ khóa nước ngón xòe nõn búp
Trăng loảng chảy ướt rùng khuôn ngực
Chút ngập ngừng cong lẩn sáng bờ vai

Tay vin cánh, hoa đầy, áo người đâu?
Cổ ba ngăn ngăn ngơ chiếu hương lửa
Màu đen thắm tóc em lại tỏa
Hương thắm thì mờ tỏ đêm sen.

Sóng dào lên sóng sánh tay em
Là vũ điệu dân gian của tảo tần bạn mọn
Được buồng thả hết mình cùng cỏ cây ngời sáng
Được thật với chính mình nào dễ đâu em.

Hoa sĩ đường nhập cuộc với thiên nhiên
Màu thuần phác đồng quê tươi mới mãi
Hồn dân đã tổ tiên trao gửi
Qua nét khắc mộc thô trên vân gỗ lượn bày

Anh trân trọng truyền lên mặt giấy
Nét mỉm cười sau những giọt mồ hôi.

HOÀNG HỮU

Lời bình của NGUYỄN THANH KIM

HỌA sĩ - nhà thơ Hoàng Hữu đã xa bạn bè cách đây gần 30 năm nhưng vẫn phảng phất quanh ta một hồn thơ mong manh, một giọng thơ tinh tế, ân tình của sự hài hòa giữa Thơ và Nhạc. Bạn yêu thơ nhớ đến Hoàng Hữu ở bài *Hai nửa vầng trăng* (giải A cuộc thi Thơ Tuấn báo Văn nghệ 1981) như là sự hao hụt định mệnh của cuộc đời anh trong kiếm tìm cái Đẹp: "Trăng viên mãn cuối trời đêm đêm em có nhớ - Mặt trăng từng khuất nửa ở trong nhau". Lại nhớ hồi tôi lên Vĩnh Phú thăm anh điều trị ở bệnh viện thành phố Việt Trì. Sau cơn đau tim nặng, Hoàng Hữu gượng dậy, khuôn mặt xanh xao, dáng mệt mỏi nhưng trong mắt anh ánh lên nét xởi lởi vốn có và bừng tia hy vọng sẽ qua khỏi bệnh trọng. Anh nhắc lại những dự định của mình về tranh, về thơ mà anh sẽ thực hiện sau đó. Hoàng Hữu đưa tôi xem bài thơ *Mỉm cười trên giấy điệp* - bài thơ anh tâm đắc. Vừa là họa sĩ vốn yêu mến dòng tranh Đông Hồ, vừa quen biết bạn bè làm thơ xứ Kinh Bắc, nên Hoàng Hữu gửi gắm, ký thác những tình cảm riêng biệt của anh về vùng đất giàu nét tài hoa mà anh yêu mến và ngưỡng vọng. Bây giờ đọc lại bài thơ *Mỉm cười trên giấy điệp*, tôi chợt phát hiện ra nét nhất quán trong tâm

hồn anh. Đó là sự kết hợp về đẹp của cả thể người nghệ sĩ: "Người xa phơ phất hồn lau gió - Thổi trắng chân đôi như khói pha...". Một không gian tràn ngập ánh trăng kỳ ảo thơ mộng lòng hồ, sự xuất hiện của các em cũng thật thanh thien: *Dường như các em nở ra từ trước - Mát tươi tơ ngó ủa lên*. Mà đây là vẻ đẹp của lam làm, của bùn đất ruộng đồng, của sự gột rửa mà không xa lạ đời sống nhưng cũng thật khó xác định, như thực lại như mơ: *Suốt một ngày tay cước tay liềm - Giờ khóa nước ngón xòe nõn búp - Trăng loảng chảy ướt rùng khuôn ngực - Chút ngập ngừng cong lẩn sáng bờ vai*. Vẻ đẹp ấy toát lên từ chiều hương lúa, hương sen. *Vũ điệu dân gian của tảo tần bạn mọn* được nâng lên, ngợi ca con người trong ánh sáng diệu kỳ của thiên nhiên tràn đầy, hòa nhập với hồn người thanh khiết trong khả năng tự nghiệm: *Được buồng thả hết mình cùng cỏ cây ngời sáng - Được thật với chính mình nào dễ đâu em*. Ấy là sự sáng tạo kỳ diệu của người nghệ sĩ trong tái tạo đời sống, của ý thức nâng đỡ con người trong hóa thân và nhập cuộc, như cuộc truyền gửi những thông điệp về cái Đẹp tới mai hậu: *Họa sĩ đường nhập cuộc với thiên nhiên - Màu thuần phác đồng quê tươi mới mãi - Hồn dân đã tổ tiên trao gửi - Qua nét khắc mộc thô trên vân gỗ lượn bày*. Sau biết bao vất vả chuyển hóa về đẹp đời sống đến về đẹp nghệ thuật là sự tự ý thức của người sáng tạo và cũng là hạnh phúc muôn thuở của người nghệ sĩ không phải ai cũng dễ có: *Anh trân trọng truyền lên mặt giấy - Nét mỉm cười sau những giọt mồ hôi*. Chao ôi, sao cái vẻ đẹp bình dị, đằm thắm ấy trải lên nền tinh bạch của màu điệp âm ảnh làm vậy! Dẫu mệnh yếu, Hoàng Hữu không qua khỏi ở cái tuổi 36, nhưng anh để lại những câu thơ thật tâm huyết về cuộc kiếm tìm cái Đẹp...■

HÀ MINH ĐỨC

Bóng nắng

Người già
Ngồi trong bóng nắng
Ngắm con chim nhỏ
Mổ từng hạt thóc trên tay
Con chim chui vào giỏ
Người già tủm tỉm cười
Giỏ của bà còn nhiều hạt
Con về ở với bà cho vui

Người già ngồi sưởi nắng
Có đơn hơn bấy chim
Giỏ thóc còn đầy hạt
Sao hôm nay con không về
Cánh chim một chiều phiêu dạt
Cò chịu cảnh bơ vơ
Bà nhớ tiếng chim chích chích
Hai chấm mắt đen ngày thơ

Con chim non lại về
Tiếng kêu nhỏ làm bà thương xót
Giỏ thóc bà còn nhiều hạt
Tình thương của bà dành cho con đây.

HOÀNG VŨ THUẬT

Chiếc ghế bỏ trống

Nhớ nhà viết kịch Phan Xuân Hải

Tắm tắm mùa hè trải bên cát mặn
khoanh từng ô
anh thường tôi đây cạnh con lân xỉ măng trườn ra biển
trong tiếng rù tăng tốc bụi mù chờ theo đủ loại
nhọc nhàn
đôi mắt đen lầy sau cốc rượu vang
vắng người nằm trước
đàn chim bay qua rớt xuống tiếng kêu thẳng thốt
giữa những gương mặt huyền ảo
là dương bản ngàn mũi tên về phía anh ngồi
đã trống một chiếc ghế
thế gian này sẽ còn trống nhiều chiếc ghế
lại thừa hàng trăm chiếc ghế khác
sông cứ ào cuộn mãi lên bờ
lắm thứ người ta không dùng nữa
anh lượm và đóng gói
hy vọng sẽ được việc
rác rưởi sông sánh vô số kỷ niệm
ở đó anh đọc được bao trang sách
tục tĩu và thánh thiện đắm say và chân chường
như cốc rượu vang đen lầy
trôi xuống cổ họng
rối nắng tắt
nặng trĩu đêm dày
sông bận rộn cuộc tình muôn thuở
ngôi sao vụt sáng nổi thêm khắt
anh nghe cuộc đời tựa quây
chỗ chiếc ghế bỏ trống



NGUYỄN ĐÌNH XUÂN

Đường quê

Vẫn còn gạch lát lối đi
Đường quê nhớ bước vu quy ngày nào.
Tre nghiêng gió động xôn xao
Nhớ ai e ấp bên rào vườn xưa.
Chân trần em bước bấm mưa
Ngực căng tuột cúc bỏ bùa chiêm bao.
Khoảnh trăng duỗi sóng cầu ao
Đêm mệnh mang nhớ cồn cào hương chanh.
Tóc buông hong gió mong manh
Một mùa cau chín để thành người dưng
Về quê lòng thấy ngập ngừng
Rưng rưng đường cũ ai cùng bước đôi?

LÊ HUY HOÀNG

Mộ Trạch

Tôi về thăm Mộ Trạch
Đất nổi tiếng học hành
Làng Trạng Nguyên, Tiến sĩ
Bao nhiêu người thành danh

Một làng quê như thế
Tôi gần đó đã lâu
Từ năm mươi năm trước
Mà mới nghe lần đầu

Một chút gì hồi tiếc
Bao điều qui quanh ta
Mà nay mình mới biết
Cuộc đời thật bao la

Tôi đến thăm lần đầu
Một chút tình gửi lại
Ghi từ trong thăm sâu
Lời người xưa, học mãi...

HUY VỌNG

Chút tình thơ

Chút tình thơ của tôi
Một chấm vàng sắp rơi
Tit cánh cao cổ thụ
Cô đơn giữa bầu trời

Chút tình thơ của tôi
Những buồn vui thường trực
Là tình yêu muôn đời
Là tự do đích thực

Chút tình thơ của tôi...

CAO HẠNH

Hoa lau

Bay...
Cuộc phiêu du
giữa đất trời
chờ khi gió lặng
Rồi...

Đợi ngày nắng mưa
Mọc thành cây
kết thành rừng
rút ruột làm hoa
ngọn lửa trắng
rừng cờ trắng
phát phơ
phát phơ
Hết mùa
Bay!

Tiếp tục cuộc rong chơi
chạm vào bóng thời gian
giấc mơ trắng
phát phơ
phát phơ...

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Nhà bên sông

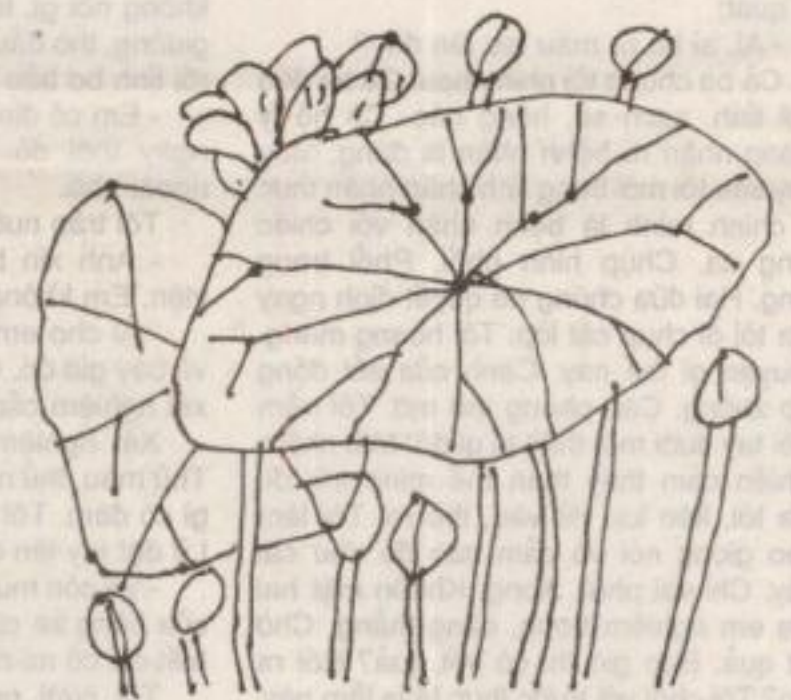
Nhà bên sông
học sáng trong vắt
học chiều trong veo
học đứng bóng không chời lợi
hoàng hôn không mờ mịt
và học trôi dềm, dòng nước ấm thấm thì...

Nhà bên sông
mùa những người đàn bà chân đất
đậm trễ và đàn trâu hồng học
học tắm rửa, học ngắm mình
học bơi qua mớ hôi và bụi bặm
nếm trải vị giác

Nhà bên sông
mùa nắng mưa xối xả, vang động thượng nguồn
học tràn đầy và lồi cuốn
học lở học bồi
học chảy hết mình để hoà nhập
cô lúc học cạn để phơi mình đây sông cát và đá

Nhà bên sông
học dòng sông tải nặng phù sa
học hoa dại nở nghiêng
soi bóng
và nhìn thấy mình là một là cỏ
một loài hoa không tên

Con thuyền độc mộc người tung lưới
học nắm bắt
và lôm tôm nước rơi...
học võ mình...



ĐẶNG QUANG VƯỢNG

Em bé bán hương ở chùa

Đồng người chen nhau
Về chốn tâm linh
Em đi tìm mưu sinh
Đồng hành
Chia phận may rủi.

Những màu bộ áo quần
Chẳng nôi
Điêu gi

Chùa trên cao
Đường dài
Tay em thì bé
Chân ngắn.

Hương đây! Hương đây!
Ai mua cho một thẻ
Lặng im...

Nắng tròn chiếu qua rặng lim
Áo em loang màu muối mặn
Đôi mắt thỉnh cầu
Lặn sâu khoảng vắng
Hương đây! Hương đây!
Im lặng
Ai an phận mình – tuổi thơ?...

TÔI là người thực tiễn. Tôi có nhiều thứ lắm. Tuổi trẻ, sức khỏe, tài năng và cả một phần nhan sắc. Đối với tôi, thượng đế quả là hào phóng.

Lạnh canh... lạnh canh... lạnh canh... Tôi ngược mắt nhìn lên. Mấy đồng xu cũ kỹ, những thanh kim loại rỗng, trơn tròn buộc trên những sợi chỉ mảnh khua vào nhau khe khẽ. Chúng xoay thành một vòng tròn níu lấy nhau đùa vui với gió.

Lạnh canh... lạnh canh... Lại gió, gió nữa rồi. Khung cửa sổ mở rộng trên đầu giường. Bên ngoài kia là một khoảng trời xanh và mây trắng. Ừ, mà sao tôi lại nằm đây ngắm trời xanh mây trắng. Cả cái chuông gió kia nữa. Của ông Lữ đấy. Vớ vẩn! Nhưng thực tế là tôi nằm đây, cái thực tế không thể nào tin được. Tôi đâu có ho, chỉ nghe vương vương ở cổ rồi khạc một cái. Thế là máu trào ra. Tôi bàng hoàng. Máu tươi, nóng ấm, mẩn mẩn và tanh. Trời đất quay

bảy năm rồi chứ ít gì. Tôi đã từng ngọt bùi, từng gần bó. Tôi đã ký được hợp đồng vô thời hạn... Hợp đồng vô thời hạn thì cũng như tờ hôn thú. Kỳ cái rết. Xong. Nhưng kỳ rồi chắc gì yên thân ấm chỗ. Mà cuộc đời này muốn có chỗ cho mình phải bản lĩnh, phải biết xông vào. Đây là phụ nữ mềm mại đấy, điệu dàng đấy nhưng phải biết cách ra đòn, cách né đòn... Tôi không thích những từ ngữ này nhưng một người đã nhìn thẳng vấn đề bảo tôi như thế. Đuôi mắt nheo lại, nụ cười nhếch lên: Rhett Butler!! Lồng ngực đau nhói. Chết rồi, lại muốn trào ra nữa chẳng. Bốn bức tường bệnh viện màu sơn loang lổ. Tôi nằm xuống, nhắm nghiền mắt giữ hơi thở đều đặn. Sẽ không có chuyện gì hết, không sao cả. Lữ đã bảo tôi như vậy. "Em bệnh hoạn gì đâu, chẳng qua trặc trặc một tí." Rồi anh cười, đôi mắt hip lại trên khuôn mặt tròn quay. Cái bụng bắt đầu phát triển của

Hai đã nửa đùa nửa thực "gỏi gắm" tôi cho Lữ. Lữ hí hửng "Được, để đó... tao nuôi". Anh Hai vỗ vai bạn cười vang "Khéo không lại xúc tếp nuôi cò". Đạo đó tôi còn là cô sinh viên bé bỏng đã đổ mắt cười theo. Bây giờ mỗi lần nghe anh Hai ngân nga điệp khúc "xúc tếp nuôi cò" tôi cũng cười nhưng không còn đổ mắt nữa. Về hình thức tôi không thuộc loại chân dài. Thế mà đi bên tôi anh cũng chỉ cao ngang ngực. Lại thêm cái dáng nặng nề, cái bụng xuê xoa đi trước. Trông nản gì đâu! Bác sĩ cơ đấy! Chẳng oai phong bệ vệ tí nào cả. Người ta kia, nhất là mấy ông bác sĩ ngoại khoa khoác áo vô trùng tay cầm dao mổ. Càng thẳng, nghiêm trọng ngay từ cái nhui mày. Anh thuộc khoa nhi, tôi ngày vuốt đầu xoa bụng mấy đứa con nít. Con nít cũng có cái nghiêm trọng của con nít chứ. Nhưng đến phòng mạch anh lúc nào cũng nghe tiếng con nít eo xèo. Anh cười cười vuốt

mộ anh và học được ở anh nhiều thứ lắm. Mặc dù không dưới một lần tôi nghe người ta ném sau lưng rằng "đề tiện", "đểu cáng". Thương trường là chiến trường mà cũng là chính trường. Nếu không đủ bình tĩnh dẫm lên điều tiếng thị phi... Nhiều lúc tôi rùng mình chùn bước nhưng lại thân phục sự phớt tỉnh và quyết đoán của Đảng. Nghĩ mà xem, bao nhiêu người muốn đề tiện mà không đủ điều kiện để đề tiện, muốn đểu cáng mà không đủ tài năng để đểu cáng. Tôi và Đảng trở thành một cặp rất đẹp trước mắt mọi người. Những cặp mắt thân phục, ghen tị, thêm khát. Quen tôi, anh đang có một người. Nghe đâu đã hứa hôn. Hai nhà đã qua lại thăm hỏi theo đúng nghi thức cổ điển. Và rồi gặp tôi, tôi cuốn anh đi. Không, đúng ra là cả hai cùng cuốn nhau đi. Tôi bất chấp người phụ nữ kia. Lơ cốt nào mà chẳng có địch. Vấn đề là phải biết cách đánh bắt địch ra. Tôi đã thành công. Bốn năm trời bên tôi, không nghe tiến triển cưới xin gì cả. Mặc dù anh không đặt thẳng vấn đề tình cảm với tôi, mặc dù đôi lúc anh vẫn nhắc đến người phụ nữ ấy như một tia sáng yếu ớt của lương tâm. Tôi trân trọng tia sáng yếu ớt ấy nhưng vẫn tin chắc những gì mình nắm được trong tay. Thời buổi này đâu đàn ông hay phụ nữ thì sự nghiệp vẫn là trên hết. Tôi còn thời gian. Vội vàng gì...

Đảng có một lô đất ở khu Hưng Gia. Chiều cuối tuần, lâu lâu anh lại chở tôi về Phú Mỹ Hưng bảo đùa là đi thăm đất. Ồi, những buổi chiều tuyệt diệu. Những con đường thành thang rợp bóng cây. Những dòng xe hơi sáng bóng nối đuôi nhau thanh thản. Phố xá, nhà cửa, con người... Một thế giới trong niềm mơ ước của tôi. Đảng đứng trước lô đất của anh. Cỏ lúp xúp. Mảnh đất khiêm nhường bên những ngôi biệt thự sang trọng kín cổng cao tường. Tôi bảo anh: "Ở đây hầu như ai cũng có xe hơi" Anh không nhìn tôi, ánh mắt xa xôi mơ màng: "Rồi mình cũng phải vậy thôi." Tôi nghe rung động toàn thân. Chữ "mình" của anh vẽ với một tương lai có tôi trong đó. Đúng, đây ắt phải là cảnh đời của chúng tôi trong tương lai. Thông minh và nhạy bén như anh chắc chắn anh phải thấy ngay rằng tôi là để dành riêng cho anh. Hai chúng tôi là một kết hợp tuyệt vời. Tôi đã nghĩ về tương lai này nhiều lắm. Sự nghiệp của anh cần đến bàn tay của tôi. Kiếm tiền và tích lũy. Đất của anh nhưng để ngôi nhà tuyệt vời mọc lên tôi sẽ góp phần vào đó.

Lạnh canh... lạnh canh... lạnh canh... Lạnh canh... lạnh canh... lạnh canh... "Anh tuột mất cái trường khoa rồi!" Tiếng cười của Lữ đâu đó khua vào vùng trí nhớ của tôi. Tôi đã lờm anh: "Anh thì cái gì cũng để tuột". Tôi biết anh không có khả năng làm lãnh đạo. Muốn ngồi vào vị trí đó phải thế nào chứ. Đảng rằng anh có năng lực chuyên môn, đảng rằng anh đạo cao đức trọng nhưng cứ ngồi đó chờ thì ai đem cơ hội đến dâng anh. Cứ xem người ta giành giật nhau kia. Khi có một sắp sắp đến tuổi hưu là thiên hạ ngấm ngấm lo "xếp ghế". Một cuộc chạy đua âm thầm nhưng khốc liệt. Còn anh, anh có giữ đầu mà không tuột. Cả chuyện tôi cũng vậy... Ngày đó anh còn là ông bác sĩ mới toanh rờ rờ hào quang. Tôi ngược nhìn anh đầy ngưỡng mộ và đã đặt trước anh trái tim non nớt của mình. Anh biết điều này không? Tôi tin là có. Nhưng anh vẫn vậy. Lùng khùng. Vẫn chừng đó ân cần chăm sóc. Anh chỉ chú tâm mỗi chuyện "xúc tếp nuôi cò". Thì cứ để anh nuôi. Thời gian đấy tôi và anh mỗi người một phía. Tôi hăm hở vào đời, vấp vấp chút xiu, vấp thêm lên vai mình dăm ba mảnh tình con con. Lâu lâu tôi đến tìm anh. Cái sản thượng bé tạo rậm rì cây xanh và lũ khỉ những đá. Anh ngồi đó kiên trì xếp đá lớn đá nhỏ cạnh nhau và ... ngắm. Để làm gì tôi không biết. Nhưng anh chỉ cho tôi xem và bảo là hôn non bộ của anh. Những góc cạnh,

vòng vòng. Bụng miệng tôi lảo đảo chạy vào phòng tắm. Hôm đó là hai mươi hai tết. Thăng em đang dung dăng dung dề với người yêu bị triệu hồi ngay lập tức. Nó và cô bạn hốt hoảng đưa tôi lên taxi cấp cứu. Thế rồi mọi chuyện diễn ra như không có thực. Cô hộ lý đẩy chiếc băng ca quát:

- Ai, ai ho ra máu leo lên đây? Cả ba chúng tôi nhìn nhau. Cả ba đều tươi tỉnh, sạch sẽ, hồng hào. Cô hộ lý không nhận ra bệnh nhân là đúng. Mấy giây sau tôi mới bừng tỉnh chấp nhận thực tế chính mình là bệnh nhân với chiếc băng ca. Chụp hình phổi. Phổi trong sáng. Hai đứa chúng nó quyết định ngay đưa tôi đi chụp cắt lớp. Tôi hoang mang. Chuyện gì thế này. Cánh cửa sắt đóng sập xuống. Căn phòng mờ mờ. Tôi nằm xuôi tay dưới một thiết bị gì đó. Mắt nhắm nghiền cảm thấy thân thể mình trôi đi, đưa tới, kéo lui. Hít vào, thở ra. Tôi làm theo giọng nói vô cảm nào đó như cái máy. Chỉ vài phút. Xong. Khuôn mặt hai đứa em nghiêm trọng, căng thẳng. Chờ kết quả. Bao giờ thì có kết quả? Rồi ra sao? Tôi chới với trước thực tế lạ lẫm này. Trở về phòng, nằm bên những khuôn mặt gầy gò, xanh xao, bệnh hoạn. Tiếng ho, tiếng khạc nhớt làm tôi rùng mình. Ngoài kia đêm tối đen. Tôi trở mình. Chiếc giường sắt già nua rên rĩ dưới lưng tôi. Trời ạ, nằm ở đây thì không bệnh cũng trở thành có bệnh. Mà tôi, tôi đang khỏe mạnh hoàn toàn. Cuộc đời đang phơi phới ngoài kia. Mới hôm qua thôi, tôi còn lơ lửng lơ lửng mấy đống lý xe. Spacy, Lead, Attila, Click... Màu trắng sữa ngọt ngào, màu đen tuyến cá tính, màu xám bạc điệu dàng sang trọng... Đường phố cuối năm dập diu những khuôn mặt như hoa. Tôi cũng là một bông hoa giữa cuộc đời này. Năm mươi triệu và một chiếc xe. Chọn lựa thế nào với món bóng lộc hậu hĩnh này. Công ty tôi làm sẵn sàng bỏ ra số tiền đó cho tôi mua xe với điều kiện cộng tác ba năm. Cũng là một cách đãi ngộ. Có chất xám là có tất. Ngày ngày trong y phục văn phòng có đẳng cấp, cười xe có đẳng cấp tôi sẽ đến công ty, không quên vô tình lướt lờ qua những phôi xá tại nó thường lui tới. Tụi nó là lũ bạn bè công ty cũ. Cho tụi nó sáng mắt ra. Đừng hí hửng tưởng rằng hại chết được nhau. Bỏ chỗ cũ tôi đi chỗ mới còn ngon gấp mấy lần. Rồi cái tập đoàn đó sẽ hối tiếc khi để sống mất tôi. Thời đại "săn đầu người" này mà cứ xử với nhau ngu xuẩn đến thế là cùng. Ngu xuẩn! Mà tôi làm việc ở công ty ngu xuẩn đó cũng sáu

đàn ông tuổi bốn mươi ưa bia bọt bạn bè. Dàng đi chậm chạp. Chậm chạp nên tôi nhập viện hai hôm mới thấy anh mò vào. Mà Lữ bao giờ chẳng thế. Không có gì ồn ào hốt hoảng cả. Mọi việc thường thôi. Kể cả khi tôi mệt là người kể lể bệnh tình với anh rằng tôi ọc ra từng thìa máu. Anh không nói gì, lùi hùi sửa lại cái khăn trải giường, thò đầu ra cửa ngó nghiêng ngửa rồi tỉnh bơ bảo tôi:

- Em có định ăn tết không? Còn mấy ngày thôi đó. Thiên hạ đi tung búng ngoài phố.

Tôi trào nước mắt: - Anh xin bác sĩ cho em sớm xuất viện. Em không muốn nằm hoài ở đây.

- Ai cho em nằm hoài. Người ta đuổi về bây giờ đó. Chẳng qua là còn mấy cái xét nghiệm cần theo dõi.

Xét nghiệm gì, ngày nào cũng thử. Thử máu, thử nước tiểu, thử đàm. Mà làm gì có đàm. Tôi chỉ nhổ ra toàn nước bọt. Lữ đặt tay lên đầu tôi:

- Về còn mua xe nữa chứ, cò nhỏ. Mấy cửa hàng xe cứ xôn xao hỏi nhau không biết cái cò mi-nhon hôm bữa đâu rồi.

Tôi cười quay mặt đi. Khi hí hửng khoe anh chuyện mua xe, anh trầm ngâm hỏi:

- Đổi lại là ba năm ràng buộc hả?

Cái giọng lừng khừng của anh làm tôi phát chán. Cứ như anh lo tôi không đủ năng lực, tôi sắp phải bỏ của chạy lấy người. Tôi dậm dề:

- Có chỗ giới thiệu lương ba ngàn đô kia nhưng hơi xa. Em đòi điều kiện phải có xe đưa rước.

- Thế người ta đòi em những gì?

- Chặt xám.

- Ờ há, anh quên. Ngày xưa anh cũng có học rằng trong não mình có chất đó.

Tôi quay ngoắt đi. Ghét cái giọng châm chọc đó. Cái kiểu tung tăng gàn gàn. Gàn thế nên hơn bốn mươi rồi mà chẳng có nào chịu nổi. Tôi không thèm cãi anh. Tôi hiểu anh quá rồi. Tôi nhắm thẳng mục tiêu và chỉ biết tiến, còn anh, bao giờ cũng dành sẵn một con đường để khi cần thì... rút lui. Anh em tôi là thế. Thủy hỏa khó lòng dung hợp. Vậy mà lâu lâu gặp điều bức xúc tôi lại tìm đến anh kể lể. Anh yên lặng chăm chú nghe. Nếu thấy cần buông ra một lời khuyên ấm ở hội tề nào đó. Tôi đón nhận hứng hờ. Cả hai biết rằng lời nói gió bay, rằng tôi chỉ cần ở anh những phút giây thư giãn. Để xả stress chẳng hạn. Rồi thôi. Ra khỏi mấy lùm cây xanh xanh của quán cà phê là hết. Lữ là bạn của anh Hai. Ngày lên máy bay theo gia đình vợ xuất cảnh anh

đầu đứa này, hồi hạn đứa nọ. Xong, mỗi ca thu vài chục ngàn. Vậy là thỏa mãn. Cuộc đời đơn giản thế thôi. Tôi không chấp nhận cách "kiếm tiền bẩn" này. Với tôi thì phải tiền đồ, ngàn đô. Sáng sáng váy áo tề chỉnh tôi đến công ty. Tòa nhà cao ngất ngưỡng, cửa kính sáng bóng tự động mở ra trước tôi. Thang máy, những con số chớp tắt, tiếng giày khua, hương thơm thoang thoảng dịu dàng của mỹ phẩm đắt tiền. Bầu không khí đó thu hút tôi một cách kỳ lạ. Đúng hơn là tôi cần không khí đó như cá cần nước. Bao nhiêu người ngưỡng mộ tôi, không phải chỉ là nhan sắc mà còn là trí tuệ và quyền lực. Phải, quyền lực! Đó là thứ trang sức vô hình mà giá trị của nó quyết định giá trị của mỗi con người. Một người đã dạy tôi điều này. Đảng, sếp trực tiếp của tôi.

Lạnh canh... lạnh canh... lạnh canh... Cái chuông gió lại ngân lên dưới những sợi chỉ mảnh mai mềm mại. Những đồng xu cổ, những thanh kim loại rỗng trơn tròn lại là lướt xoay xoay, lấp lánh ánh nắng ban mai. Tôi ngược lên. Tiếng lạnh canh như lửa vào vùng trí nhớ hỗn độn của tôi những tiếng cười gần xa trong veo như gió nắng ngoài kia. Không sao đâu. Tôi ổn mà. Cuối cùng thì bác sĩ cũng phải trả tôi về vì không tìm ra nguyên nhân. Người ta chỉ tìm thấy một vết xước nhẹ ở phế quản. Có lẽ bị gián một mạch máu nào đó. Nhẹ thôi. Mẹ tôi thì kết luận giản đơn là bị "tổn". Làm việc nhiều quá thì tổn. Ông ngoại ngày xưa cũng vậy. Thế là sau tết mẹ buộc tôi phải xếp lại tất cả. Lần đầu tiên gia đình can thiệp vào "đường chạy" của tôi. Tôi phải theo đi Ba lên xó xỉnh này dưỡng bệnh. Tôi buộc phải nghe lời. Không nghe sao được khi tôi phải đi đứng nói cười gượng nhẹ. Cái chừng mực làm tôi phát điên lên. Tôi đành phải xa thành phố một thời gian. Thành phố yêu thương đã quẩn rết lấy tôi và nhấn chìm tôi ở đó. Tôi nhớ nhiều thứ lắm. Quán xá, đường phố, tiếng còi, mùi khói xăng. Những chiều mưa dòng người nối đuôi nhau rồi dồn lại ở một ngã tư nào đó. Cả những con đường thành thang khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng nữa. Lâu lâu Đảng lại chở tôi vút trên chiếc Air Blade hai màu đen đỏ phóng ào ào trên đại lộ. Tôi nép người vào anh, nhắm mắt cười một mình. Đảng của tôi... Tôi đủ thực tế để nhận ra rằng Đảng là mẫu người dành cho tôi, chính là cái tôi cần và phải có. Hai chúng tôi phối hợp nhịp nhàng ăn ý trong công việc, trong cả cuộc sống riêng tư. Tôi ngưỡng

những đường vân... anh ngối thứ người ra sấm soi từng chút để mặc tôi với chuyện tình tự kể lúc bóng lưng trắng. Vậy mà tôi vẫn thích tìm anh... độc thoại. Cho đến lúc anh chịu phải tay bỏ những đá lớn đá nhỏ dẫn tôi đi cà phê. Vui buồn của tôi tan biến đâu đó. Chỉ có một lần anh ngoảnh lại nhìn tôi, hòn đá đang xếp nửa chừng mất thăng bằng rơi vào hồ nước. Tôi giật mình. Tôi đang nói với anh về Đăng. Chuyện gì đó tôi quên rồi nhưng cái nhìn của anh là lắm. Cái nhìn vừa sâu vừa nghiêm nghị. Chưa bao giờ tôi bắt gặp ở anh ánh mắt này. Tôi cụp mắt xuống như người phạm tội. Không, tôi có làm gì đâu. Đăng cũng chưa hề vượt quá giới hạn cho phép. Anh ấy trí thức, đang hoang. Có lẽ tôi cảm nhận được rằng đây là lần yêu thực sự của tôi chẳng. Yêu thực sự! Có lẽ vì vậy mà từ đó tôi rất dè dặt khi nói về Đăng với anh. Tôi không còn kể lể để rồi trước những buồn vui của tôi anh xuê xoa "ừ, mà... tình chỉ đẹp những khi còn dang dở". Tôi ghét câu nói của miệng này của anh. Những cuộc tình của tôi đang dở là vì tự nó dở dang. Tôi đâu có thích nó đẹp kiểu này. Không dám đương đầu với nghịch cảnh. Đây chỉ là cách ngụy biện cho những gì trốn hèn yếu đuối. Tôi và Đăng dứt khoát không thuộc kiểu này.

Đăng bỏ việc làm đi công ty mới. Một cú đập khá mạnh vào mặt tôi. Hay tin Lữ nhìn tôi nghiêm nét mặt:

- Còn em?

Tôi đã qua phút bàng hoàng cứng cõi trả lời:

- Em có chuyện của em chứ.

Thần kinh của tôi đã quen với những va đập kiểu này rồi. Đăng đã gọi là đánh đấm. Lần này hình như anh không đỡ nổi kiêu ra đòn của đối phương. Tôi ở lại. Tôi chưa phải là mục tiêu người ta nhắm vào, nhưng tôi hiểu nhanh chậm gì thì cũng đến lượt tôi. Nhanh chứ không chậm. Tôi gồng mình trước đòn phép của sếp mới. Cũng đúng thôi. Sếp mới thì phải có ề-kíp mới. Tôi như cái gai trước mắt. Tách bộ phận này, nhập bộ phận kia, đổi cách điều hành khác. Tôi quay như cái chong chóng cho đến khi nhận thấy là chỉ huy mà dưới tay mình hầu như... không có lính. Công việc giao cho tôi không đâu không cuối không đầu vào đâu. Sức ép ba bên bốn bề cộng thêm những ánh mắt soi mói hắt hê. Tôi bỏ việc sau khi dự phỏng vấn hàng chục công ty. Tôi và Đăng rơi vào cơn lốc.

Anh Hai đột ngột trở về Việt Nam vì nhà vợ có tang. Lữ đưa anh em tôi vào một quán cà phê sau khi rẽ vào năm bảy con hẻm lằng ngoằng. Quán vắng. Cây xanh và nhạc tuyệt vời. Tôi thả người trên chiếc ghế mây, duỗi chân lạng lẽ nhìn dây cát đang buông những chùm hoa tím tím. Tự nhiên tôi trở thành người lãng mạn bất ngờ. Mà với tôi, những giây phút như thế này hiếm hoi thật. Công việc mới đã chạy đều. Chạy đều với tốc độ điên cuồng chóng mặt. Báo cáo liên tục, họp hành triển miên, training tối tăm mặt mũi. Cứ nhắm vào thứ bảy, chủ nhật mà đi công tác. Hà Nội, Đà Lạt, Nha Trang, rồi cả Singapore, Philippines... Không có thời gian nghỉ ngơi tôi phờ phạc cả người. Cứ thế, tôi chới với giữa cái công ty ngu xuẩn bên kia và cái công ty khốn nạn bên này. Chịu đựng. Phải tập thích nghi. Cuộc sống này, nếu một giây ngừng phàn đấu... Tiếng cười bùng lên làm tôi giật mình. Lại điệp khúc cũ "xúc tép nuôi cò..." Anh Hai chỉ tay về phía tôi trên Lữ. Tôi thấy Lữ trầm ngâm rồi chầm chậm gật gù:

- Thì hồi đó tao cũng nghĩ đơn giản, ừ... nuôi thì nuôi. Nhưng bây giờ mới biết hình như... không phải cò mà ả.

Anh Hai nuốt vội ngụm cà phê cười phá lên sứt sặc:

- A...A... có nghĩa là mày nuôi nhầm... khủng long bạo chúa.

Tôi hất mái tóc nguýt nguýt:

- Em chỉ có bốn lăm cân.

Bốn lăm cân là con số lý tưởng mà tôi cảm cực. Tôi không thuộc loại chân dài,

tôi biết, nhưng tôi cũng biết mình có lợi thế với vóc dáng nho nhỏ xinh xinh, đầy nữ tính. Đi bên Đăng anh vẫn phải cúi xuống nhìn tôi. Ơi, Đăng... Đăng...

Lạnh canh... lạnh canh...

Gió lại lùa vào những đồng xu... Gió nữa. Hai mặt của đồng xu lại xoay tròn xoay tròn lấp lánh nắng. Đầu óc tôi cũng xoay tròn... xoay tròn... Đăng... Đăng...

Lại những con đường Phú Mỹ Hưng ngút ngát bóng cây. Lại vòng tay quàng ngang lưng anh thân thiết. Tôi xiết chặt tay chút nữa. Bao lâu rồi chúng tôi không gặp nhau. Cả hai ngụp lặn trong công việc riêng tư, cố ngoi lên trong môi trường mới đầy lạ lẫm và thách thức. Nhiều đêm thấy tên anh sáng lên trên màn hình máy tính, tôi gõ liên mấy chữ: "Đăng ơi, em đây." Chờ mãi không thấy tín hiệu trả lời. Tin nhắn, điện thoại lúc có lúc không. Ầm ừ rồi tắt máy. Tôi hờn dỗi, rồi thôi. Có lẽ anh đang gặp khó khăn. Công việc không được thuận buồm xuôi gió. Đàn ông cá tính như anh khó mà thủ nhận điều này đâu là với người thân thiết như tôi chẳng nữa. Thôi, cứ để anh xoay xở. Tôi biết anh đủ năng lực xoay xở. Như tôi, mọi chuyện sẽ đâu vào đấy cả thôi. Gần năm bảy tháng trời tôi mới có cảm tưởng mình lại có anh thực sự. Tôi giữ chặt anh trong vòng tay của mình. Người đàn ông của tôi bản lĩnh tự tin và đầy sức sống..

Chúng tôi lại ra khỏi thành phố hướng về khu đô thị mới nhưng lần này anh không chở tôi đi thăm đất nữa. Anh chạy vòng vòng, chậm rãi, lặng thinh. Trời cuối năm se se lạnh. Tự nhiên tôi rung mình. Anh đưa tôi vào một quán ăn. Tôi ngỡ ngàng. Đã về đến Phú Mỹ Hưng sao lại chọn quán này. Tôi ngỡ ngàng nhìn chỗ ngồi lộ thiên với chiếc bàn gỗ mộc. Anh gọi canh bánh đa của đồng cười cười bảo thứ này lâu rồi không ăn nên nhớ. Tôi cũng cười. Đối phong cách đôi khi là một cái thú. Khu phố vắng. Gió lùa vào những hàng cây đen thẫm. Anh đối diện tôi, lơ dềnh rồi đột ngột ngược nhìn tôi:

- Ra năm anh xây nhà ở Hưng Gia. Thăng bạn kiến trúc sư đã vẽ xong bản vẽ.

Tôi giật mình như vừa rơi xuống từ cung trăng, tròn mắt ngỡ ngàng. Chuyện gì vậy? Giọng Đăng rạch ròi:

- Đến lúc phải ổn định cuộc sống thôi em ạ. Mà em có vẻ thích Phú Mỹ Hưng. Để anh giới thiệu cho, một lô đất đẹp, cách anh mấy căn. Nếu em mua được thì hay lắm. Minh sẽ là hàng xóm của nhau...

Tôi vớt từng cọng bánh đa. Nhai,

nuốt. Như một cái máy nhưng phải ăn, ăn cho kỹ hết. Phải nói một cái gì đó, làm một cái gì đó nếu không, tôi đông cứng thành đá mất. Tôi đưa tay với lấy lọ hạt tiêu mặc dù đã cay chảy nước mắt. Môi tôi khô khản kéo một nét cười nhìn lơ đãng nhưng chiếc xe hơi bóng loáng đậu dọc theo hè phố:

- Rồi anh có tính mua xe?

Đăng cười khê:

- Ừ, để xem lại tài chánh đã.

Ngả người, tựa vào thành ghế, Đăng nhìn tôi với những cọng bánh cuối cùng. Thu hết can đảm tôi ngược nhìn anh. Hai tia nhìn giao nhau, cái nhìn như cứng lại. Chỉ một thoáng, rất nhanh, Đăng chớp mắt:

- Ngon quá phải không em? Anh cũng còn thèm thèm muốn làm thêm tô nữa.

Rồi anh hạ giọng, những nốt nhạc trầm nhất, da diết nhất:

- Nhưng thôi, em ạ. Chuyện gì cũng vậy. Ta nên rời bàn ăn khi còn muốn ăn thêm.

Nên rời bàn ăn khi còn muốn ăn thêm. Ở... ở... tình chỉ đẹp những khi còn dang dở... Tôi phản ứng như người mộng du, đứng dậy, gấp chiếc khăn giấy lau một vết bẩn trên ngón út của mình. Ly soda uống dở nằm lơ trên chiếc bàn gỗ mộc. Chiếc ghế được đẩy ra nhẹ nhàng. Tôi bước ra đứng bên cạnh Đăng. Một vòng tay ôm xiết lấy bờ vai tôi. Từ từ, từ từ xiết chặt. Tôi có cảm tưởng mình là một khúc cây giá băng chết dần, chết dần từ gốc đến ngọn. Và cuối cùng trong tay Đăng chỉ còn là một khúc cây khô. Vòng tay ấy lỏng dần ra và một khuôn mặt cúi sát xuống khuôn mặt tôi. Khóe môi nhếch lên. Cái nhếch môi cười của Rhett Butler:

- Những người như anh, như em thì cách gì mình cũng sống được thôi.

Đúng. Cách gì tôi cũng sống được thôi. Tôi sống bước bên Đăng, nghe tiếng giày khua trong đêm vắng. Vững vàng từng tiếng một.

Một tuần sau tôi nhập viện cấp cứu. Đầu óc hoàn toàn tỉnh táo nhưng vẫn không hiểu chuyện gì xảy ra. Một tuần lễ lao mình vào công việc. Tôi giải quyết công việc sáng suốt nhạy bén đến lạ kỳ. Cái nhìn thần phục của đồng nghiệp, nụ cười hài lòng của cấp trên. Tôi bước vào những shop thời trang. Nào váy, nào giày, nào túi xách... Tôi lượn lờ qua những cửa hàng xe. Kiểu dáng, giá cả... Trên những đường phố thân quen, người ta giăng những đèn hoa màu hồng sen, màu vàng thắm. Gió cuối năm phơi phơi niềm vui. Tất cả bùng lên trong tôi một sức sống mãnh liệt, nồng nàn...

Và đêm. Đến lúc phải tắt đèn. Tôi sợ nhất bóng đêm. Không còn gì làm nữa. Thực sự là những đêm trắng. Mắt ráo hoảnh và đầu óc trống rỗng. Một sự trống rỗng lạ lùng. Rồi người phụ nữ xa lạ kia lại theo bóng đêm len lỏi trở về. Một nhan sắc tầm tầm, một trí thức tầm tầm, một cuộc đời tầm tầm nhàn nhạt. Giáo viên dạy văn cấp hai mở lớp dạy thêm lẻo tèo mưới đứa học sinh. Tháng tháng đưa nào đóng tiền thì mở sổ ra vạch vào một dấu chéo. Tôi biết gì về chị ta? Biết gì nào? Không, tôi không biết gì hết. Tôi quá chủ quan. Đúng hơn là tôi choáng ngợp bởi hào quang. Tôi bị đẩy quá xa trong ảo vọng. Mơ mộng ư? Trời đất. Ba mươi tuổi rồi. Có sạn trong đầu rồi. Những gì tôi nghĩ tôi làm đều rõ ràng minh bạch. Điểm kỹ lại đi. Tôi mất gì nào? Tôi không mất gì cả. Để gì mà tôi chịu mất. Những gì tôi tích lũy còn đó. Vị trí của tôi vững vàng. Cả bản thân tôi nữa. Đừng gì trò cơ chế "xin - cho". Tôi đầy bản lĩnh và kiêu hãnh. Tôi mất gì nào? Mất gì nào? ... Tôi không mất gì cả. Không mất gì cả...

Và sáng hôm đó bỗng dưng tôi khạc một cái. Chuyện gì vậy? Đầu có nằm mơ tôi cũng không nghĩ được điều này. Nằm trên giường bệnh cảm môi thật chặt tôi biết mình không mơ. Ngoài con bạn thân duy nhất, tôi bước giá đình có giấu kín bệnh tình của tôi. Thiên hạ thật lòng thì ít, soi mói thì nhiều. Rồi thì tha hồ thù dết, tha hồ bình luận. Con bạn thân tất tả vào thăm. Nó nhìn tôi, không nói gì cả. Tôi tránh tia nhìn của nó. Một lần tôi nhắc đến Đăng và Rhett Butler. Con bé phá lên cười: "Đã nhìn kỹ chưa? Mày cũng lãng mạn ra phết nhỉ?".

Lạnh canh... lạnh canh... lạnh canh...

Đã nhìn kỹ chưa? Đã nhìn kỹ chưa?...

Gió, nhiều gió quá... Tôi nhồm đậy với lấy chiếc áo khoác bước ra ngoài. Nắng đang reo ngoài ngõ vắng. "Em bệnh hoạn gì đâu..." Câu nói đầu môi của Lữ mỗi lần ghé tạt vào bệnh viện thăm tôi. Đêm đầu tiên nhập viện một cô hộ lý đã nhẹ nhàng bảo tôi chuyển phòng, một căn phòng khá thoáng mát. Tôi được chuyển về một khu vực mà sự lấy nhiệm được xem là an toàn nhất. Nằm cả tuần lễ. Người ta xuất viện về ăn tết gần hết. Phòng ốc vắng hoe. Bác sĩ trưởng khoa, bạn Lữ. Có lẽ vì thế mà tôi bị giữ lại rất lâu, kiên trì làm hết xét nghiệm này đến xét nghiệm khác. Hội chẩn và hội chẩn. Tôi trở thành chai lì trước hai từ "hội chẩn". Không còn lo lắng, không còn cảm xúc. Hai mươi chín tết rồi. Tôi nằm xuôi tay ngó bức tường màu sơn loang lổ. Lữ đứng đỉnh bước vào:

- Thôi, về. Y học chịu thua em, có khủng long bạo chúa.

- Gió lại lùa vào lá lao xao. Tôi mím cười ngó lên bầu trời trong vẩn vẩn. Tôi nghe như đâu đó có tiếng chuông gió reo lên gọi theo tôi một chuỗi cười xa gần giòn giã... "Đề em ngắm và nghe". Lữ đã bảo tôi như vậy khi nhét cái gối nho nhỏ vào hành lý của tôi. Anh đưa tôi ra bến xe rồi từ đó không thư, không điện thoại, không một lời hỏi thăm nào nữa. Anh phó thác tôi cho cái chuông gió của anh. Ban đầu tôi treo chuông lên vì nó ngộ, vì không có việc gì làm. Nhưng dần dần tôi đã ngắm và nghe. Tôi theo tiếng chuông bước ra khỏi tôi và ngắm lại mình. Có phải tôi đó không? Tôi là cái gì trong guồng máy quay như điên cuồng đó? Có bao giờ tôi dừng lại một chút, chầm chậm một chút để nghe vang vọng bước chân mình. Như bây giờ đây, tôi đang nghe lao xao tiếng lá thông khô. Cuộc sống cũng cần những nốt trầm để mình lắng xuống, những khoảng lặng để thấy mình bình yên. Tôi ngồi xuống một tảng đá bên đường, xòe tay ra nghe từng giọt nắng ngấm vào da thịt. Gió vẫn đuổi nhau hun hút cuối đường. Ngắm và nghe. Tôi nhìn mệnh mang trời xanh và nghe đầu đó vọng về một cái tên: Ngô Phong Lữ.■



Minh họa của THÀNH CHUÔNG

LÀ ĐỘC GIẢ SAY MÊ TIỂU THUYẾT, nhưng cảm nhận về các mùa lại tràn ngập trong tôi nhờ thơ và ca khúc. Thật lạ lùng ngay cả những mùa xuân đã trải nghiệm, mãnh liệt nhất cũng vẫn sống lại khi tôi nghe văng lên một câu thơ, câu hát.

Gần đây, tôi có lần được hưởng một sự ngạc nhiên thích thú khi nghe tiếng đàn sô nổi của đứa cháu gái đàn lại một bài hát thời xưa cũ: *Xuân và tuổi trẻ* của La Hối-Thế Lữ. "Ngày thắm tươi bên đời xuân mới (...). Ta muốn hái muôn ngàn đóa hồng"...

Thời thơ ấu là thời ca hát. Mùa xuân xưa hiện lên qua cả một khúc hát mà tôi không còn nhớ tên tác giả nữa: "Kìa mùa xuân đến với ai rồi (...). Nhạc mùa xuân mỗi lúc em cười"... Nó điệp lại câu hát Pháp và tiếng cười lanh lảnh của các chị học trò trường Thăng Long hay đến nhà, khiến tôi nhìn thấy lại "một thị trấn cũ xưa, một tháp chuông nhà thờ". Ở bãi biển Sầm Sơn: "Et j'entends dans l'air pur d'un printemps ton rire éclatant # (Và tôi nghe tiếng cười lanh lảnh của em giữa bầu không khí trong vắt của mùa xuân)... Không khí trong vắt ấy, chỉ mùa xuân ở miền biển mới có- nó không thấm trong

Cảnh ấy cứ như vụn vào cảnh xuân năm 1947, ở Việt Nam đất nước đang lâm nguy. Còn đứa trẻ là tôi năm ấy phải tản cư vào tỉnh Thanh theo gia đình, lại thấm thía lời thơ ấy một cách thật ngỡ ngàng: vừa được theo chân Bác Hồ ra tận hội trường lớn nghe Bác kêu gọi nhân dân tỉnh "tiêu thổ kháng chiến", vừa được ngắm "đào xuân thắm... bạc xuân trong..." tại dinh cơ của một người bạn ba tôi (lúc ấy chưa bị quy là địa chủ). Đó là mái nhà dân đầu tiên đã che chở cho nhà tôi, trên bước đường "trường kỳ kháng chiến".

Mùa xuân, gió bắc có lẽ chỉ đặc trưng cho xuân đất Bắc, Hà Nội. Hoa mới thực sự là "logo" của mùa xuân phổ biến, vĩnh cửu. Chỉ thực sự là mùa xuân khi được "Hái một mùa hoa lá thuở măng tơ" (Xuân Diệu). Từ nhỏ, tôi đã tắm trong bầu không khí của hương hoa toả ra từ ca dao, đặc biệt là một loài hoa đại có cái tên thật nên thơ: "Trèo lên cây bưởi hái hoa/ Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân/ Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc/ Em có chồng rồi, anh tiếc lắm thay". Khi buộc phải rời Hà Nội vào những ngày mở đầu cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, thứ hoa đại mang tên "Tim

câu ca dao ấy lại nói: "Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc". Đúng là lúc còn đương nụ, nó thấp thoáng màu trắng ngà pha lục nhạt nơi cánh hoa đang khép lại. Nhưng khi đã nở ra... Cái vô lý lại khiến ta khó quên và chấp nhận, bởi âm hưởng được điệp trùng để dẫn tới dư vị cuối cùng: "Em có chồng rồi, anh tiếc lắm thay"... Rồi cũng vì tản cư - sau này gọi là "sơ tán" trong cuộc kháng chiến lần thứ hai - tôi sống ở nông thôn nhiều. Một vài loài hoa hiếm hoi, trước đó ở Hà Nội chỉ được chiêm ngưỡng như một loài hoa cảnh, nay được bung ra khỏi chậu, làm tôi hiểu thêm về đẹp thực sự sống động của những câu thơ về mùa xuân. Bởi chỉ có ở những ngôi nhà nông thôn, tôi mới thấy cây hải đường, trồng ngoài vườn, vươn lên trên bờ tường trong thơ Nguyễn Du: "Hải đường là ngọn đông lân/ Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà". Hay cây phù dung - dấu là ước lệ về các mùa, nhưng khoẻ mạnh, tràn đầy sức sống: "Nay đào đã quyen gió đông/ Tuyết mai trắng bãi, phù dung đỏ bờ...". Ở về cuối câu thơ, bản *Chinh phụ ngâm* của ba tôi (nhà văn Đặng Thai Mai) có chủ thích một câu hỏi: "Nghĩa là về mùa nào?". Nhưng với tôi, tất cả chỉ là mùa xuân, một hợp âm của

sang màu trắng. Còn phù dung mà nở trên bãi bờ, tôi chỉ có thể tưởng tượng được khi thấy các bãi trống đầy thanh thoát, sắc hoa thoang thoang giống phù dung. Nhưng "phù dung đỏ bờ" thì chỉ có trong *Chinh phụ ngâm*! Đây cũng là một cái phi lý ta sẵn sàng chấp nhận. Ngoài ra, trong ký ức, tôi còn nhớ một dị bản. Thay vì "Tuyết mai trắng bãi, phù dung đỏ bờ" là "Phù dung lại đỏ bên sông bờ phở". (Tôi nghĩ có lẽ dị bản ấy có thể đã được ghi trong bộ nhớ của đầu óc mình, vào năm 1949, khi ở Lương Điền, ba tôi đọc cho tôi chép bản thảo *Giảng văn Chinh phụ ngâm* in lần thứ nhất). So sánh hai câu, tôi thấy câu nào cũng hay, nhưng câu trên có vẻ mùa xuân hơn!

Có lần, tôi đã viết về mùa xuân trong thơ Văn Cao, và so sánh nó với ca khúc của nghệ sĩ tài hoa ấy. Tôi phát hiện ra rằng mùa xuân trong thơ Văn Cao luôn buồn, khác với ca khúc. Có thể với riêng ông, thơ là nơi bộc lộ những vùng miền riêng tư sâu thẳm nhất còn nhạc là nơi hoà âm với mọi người, với lý tưởng mà ngay cả trong những ngày buồn đau nhất, ông cũng chưa hề một lần khước từ nó (như Aragon chẳng hạn)? Một dấu hiệu đặc biệt liên quan tới mạch suy nghĩ

NHỮNG MÙA XUÂN DỆT BẰNG THƠ CA

ĐẶNG ANH ĐÀO

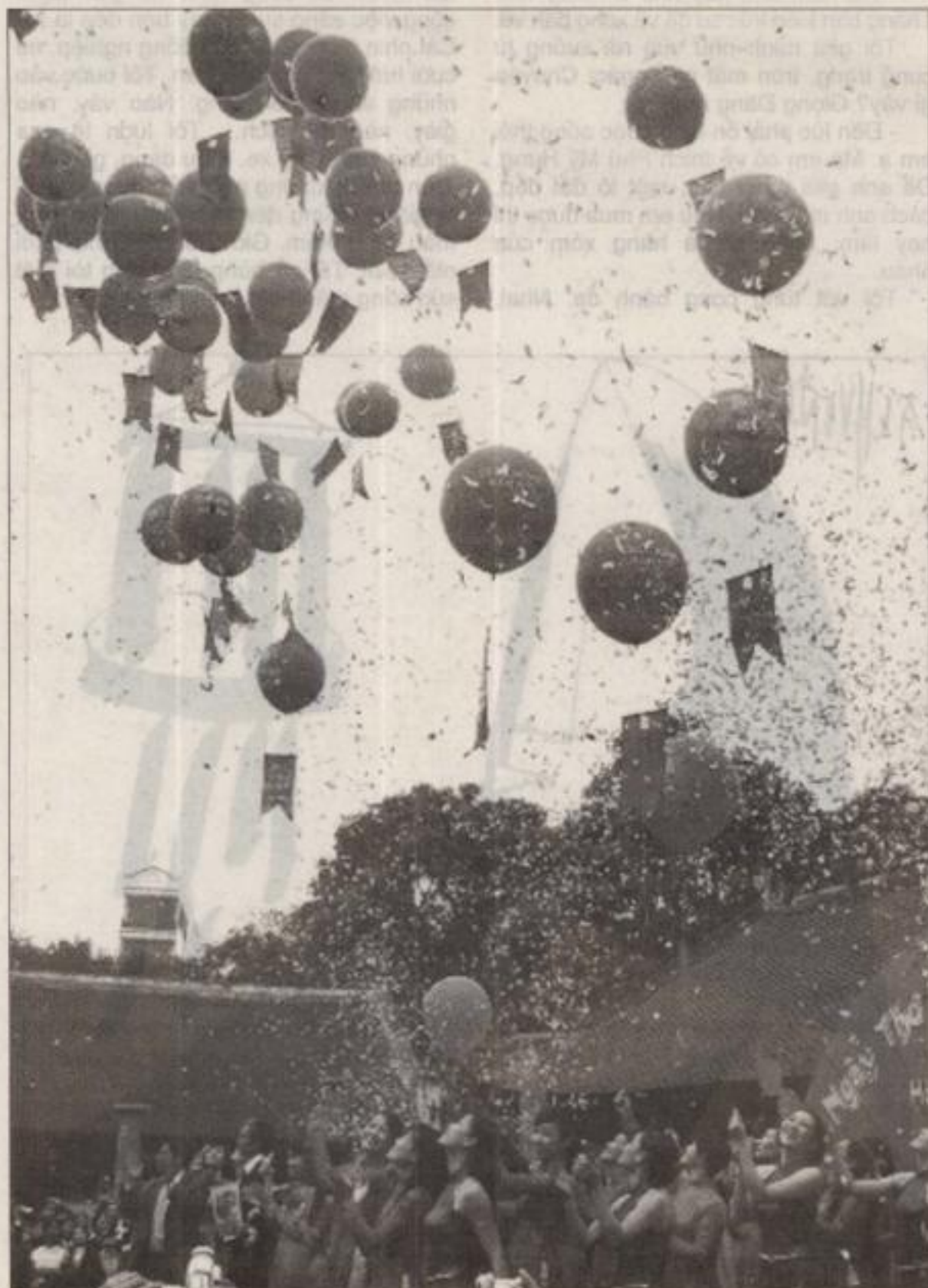
mưa bụi của Hà Nội. Tôi đã ăn Tết ở Sầm Sơn vào những năm 43, 45 của thế kỷ trước - kể cả cái Tết Ất Dậu (1945), ở Sầm Sơn không có cảnh "Chiếc xe xác đi qua phường Đa Lạc" hay "Tàn xuân nhè nhại mưa cô tịch" (Văn Cao) như ở Hà Nội.

Dù mang niềm vui hay nỗi buồn, mùa xuân của các nhà thơ miền Bắc đều xuất hiện qua làn mưa bụi. Ông đồ của Vũ Đình Liên giữa phố phường Hà Nội đông đúc càng cô đơn bởi "Lá vàng rơi trên giấy/ Ngoài trời mưa bụi bay". Mùa xuân lạnh và có lá vàng rơi, đó mới thực sự là khí hậu tự nhiên của Hà Nội mà tôi cảm thấy tự những ngày thơ bé. Nguyễn Bình đã viết nhiều về những mùa xuân, mưa xuân - một thứ mưa bay, mưa bụi: "Mưa bụi nên con không ướt áo (...). Bữa ấy mưa xuân đã ngai bay/ Hoa xoan đã nát dưới chân giày"... Năm 1947, khi Quang Dũng phải rời khỏi Hà Nội là vào ngày xuân Tết, nên thơ của người ra đi đã thấm ướt thứ mưa nặng hạt hơn mưa bụi: "Những làng trung đoàn ta đóng lại/ Tiếng nêu đưa khánh dưới mưa phùn"... Để rồi năm 48, "Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy" lại chìm trong một biển mưa mù mịt: "Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống/ Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi". Có lẽ chỉ có thơ Tố Hữu là không gần với mưa đặc trưng cho mùa xuân đất Bắc. Bởi thế, những câu thơ sau đây có lẽ mang ý nghĩa tượng trưng nhiều hơn: "Xuân bước nhẹ trên hành non lá mới/ Bạn đời ơi, vui lắm cả trời hồng". Tố Hữu đã không mượn cảnh tả tình, mà từ tình suy ra cảnh: năm 1945, thơ Tố Hữu đang là cánh én của mùa xuân Cách mạng! Thế nhưng những câu thơ nói về mùa xuân ở *Từ ấy* mà tôi thích nhất lại là mùa xuân của "Mặt Châu quốc đang những giờ hấp hối" thời kháng Nhật. Khi người mẹ già của dũng tướng bại trận - Mã Chiếm Sơn - kêu lên: "Chiếm Sơn đâu, cứu nước, Chiếm Sơn đi!".

"...Thì nơi kia Mã văn tướng tươi cười
Cúi lạy mẹ, chúc mừng ly rượu thơ:
Đào xuân thắm dâng hương vào cửa sổ
Bạc xuân trong rắc trắng mái hành lang"...

Mùa Xuân" ấy, tôi đã được thấy nó lan toả trên một bức tường trường Tiểu học vùng quê, vươn ra ngoài câu ca dao. Một mùa xuân hoang dại. Cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa dám chắc rằng mình đã hiểu vì sao

màu hồng, tuyết, đỏ... Phù dung là loài hoa quý hiếm, sớm nở tối tàn. Ở nông thôn, tôi đã được ngắm cây phù dung bên cửa sổ ngôi nhà sơ tán, chỉ đơn độc một cây, sáng nở hoa tím, chiều ngả dần



về hoa, đáng lưu ý ở thơ Văn Cao đó là: những mùa xuân không có hoa, đúng như nhan đề một bài thơ viết năm 1957 *Mùa xuân không nở* - hình ảnh này trở thành một motif, một ám ảnh không chỉ riêng ở bài thơ này, mà còn trở lại trong những bài thơ sau. Và thật lạ lùng, có một lần hoa xuất hiện, nó lại là phiên bản của "mặt nạ giấy bồi": "Tơ lụa pha len, hoa giấy ni-lông/ Những mặt nạ gặp nhau chào hỏi". Và ở một bài thơ khác, vẫn không phải là hoa thực, mà là ẩn dụ về sự tan hoà "giữa hai cảnh non", đôi lứa anh và em: "Nghe nhựa mùa xuân/ Những nụ hồng mới nở". Tuy ở ca khúc, Văn Cao có vui hơn nhưng dư vị cuối cùng ở một tuyệt tác về mùa xuân vĩnh cửu như *Thiên thai* vẫn là nỗi buồn. Làm sao ta vượt tới được "mùa đào đông ngày tháng chưa tàn qua một lần"?

Bởi lẽ mùa xuân thức tỉnh những hy vọng, ước mơ, mà mơ ước càng đẹp càng dễ tan vỡ. Một người vui vẻ như Hồ Xuân Hương cũng tả cảnh du xuân, thì cuối cùng vẫn là một sự trống rỗng (tôi hiểu theo một ý nghĩa khác với lối giải mã tiểu lâm về Bà Chúa thơ Nôm xưa nay): "Cọc nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không"... Dẫu có mang tên là Nguyễn Thị Đào, thì vẫn phải chịu cảnh "chữ rằng Xuân bất tái lai"... Phiên chợ Tết của Đoàn Văn Cừ vui mấy cũng có lúc tàn. Mùa xuân rực rỡ nhưng ngắn ngủi - đặc biệt ở khí hậu nước ta - nên có lẽ dễ gợi lên sự phai tàn, nỗi tiếc. Hai câu thơ trong *Tổng biệt* của Tản Đà đã nói lên dư vị ám ảnh ấy: "Lá đào rơi rắc chốn Thiên Thai/ Suối tiễn, oanh đưa luống ngậm ngùi".

Trong lịch sử, thời kỳ mà dân Việt Nam trải qua nhiều biến cố nhất- chiến tranh, chế độ xã hội... chính là khoảng từ đầu thế kỷ 20 đến nay. Vậy mà những câu thơ còn đọng lại trong tôi vẫn là những khúc hát ru của mẹ, của các dì, những trang *Kiểu*, *Chinh Phụ Ngâm*. Cả những lời thơ mới nay "đã cũ", bởi gần với những biến cố nhất thời, nhưng tôi vẫn thuộc nằm lòng. Thơ có sức mạnh phi thời gian, nên chỉ có mùa xuân của thi sĩ mới có thể đạt tới sự sống vĩnh cửu như mùa xuân của thiên nhiên. ■

ĐẠM PHƯƠNG NỮ SỬ MỘT DANH NHÂN VĂN HOÁ (*)

(Tiến tới cuộc Hội thảo về ĐẠM PHƯƠNG NỮ SỬ)

NGUYỄN KHOA ĐIỂM

LTS: Đạm Phương Nữ Sử tên thật là Công Tôn Nữ Đổng Canh tự là Quý Lương sinh năm Tân Tỵ (1881) tại phủ Tôn Nhơn kinh đô Huế, thân phụ là Nguyễn Miên Triện (tức hoàng tử thứ 66 của vua Minh Mạng, thụ tước Hoàng Hoá Quận Vương).

Năm 1918 Công Tôn Nữ Đổng Canh với bút danh Đạm Phương Nữ Sử xuất hiện trên các báo, tạp chí ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ như: Nam Phong, Phụ nữ thời đàm, Tiếng dân, Hữu Thanh, giữ chuyên mục Lời đàn bà trên Báo Thực nghiệp, làm trợ bút cho Báo Trung Bắc Tân văn và giữ chuyên mục Văn đàn bà trên báo này từ 1919 đến năm 1928. Với vốn quốc ngữ phong phú và khả năng diễn đạt thành thạo, Đạm Phương Nữ Sử đã vượt lên ở vị trí kỳ giả hàng đầu về số lượng bài đăng báo một thời hồi đầu thế kỷ.

Bà cũng là người sáng lập Hội nữ công hội Hội Huế năm 1926 và trực tiếp làm hội trưởng. Bà thảo ra tôn chỉ, mục đích, nội quy và chương trình hoạt động của Hội. Đây là tổ chức phụ nữ phi chính phủ đầu tiên ở nước ta thời chính quyền thực dân thừa nhận.

Hoạt động của Hội được dư luận báo chí thời đó cổ vũ về xu hướng tiến bộ. Ảnh hưởng của Hội lan truyền ra tới Vinh, Thanh Hóa, Hà Nội, Hải Phòng vào tới Nha Trang, Sài Gòn, Gia Định, Cần Thơ, Hội An. Hội Nữ công Huế còn là chỗ dựa cho phong trào nữ học sinh trường Đổng Khánh và học sinh trường Quốc học Huế bãi khóa. Chính vì vậy mà năm 1929 chính quyền thực dân Pháp ra lệnh cho chính phủ Nam triều bắt bà Đạm Phương Nữ Sử giam hai tháng trong nhà tù.

Bà tạ thế ngày 10 tháng 12 năm 1947 khi đang tảo cư tại Lạc Lâm, Thanh Hóa, hưởng thọ 66 tuổi.

Từ Công Tôn Nữ Đổng Canh sinh thành trong phủ chúa lầu son gác tía, đến Đạm Phương Nữ Sử nữ kỳ giả Việt Nam đầu tiên có cuộc đời, văn nghiệp cống hiến vào sự nghiệp độc lập của dân tộc và tiến bộ của đất nước Việt Nam. Trong đó đặc biệt là những đóng góp vào các lĩnh vực ngôn ngữ tiếng Việt, ngôn ngữ báo chí, văn, thơ, dịch thuật, đặc biệt là những công trình giá trị như: Giáo dục nhi đồng, Phụ nữ gia đình, Gia đình giáo dục thường dân... hồi đầu thế kỷ trước.



Bà Đạm Phương với chồng ông Nguyễn Khoa Tùng.

NĂM 1998, trong bài giới thiệu sách "Tuyển tập Đạm Phương nữ sử" do Nhà xuất bản Văn học ấn hành, nhà nghiên cứu Lê Thanh Hiến, nay đã mất, có kiến nghị tổ chức một cuộc Hội thảo về Đạm Phương nữ sử do những đóng góp nhiều mặt của bà. Mùa hè năm nay, nhân kỷ niệm 130 năm ngày sinh của Đạm Phương nữ sử, chắc hẳn cuộc Hội thảo sẽ được tổ chức tại Huế, quê hương của Bà với sự phối hợp giữa Tỉnh Thừa thiên Huế và Viện Văn học Việt nam

Bà Đạm Phương được giới thiệu lần đầu trong "Lược truyện các tác gia Việt Nam" do Trần Văn Giáp chủ biên xuất bản năm 1972. Bà là một tác giả nữ được ghi chép trong tổng số 851 tác gia văn học Việt nam kể từ thế kỷ XI đến năm 1945. Tuy nhiên lời giới thiệu lúc đó còn khá sơ sài.

Năm 1995, Nhà xuất bản Trẻ đã xuất bản quyển "Đạm Phương nữ sử" - công trình biên khảo của Nguyễn Khoa Diệu Biên và Nguyễn Cửu Thọ, cán bộ giảng dạy văn học và nhà văn đồng thời cũng là hai người cháu nội và ngoại của bà với phần khảo cứu khá công phu kèm theo một phần giới thiệu tác phẩm gồm 28 bài thơ và từ, 21 bài báo và một chương trong sách "Giáo dục nhi đồng" của Đạm Phương nữ sử. Các tác giả đã cung cấp một danh mục gồm 155 bài báo của bà đăng tải trên nhiều tờ báo đương thời, nhiều nhất là trên tờ Trung Bắc tân văn. Do phải đọc chép nhiều bài báo trên máy microfilm nên một số câu chữ trong sách "Đạm Phương nữ sử" còn bị nhầm lẫn.

Năm 1999, nhà xuất bản Văn học đã phát hành quyển "Tuyển tập Đạm Phương nữ sử" với 573 trang khổ 13 x 19 cm do tác giả Lê Thanh Hiến sưu tầm, biên soạn, giới thiệu. Trong lần xuất bản này, Lê Thanh Hiến đã chú ý đưa vào các công trình khảo cứu về giáo dục phụ nữ, con gái và nhi đồng của bà. Lần đầu tiên tiểu thuyết "Kim Tú Cầu" được giới thiệu. Riêng phần các bài báo và thơ của bà thì cơ bản lấy lại theo sách của Nguyễn Khoa Diệu Biên và Nguyễn Cửu Thọ.

Đầu năm 2010, gia đình bà có tổ chức đợt sưu tập mới về Đạm Phương nữ sử chủ yếu dựa vào kho báo chí của Thư viện Quốc gia và Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, một phần sao chép từ thư viện nước ngoài, làm cơ sở bổ sung và sửa chữa cho lần xuất bản mới vào tháng 12. 2010 của nhà

xuất bản Văn học. Số thơ, từ khúc, câu đối lần này có 36 bài; số bài báo: 118 bài; số tiểu thuyết: 2 tập; số công trình khảo cứu: 3 tập. Sách in thêm Lời nói đầu của nhà xuất bản, giữ lại Lời giới thiệu của Lê Thanh Hiến và thêm phần Phụ lục "Những cột mốc trong cuộc đời Đạm Phương nữ sử - Đối chiếu thời cuộc" của Nguyễn Khoa Điểm. Tuyển tập lần này dày 636 trang khổ lớn 16 x 24 cm, in ấn công phu, thu thập được nhiều bài vở của Đạm Phương nữ sử, đáp ứng một phần yêu cầu kỷ niệm 130 năm ngày sinh của bà, tuy nhiên vẫn chưa sưu tập được hết các công trình của bà còn tản mác trên sách báo.

Con số mới nhất về số lượng tác phẩm của Đạm Phương nữ sử mà gia đình hiện có là:

- 42 bài thơ, gồm cả từ khúc, câu đối.
- 181 bài báo, gồm cả truyện ngắn, bài sưu tầm, dịch thuật.

- 3 tiểu thuyết (Kim Tú Cầu, Hồng phần tương trí, Chung Kỳ Vinh)

- 3 tập khảo cứu (Bàn về vấn đề giáo dục con gái, Phụ nữ dự gia đình, Giáo dục nhi đồng)

Chắc hẳn đây chưa phải là con số cuối cùng.

Một thuận lợi cho việc sưu tập lần này là việc ghi chép được thực hiện trực tiếp trên những trang báo in còn lưu giữ được nên tránh được phần nào những sai sót đáng tiếc.

Gần đây những đóng góp của bà Đạm Phương đã bắt đầu được cơ quan nhà nước và giới nghiên cứu chú ý đến:

- Tỉnh Thừa thiên - Huế đã lấy tên bà để đặt tên một đường phố ở Huế.

- Từ điển Văn học (bộ mới) do Nhà xuất bản Thế giới ấn hành năm 2003 có mục từ tên của bà.

- Trong sách Các vị nữ danh nhân Việt nam của nhà văn Lê Minh Quốc, Nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 2008, bà Đạm Phương được biên soạn bên cạnh 27 nữ danh nhân của đất nước qua các đời.

- Trong các công trình sách, báo nghiên cứu của Nguyễn Kim Anh, bà Đạm Phương cùng Huỳnh thị Bảo Hòa và Phan thị Bạch Vân được xếp là ba tác giả tiểu thuyết đầu tiên của miền Nam.

- Trong công trình khảo cứu của nhà sử học Mỹ David G. Marr "Truyền thống Việt nam trong bước chuyển tiếp 1920 - 1945" (xuất bản 1981), tên của bà Đạm Phương và hoạt động Nữ công học hội

được nhiều lần nhắc đến trong chương 5 "Vấn đề phụ nữ".

- Công trình khảo cứu "Giáo dục nhi đồng" (1942) của bà được nhiều nhà xuất bản cho tái bản.

Ngoài ra, nhiều quyển sách, bài báo khác cũng dành cho bà những lời trân trọng.

Sở dĩ bà được quan tâm ngày càng nhiều có lẽ là do trong sự nghiệp của bà có một số điểm đáng chú ý sau:

- Bà là phụ nữ yêu nước lại có tinh thần canh tân, dân chủ. Là người sống vào đầu thế kỷ XX, bà vừa là bạn cụ Phan, cụ Huỳnh, cộng tác với Tân Đà, Nguyễn Bá Học, nhưng cũng giao lưu với lớp trí thức mới như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Diệp Văn Kỳ...

- Bà sớm đặt vấn đề đổi mới địa vị và thân phận phụ nữ, đưa phụ nữ ra với xã hội, tuy nhiên giữ gìn truyền thống phụ nữ Việt nam, bà không cực đoan trong xây dựng lối sống phụ nữ, mà rất coi trọng gia đình, chức trách làm mẹ của nữ giới. Tiếng nói của bà vì vậy rất có uy tín trong dư luận đương thời. Bà là một phụ nữ hiếm hoi được các báo tạp chí lớn mời giữ mục phụ nữ, đàn bà trong nhiều năm. Từ 1922, những bài báo của bà từng được tờ "Lục tỉnh Tân văn" đặt dưới chuyên mục "Phụ nữ diễn đàn" (Féminisme). Ngày nay chúng ta thường dịch từ Féminisme là chủ nghĩa nữ quyền.

- Tuy nhiên bà không đặt vấn đề bình đẳng nam nữ một cách chung chung và ồ ạt, mà theo bà, trước hết phải coi trọng đào tạo nghề, mở trường dạy nghề cho phụ nữ, qua đó xây dựng khả năng tự lập, cũng tức là bảo vệ nhân cách cho nữ giới. Đây là tư tưởng rất mới.

- Bà đề cập rất sớm việc lập trường nữ công (1922), xây dựng Thư xã phụ nữ, ra mắt tờ báo của phụ nữ... làm nguồn động viên thúc đẩy mở ra nhiều sinh hoạt nhộn nhịp của nữ giới nước ta từ 1926 đến năm 1930.

- Không chỉ hô hào lý thuyết, bà trực tiếp hành động, mở Nữ công học hội, lập nhà giữ trẻ, khuyến khích hoạt động kinh doanh của nữ giới, vận động các tỉnh mở rộng phong trào Nữ công

- Bà sớm đề xuất áp dụng những phương pháp dạy trẻ hiện đại, cổ xúy quan niệm giáo dục mới tôn trọng nhân cách trẻ, coi trọng tính chủ động sáng tạo của người đi học, giáo dục trẻ trên cơ sở tình thương và qui củ... Đó là những quan niệm có tính thời sự ngay cho cả

hôm nay.

- Là một người cầm bút trong bước chuyển đổi của sách vở chữ nghĩa từ truyền thống sang lối viết hiện đại, bà áp dụng nhiều hình thức sáng tác: viết nghị luận, tùy bút, truyện ngắn, dịch thuật, làm thơ, viết từ khúc, khảo cứu, đôi khi viết tin, sưu tầm ca dao, tục ngữ, tuy nhiên đáng chú ý hơn cả là bà đã có những đóng góp khá sớm cho thể loại tiểu thuyết vốn là một thể loại đòi hỏi cảm quan nghệ thuật mới trong tiếp cận hiện thực. Ở bất cứ thể loại nào bà cũng chỉ nhằm về một mục tiêu mà bà không nguôi day dứt đó là động viên người phụ nữ vươn lên tự đổi mới thân phận, địa vị của mình. Điều đáng tiếc là những tập thơ chữ Hán của bậc "nữ sử" cung đình đã thất lạc hết, không còn giữ được một bài nào.

- Là người mẹ hiền, bà đã dạy dỗ và khuyến khích con cái sớm rèn luyện và sống xứng đáng trong đường đời, trong đó phải kể đến những con trai của bà đã dần thân, đi vào con đường cách mạng và đã lần lượt ngã xuống trước ngày nước nhà độc lập, thống nhất. Đó là các nhà giáo Nguyễn Khoa Tú, nhà văn Hải Triều, nhạc sĩ Hải Châu.

- Là một phụ nữ hoàng tộc, nhưng với những hoạt động sôi nổi đó, bà cũng không tránh khỏi sự đàn áp vừa tinh vi, vừa khốc liệt của chủ nghĩa thực dân, bằng việc bắt bớ giam cầm bà, giết chóc tù đầy con cái của bà, khi công khai khi ngầm luôn tìm cách trấn áp gia đình bà. Từ những năm 30 trở đi hoạt động của bà bị trở ngại nặng nề, bà chỉ còn con đường lặng lẽ viết sách và bị bệnh mất sớm trong khung cảnh khó khăn của vùng nông thôn ngày đầu kháng chiến năm 1947 tại Thanh Hóa.

Với sức lực một phụ nữ trí thức có 6 mặt con mà nếu tính cả đại gia đình là 11 người con, đâu có muốn làm gì nhiều hơn bà cũng không làm được nữa khi chính cái xã hội thuộc địa đã đổ xuống cuộc đời bà muôn nghìn gian lao, vất vả, cay đắng.

Ngày nay nhớ lại những đóng góp của bà cùng những nỗi gian nan mà một phụ nữ giàu nhiệt huyết và tài năng như vậy đã gánh chịu càng làm đậm nét trong chúng ta lòng khao khát muốn làm được nhiều hơn nữa cho quyền sống bình đẳng và hạnh phúc của nữ giới nước nhà.

(*) Đầu đề bài viết của Tòa soạn.

ẤM TẾT NGƯỜI NGHÈO

TRẦN KỲ TRUNG

KHOẢNG bốn giờ sáng, một ngày giáp tết năm Tân Mão, theo đúng kế hoạch, tôi dắt chiếc xe máy ra ngoài, thế mà vẫn bị nhà văn Thái Bá Lợi nhắc nhở qua điện thoại: "Dậy chưa? Khẩn trương đến chỗ tập kết, mình đợi". Tiếp nữa, mới đi được một đoạn đường, tôi lại nhận điện thoại của nhà thơ Văn Công Hùng, ủy viên ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam từ Plâycu điện xuống: "Các ông cố gắng hoàn thành nhiệm vụ nhé. Bọn mình đến với đồng bào nghèo, vật chất có thể chưa đầy đủ, nhưng không thể thiếu tình, cố gắng làm cho tốt. Tôi tiếc vì nhiều việc mà không đi được. Có khó khăn gì nhớ nói cho tôi biết...". Cách đây mấy ngày, Văn Công Hùng đã biết về việc này, anh vui và rất muốn tham gia cùng chúng tôi đi làm từ thiện giúp đồng bào nghèo. Tuy không đi được, nhà thơ vẫn động viên và theo dõi hành trình của chúng tôi.

Đoàn làm công tác từ thiện ngoài một số nhà văn Việt Nam còn có một số nhà văn, nhà thơ, nhà báo... đang sinh hoạt trong Hội Nhà văn Đà Nẵng như nhà thơ Nguyễn Đức Chữ, nhà nghiên cứu văn học, dịch thuật Phạm Đông, nhà văn nữ Thu Sương, nhà báo Lê Quốc Kỳ, nhà báo Nguyễn Thị Mỹ, nhạc sỹ Phạm Quang Thức... Trong đoàn còn có một số doanh nhân làm ăn thành đạt tại Đà Nẵng cũng như ở nước ngoài như bà Phùng Thị Tàu, bà Phùng Thị Mỹ Phượng...

Năm giờ sáng, tôi đến vị trí tập kết, đường Duy Tân (Đà Nẵng), trời vẫn còn tối, nhiệt độ xuống thấp, như nhận rõ cái lạnh áp vào bàn tay, cạ vào da mặt... điều đó cũng không làm ảnh hưởng đến không khí khẩn trương chuẩn bị đưa hàng cứu trợ cho đồng bào nghèo ở huyện Tây Giang (Quảng Nam). Khi tôi đến đã thấy nhà văn Thái Bá Lợi cùng nhà thơ Lê Anh Dũng và mọi người đang chuyển với hơn hai trăm suất quà là quần áo ấm lên xe ô tô (Hai trăm suất quà này do gia đình nhà thơ Lê Anh Dũng tự bỏ tiền ra để mua tặng đồng bào nghèo). Xong việc, hai anh tiếp tục lao vào chuyển hàng cứu trợ của mấy tổ chức từ thiện thành phố gồm chăn màn, sách vở, mẩm rước, thuốc men... lên chiếc xe ô tô 16 chỗ ngồi, chiếc ô tô được bộ tư lệnh quân khu V cho mượn. Cũng phải nói thêm, khi nhìn số lượng hàng làm từ thiện quá nhiều, một chiếc ô tô của Huyện ủy Tây Giang điều xuống chỗ không hết, nhà thơ Lê Anh Dũng, cũng là chỗ thân tình, đề nghị Bộ tư lệnh quân khu V giúp. Đồng chí Phó tư lệnh lập tức đồng ý ngay: "Các nhà văn Việt Nam đi làm từ thiện trong những ngày giáp tết như thế này, chúng tôi rất cảm động. Các đồng chí cần một chiếc ô tô chứ mấy chiếc để làm việc này, chúng tôi cũng sẵn sàng giúp".

Đoạn đường đèo tỉnh lộ từ Đà Nẵng lên Tây Giang dài hơn hai trăm cây số, qua những đợt lựu vừa qua đã bị hư hỏng một cách nghiêm trọng. Một bên là vách núi đất đá đổ từng đoạn, một bên là vực cạn với những con suối chảy xiết, xe ô tô cứ chồm lên, lại sụp xuống, người ngồi trên xe lắc lư y như đi thuyền giữa những cơn sóng. Nhà văn Thái Bá Lợi có vẻ mệt, thỉnh thoảng tôi thấy anh ôm ngực, cổ nức cơn ho. Còn nhà thơ Lê Anh Dũng, do nhường ghế trên cho mấy chị lớn tuổi đi trong đoàn, ngồi hàng ghế cuối, đôi lúc nhăn mặt vì độ xóc của chiếc ô tô... Khi xe ô tô chở đoàn chạy qua A Vương, Đông Giang... những địa danh nổi tiếng thời đánh Mỹ, nhà văn Thái Bá Lợi như tỉnh táo kể những kỷ niệm cháy gan, cháy ruột của một thời khói lửa ác liệt mà anh cùng nhà văn Thanh Quế, nhà thơ Ngân Vịnh, nhà thơ Bùi Minh Quốc... trải qua. Mọi người chăm chú lắng nghe, vì thế cũng cảm thấy đoạn đường đang đi như ngắn lại. Qua cửa ô-tô, nhìn ra những cánh rừng bị phá tàn trụi, trơ ra những sườn núi loang lổ màu xám xịt của cây cháy, đá phơi lỏn nhổn, đất bạc phết màu tro... Rồi dọc đường, nhìn rõ những căn nhà lợp tôn, vách gỗ rất mỏng, thưa nằm chênh vênh bên vệ đường, trước cửa những đứa trẻ cời trống, đi chăn đất, mặt mũi tím tái vì lạnh... ánh mắt của chúng tôi nhìn nhau đều ưu tư. Rừng bị phá nhiều thế kia, kinh tế không phát triển, thiếu thốn, các hệ thống giáo



Nhà văn Thái Bá Lợi và nhà thơ Lê Anh Dũng đang phát quà



Tác giả ngồi bên anh ALăng Bút

dục không có... người dân sẽ sống thế nào? Đến mùa lũ lụt, họ sẽ chuyển đi đâu? Cái nghèo, cái đói cứ bám riết, biết bao giờ những người dân vùng sâu, vùng xa này mới có thể "an cư, lạc nghiệp"?

Đón chúng tôi, là Briu Liểc, người dân tộc Cà Tu, ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư huyện ủy Tây Giang. Nét mặt của Briu Liểc có vẻ mừng khi thấy đoàn làm công tác từ thiện của Chi hội nhà văn Việt Nam tại Đà Nẵng. Briu Liểc nói câu này làm cho nhà văn Thái Bá Lợi cảm động: "Nghe tên anh đã lâu, lại đọc truyện ngắn "Hai người trở lại trung đoàn" do anh sáng tác, bây giờ mới gặp, tôi vui lắm. Vui hơn lại biết anh cũng tham gia vào đoàn làm từ thiện này. Anh đã ủng hộ chúng tôi cả tinh thần lẫn vật chất!". Có lời khen nào hay hơn của một độc giả với một tác giả. Tôi nghĩ, đâu chẳng đường hôm nay đi có dài, có mệt, nhưng nhà văn Thái Bá Lợi vẫn là người hạnh phúc khi có một độc giả thân thiết nói

với mình như vậy.

Bỏ qua những thủ tục ngoại giao ban đầu, không có "rào trước, đón sau", mọi người vào việc ngay, làm sao đưa được hàng cứu trợ đến nhanh nhất với đồng bào, để đồng bào có quà đón tết. Chỉ dừng lại ở trụ sở huyện ủy Tây Giang khoảng mười lăm phút, đội xe làm công tác từ thiện khởi hành xuống cơ sở. Briu Liểc cùng đi với đoàn để trực tiếp dẫn đường.

Vừa đi trên xe, Briu Liểc vừa giới thiệu sơ qua tình hình của huyện. Huyện Tây Giang là huyện mới thành lập, nhìn chung còn rất nhiều khó khăn, hơn 97% dân số là đồng bào dân tộc Cơ Tu. Kinh tế chưa phát triển, vẫn chủ yếu là làm rẫy, rừng bị phá nhiều, cộng với thiên tai tai dồn dập... nên cuộc sống của đồng bào chưa đảm bảo, dân trí còn thấp (Cả huyện mới có 35 em được vào cao đẳng và đại học). Bình quân thu nhập có hơn bốn triệu đồng, một đầu người, một năm. Để duy trì được mức sống

như hiện nay của đồng bào là cả một sự cố gắng rất lớn của Đảng và Nhà Nước. Tuy thế, nếu như có sự giúp đỡ từ thiện của các tổ chức phi chính phủ, của các nghiệp đoàn, cá nhân... công tác "an dân" sẽ tốt hơn. Điều ước muốn của Briu Liểc, như anh nói với chúng tôi: "... Rất mong các nhà nghiên cứu khoa học xã hội, tự nhiên, nhà văn, nhà báo... lên Tây Giang thường xuyên tìm hiểu thực tế giúp chúng tôi để ra được quyết sách đúng, phù hợp với điều kiện, văn hóa đồng bào dân tộc làm cho Tây Giang phát triển vững mạnh, bền vững về kinh tế, đặc biệt là văn hóa, nâng cao mức sống để giữ được rừng của đồng bào khu vực này". Lời tâm sự của Briu Liểc, người đứng đầu một huyện miền núi, tuổi đời còn trẻ, có trình độ đã khiến cho các nhà văn, nhà thơ, mấy vị làm kinh doanh có tên tuổi... đi trên xe suy nghĩ nhiều.

Đến khu đến thờ tổ quốc đặt trên một bãi đất cao, bằng phẳng thuộc xã A Tiêng, mọi người trong đoàn đã thấy đồng bào dân tộc tụ tập rất đông, nét mặt người nào cũng lộ vẻ háo hức, phấn khởi... Ngày giáp tết mà sao gió vẫn lùa, trời vẫn rét, bầu trời không có nắng, người đến với người chỉ có lòng đồng cảm như cổ vơi đi nỗi nhọc nhằn.

Quà từ thiện được phân phát ngay tại chỗ. Nhà văn Thái Bá Lợi, nhà thơ Lê Anh Dũng được mọi người nhất trí phân công đứng ra làm công tác phân phối này. Mấy trăm suất quà cùng với tiền, thuốc men, sách vở... được hai anh phân phát một cách khoa học. Điều cảm động của đồng bào dân tộc, là mọi người nhận quà rất trật tự, nhường nhịn không hề có cảnh chen lấn. Hai anh làm như quen cá một, chị Phùng Thị Tàu, một Việt Kiều từ Mỹ về, đi theo đoàn, mang theo bốn mươi triệu đồng làm công tác từ thiện rất vui khi thấy những đồng tiền của mình cùng những gói quà từ thiện trong nước đã được các nhà văn Việt Nam trao tận tay đến đúng đối tượng. Chị nói: "Tôi rất hân hạnh đi làm từ thiện với các nhà văn Việt Nam, vừa vui, vừa cảm động. Qua việc làm của các anh, tôi thấy tình cảm của người mình trong nước rất đậm đà. Tôi sẽ nói điều này với bà con Việt nam ở hải ngoại để mọi người hiểu thêm về các anh, vận động mọi người về nước cùng các anh làm nhiều cuộc từ thiện...". Hơn hai tiếng đồng hồ, hơn bốn trăm suất quà từ thiện và bốn mươi triệu đồng của các doanh nhân trong và ngoài nước gửi tặng đã đến tận tay những hộ người dân tộc nghèo của chín buôn trong xã A Tiêng, huyện Tây Giang.

Trên đường về lại Đà Nẵng, đoàn ghé thăm anh ALăng Bút (huyện Nam Giang) một anh hùng thầm lặng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ trước đây. ALăng Bút bị mù hai mắt, nhưng anh là một giao liên vận chuyển lương thực, súng đạn nổi tiếng của dãy Trường Sơn. Tấm gương của anh đã nhiều lần đài, báo nói đến. Nhưng... hiện tại do thất lạc giấy tờ và, không biết tôi nói điều này có đúng không? sự quan liêu đến tắc trách của một số cán bộ cơ quan làm chính sách, A Lăng Bút không có một chút đài ngộ nào cả, hoàn toàn tay trắng. Khi đoàn nhà văn Việt Nam làm công tác từ thiện đến thăm, anh ALăng Bút bị ốm nặng, không có tiền để mua thuốc chữa bệnh, mạng sống chỉ tính từng ngày. Nhìn cảnh A Lăng Bút run rẩy bấy, không thể đứng được, được người nhà đi từ trong một lều vải và vùi chằng đụp tối tăm ra chào mọi người, ai trong đoàn cũng chạnh lòng, đau đớn. Chẳng lẽ một anh hùng, anh hùng thực sự mà cả dân tộc biết ơn lại chịu cảnh như thế này! Tất cả mọi người trong đoàn làm công tác từ thiện còn bao nhiêu tiền đều đưa hết cho anh ALăng Bút. Một chút quà an ủi ALăng Bút, mong anh hãy cố gắng giữ sức khỏe, vượt qua cơn bĩ cực.

Đất nước mình liệu có bao nhiêu người như ALăng Bút? Nghĩ lại thật xót lòng.

Ngày giáp tết Tân Mão, các nhà văn Việt Nam đang sinh hoạt trong Chi hội nhà văn Việt Nam tại Đà Nẵng, qua công tác từ thiện, thực sự đã trở về nguồn, đã thấy những điều mình cần viết và cũng tin rằng, đó là những tác phẩm có nội dung tốt trong tương lai. Khi nghe chúng tôi báo cáo lại việc này, nhà thơ Văn Công Hùng vui và anh nói to trong điện thoại: "Xin chúc mừng!"



MAI VĂN PHẤN
Trà xuân

T
hanh thân uống trà
Nắng sáng màu hoa nâu ve ào
Chân em co duỗi nền gạch ô vuông
Mở không gian hương trà thơm
Từ cánh tay, ngón cổ
Móng chân sơn đậm màu trà
Nhắc anh hãy nhấp
Chậm từng ngụm
Thấy vật chèo lên xanh buổi sớm
Búp chèo se lại
Tùng nóc nhà, đỉnh núi đội sương lên
Mây trắng đến quán quanh ý nghĩ
Anh uống gần cạn ly trà
Chỉ vờ vẫn hình dung mây trắng
Gương mặt em ẩn hiện
Rạng rỡ, lo âu
Hạnh phúc và em...
Chén trà ngon anh thêm mình mãi
Dù đã uống cả làn mây trắng
Vẫn móng chân màu trà ẩn hiện bay qua

NGUYỄN TÝ
Về thôi

Ừ, thi về lẩn lưa chi nữa
Sài Gòn quanh năm ô nhiễm
Kẹt xe sáng, chiều
Chỉ có ngày nghỉ bầu trời loăng...

Ừ, thi về lẩn lưa chi nữa
Bao năm vẫn sống cảnh thuê nhà
Mạ càng già
nhà vắng
Anh em tử tán tha phương
Mãi lo riêng mình con quên mất
Mạ vẫn trông thẳng út Chút về

Ừ, thi về lẩn lưa chi nữa
Bao cái Tết chưa khỏi nhang bàn thờ Ba
Đế tạ tội rằng con bất hiếu
Chỉ tìm khôn giữa chốn lao xao
"Móng Một Tết ông, móng hai Tết Cha"
Ta thơ thẩn ngồi chơi bên đường Nguyễn Huệ
Chợ hoa Tết tan
Đêm giao thừa thừa vắng
Không hương hoa, không bánh kẹo mứt gừng
Chỉ có em
thơ
và nước mắt

Ừ, thi về lẩn lưa chi nữa
Trông ảnh Ba ám lòng
Mỗi ngóng Tết quê nhà
Lại nhớ
Mạ tất bật gần giao thừa mời tằm
Dâu con mỗi đứa lo phận riêng
Con biết, sau những gì tươi vui nhất
Ai sẽ cùng Mạ đến lễ chùa
Cầu an hạnh phúc mọi nhà,
cho riêng ai
Các con các cháu
Phấn Mạ già là hương khói thời gian.

LÊ QUỐC HÁN
Sen lạ

C
hờm Thu
những đồng nước
bạt ngàn sen nở

bông sen hồng mang hình ngọn lửa
vươn lên
thấp sáng trời trong
bông sen hình trái tim thắm đỏ
gợi nhớ đất này
giọt máu cha ông

không thể tin mắt mình được nữa
bên lên giữa rục rĩ sắc hồng
búp sen xanh như mắt em mười bảy
đóa sen vàng như vì sao lộng lẫy*
ngỡ như lạc đến Ngân Hà

rồi từng cánh mở ra
thơm ngào ngạt hương phù sa châu thổ
rưng rưng nhớ bài học thời thơ nhỏ
Tháp Mười đẹp nhất bông sen...
rưng rưng nhớ lời ru xưa của mẹ
gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

* Ở Đồng Tháp Mười có rất nhiều loại sen: sen trắng, sen hồng, sen xanh, sen vàng...

NGUYỄN NGỌC PHÚ
Bến Mè

Gửi Lê Na

C
ó một ngày tôi lạc bến Mèth
Con thuyền giấy không xương duỗi thành một mái chèo
Cái đuôi cá quẫy vào tôi một lá

Tôi men theo hoàng hôn trùng nước
Những con cá bơi quanh tôi miệng ngậm những lá bướm
Hoa muống biển bỏ về những mái chèo gầy đầu trong
dứa đại

Lười lại búng lên như một quả cầu lửa
Nhưng ngày vào mặt biển đậm đậm
Mắt - trắng - quáng - đêm...

(1) Tên tập truyện ngắn của Lê Na

BÙI KIM ANH

Ngó lên đỉnh tháp vờn mây

C
hùa xây tòa tháp bảy tầng
vượt lên cao nữa tới gần mây xanh

người khô cầu chút yên lành
người khôn đặt bạc hưng danh hưng lợi

khói hương vọng cõi xa xôi
biết đâu sương khổ một đời mà mong

chấp tay lạc cõi hư không
dưới chân tháp biết có lồng ánh dương

kiếp người biết mấy đoạn trường
nam mô mấy khúc vải vương nhọc nhàn

trời đâu phải là mảnh ghen
mà co quéo để đất bằng nổi trời

tầng nào cho quỷ cho người
tầng nào thấu cận đầy với nhân tình

chấp tay lại cõi sinh linh
muốn lên cao biết nhẹ mình có bay

ngó lên đỉnh tháp vờn mây
tĩnh lòng qua bước cơ may sớm chiều

THÚY LIÊN

Mê hoặc ý nghĩ xanh

L
àm như thế
chỉ còn một màu xanh, chiều nay
xanh đồng mìa những ruộng ô tam giác chữ nhật
hình thoi dần dần ngập
lá
địu dàng xanh đại dương khuôn mặt em
thăm thẳm
cỏ xanh màu con gái
tóc rối bay vào mây
xanh nhưng êm mềm mỏng trời rộng

làm như thế ngày xuân bất tận xanh
chạy đến chân trời
leo lên vách núi
bỏ dọc đối ngồn ngang hy vọng
đắm vào cao ngất mỏng tang niềm tin cứu rỗi

làm như thế không còn một màu nào khác
chiều nay
thất vọng lo toan nỗi buồn nhốt vào trong xanh
im lặng phương Đông
mỉm mắt khắp lại thành câu thơ
xanh
rơi giữa mùa

em bước đi mê hoặc ý nghĩ xanh.

VŨ THỊ KHƯƠNG

Năm phút

T
ôi có thói quen của một kẻ vô công rồi nghề
Ngồi nhìn con kiến bò trên mũi con chó
Con chó đưa lưỡi liếm qua mũi mà không bắt được con kiến

Con chim sâu chích rích, con sâu bò ra đầu cánh là
Thế là tôi

Con ốc sên như ấu yếm nhẹ nhàng liếm lên mầm lá
Mầm là rừng mình. Trơ cuống

Có người đến gõ cửa bảo tôi làm từ thiện
Tôi dốc hết những đồng tiền trong cái ví xác xơ
Đưa cho họ

Ở cuối xóm có tiếng la khóc:
- Trời ơi, tôi mất hết tiền rồi!

Người từ thiện vừa đi qua năm phút.

PHÙNG GIA VIÊN

Ngỡ ngàng

Tặng L.

N
gỡ ngàng xuân đến
Thời gian hé nụ
Ta còn vương nợ trên tay
Sáng nay chạm vào đồng ruộng

Miên man trời đất
Buồn vui tình người
Chối non ngâm hương
Rung rinh em vào gió chuyển

Cất vào cơn mê
Cảnh đào ngậm đắng
Ta như một cội si già
Giấu buồn trong lá...





NGHỆ THUẬT CŨNG CÓ GIỚI TÍNH?

ALAN RIDING (Anh)

CÁCH đây ít lâu, sau khi giải thưởng Orange cho văn học hư cấu của phụ nữ chào mừng 10 năm ngày xác lập, nhóm sáng tác MaxMara và nhà trưng bày sách Whitechapel tại Luân Đôn (Anh) đã tuyên bố một giải thưởng nghệ thuật mới dành cho chị em. Trong khi đó, Mslexia, một tạp chí hàng quý của văn học Anh đã phát động cuộc thi thơ phụ nữ thường niên của mình. Còn ở Pháp, hãng Canon và Hội Nữ ký giả đã trao giải Nữ Phóng viên Ảnh hàng năm của mình liên ngay sau đó.

Giữ nửa thế? Nhiều năm sau khi các phong trào nữ quyền đua nhau ra đời, có chăng một khuynh hướng mới để lấy ra những nghệ sĩ tóc dài trong những cuộc thi chuyên ngành? Vâng, các giải thưởng chính trong các lĩnh vực sáng tạo, ở Châu Âu cũng như ở Mỹ, vẫn luôn được trao mà không hề tính tới sự phân biệt giới. Cũng luôn tồn tại một sức kháng cự, tuy nhỏ nhưng khá bền bỉ, cho rằng không nên có sự ưu tiên nào trong nghệ thuật.

Dù thế nào chăng nữa, thì thời gian đã làm nảy sinh một cách nhìn không như cũ. Tận cuối những năm 1970, trong hầu hết các lĩnh vực văn hóa, đàn ông vẫn là những người sáng tạo, còn đàn bà thì thường thức. Ngày nay, khắp các nước phương Tây, phụ nữ đã xuất hiện ngày một nhiều trong nghệ thuật, kiến trúc, âm nhạc, và phim ảnh, và họ trở thành lực lượng chính trong khối lượng sinh viên đồng đẳng theo học văn học và các bộ môn sáng tạo tại các trường đại học.

Tuy nhiên, trong khi phụ nữ không còn bị coi là lực lượng thiểu số trong các ngành nghệ thuật, họ dần dần có mặt trong các giải thưởng, thậm chí chiếm đoạt các danh sách cuối cùng tại các cuộc thi lớn về tiểu thuyết, thơ, hội họa, kiến trúc, và âm nhạc, thì nói chung họ vẫn còn lâu mới thoát khỏi tình cảnh đáng thương. Vì sao? Các nữ nghệ sĩ có ít tài năng hơn so với các đồng nghiệp khác giới của họ chăng? Hay đơn giản chỉ vì họ bị từ chối những cơ hội bình đẳng?

Không có gì đáng ngạc nhiên, khi những người lập ra các giải thưởng dành cho phụ nữ luôn tin rằng, phụ nữ đã không được đối xử một cách công bằng trong một thế giới bị thống trị bởi giới đàn ông, từ

các ban nghệ đến các nhà quản lý. Do vậy, các giải thưởng đã bỏ qua khả năng tài năng nổi bật. Để dẫn chứng, họ chỉ ra tính đại chúng của giải Orange, có giá trị đến 30.000 bảng Anh, hay danh mục các giải có truyền thống như Whitbread hay Man Booker có giá trị đến 55.000 bảng Anh.

Người đoạt giải năm đó là nhà văn Mỹ gốc Anh Lionel Shriver, với tác phẩm **Chúng ta cần nói về Kevin**, một tiểu thuyết có nhân vật chính là một phụ nữ không thể yêu được con trai mình.

Các bộ môn nghệ thuật trình diễn tất nhiên cũng chủ yếu bị đàn ông lung lay, nhưng ít nhất các giải Oscar (điện ảnh) của Hollywood và Tony (kịch nghệ) của Broadway, hay một số giải phim, kịch của Châu Âu cũng được dành tương đương cho các nam nữ diễn viên. Nhưng trong các chuyên ngành sáng tạo có đơn thân thành (như văn học, hội họa, điêu khắc...), thì mặc dù chẳng có sự khác nhau nào về bản chất sáng tác giữa các giới, nhưng lại bị phân biệt trong cách nhìn nhận.

"Tôi nghĩ nghệ thuật đích thực thì không kể gì giới tính", tiểu thuyết gia Kate Mosse, giám đốc danh dự của giải Orange, bày tỏ. "Một nghệ sĩ là một nghệ sĩ, dù bạn đang hoạt động trong lĩnh vực nào. Tuy nhiên, việc tiếp thị, đánh giá, và bán tác phẩm thì lại khá bị ảnh hưởng bởi giới tính. Hậu quả là, trong khi không có âm mưu nào để đim đi những kẻ khác, thì lại có sự mong chờ nào đó, xem thế trạng nào nghệ thuật biểu hiện. Mục đích của chúng tôi, vậy thì, để làm sao có được những sáng tác hay nhất của phụ nữ, mà thích hợp được cho cả hai giới".

Có lẽ vấn đề liệu phụ nữ có sáng tạo nên một thứ nghệ thuật của riêng mình, đang nằm trong trung tâm các cuộc tranh cãi tại các dịp trao giải văn học Anh dành cho họ. Và thật lý thú, sự đồng lòng lại nằm ở chữ "Vâng" - phụ nữ thường viết khác nam giới.

"Chúng tôi nhận thấy rằng, các cuốn sách của nam giới thường ít thân thiết, ít ấm áp hơn của phụ nữ", Debbie Taylor, Tổng Biên tập tạp chí Mslexia, nói về đề tài nghiên cứu được tiến hành bởi ấn phẩm của bà. Và bà nói thêm: "Văn bản của giới mày râu thường thích đề cập đến tình dục, ngoại cảnh, bạo lực, công việc, và các công cụ.

Còn tác phẩm của chị em lại hay viết về các mối quan hệ, nội tâm, quần áo, trẻ em. Nghĩa là phụ nữ hướng nội, còn nam giới hướng ngoại".

Vâng, trong lúc ở Anh, phụ nữ viết, mua, đọc, và mượn tiểu thuyết nhiều hơn nam giới, thì các nhà xuất bản thuộc phái mạnh, các chuyên gia điểm sách, và các ban chung khảo vẫn tiếp tục tìm cách định nghĩa khẩu vị của công chúng.

"Quan điểm của tôi là: văn học nói chung bị thống trị bởi nam giới trong thời gian đã quá lâu, đến mức chúng ta không hiểu điều gì còn tốt hơn nữa, hay điều gì tốt do các nhà mỹ học nam giới xác định", Taylor nói. "Đó là một lý do quan trọng để giải thưởng Orange và giải thưởng của chúng tôi tồn tại. Một số chị em nói rằng, họ không muốn bị quy vào hạng thấp kém, rằng tác phẩm của họ đủ hay để đứng cùng với các đồng nghiệp nam. Tôi cho rằng, điều đó đúng nếu có sự phân quyết công bằng".

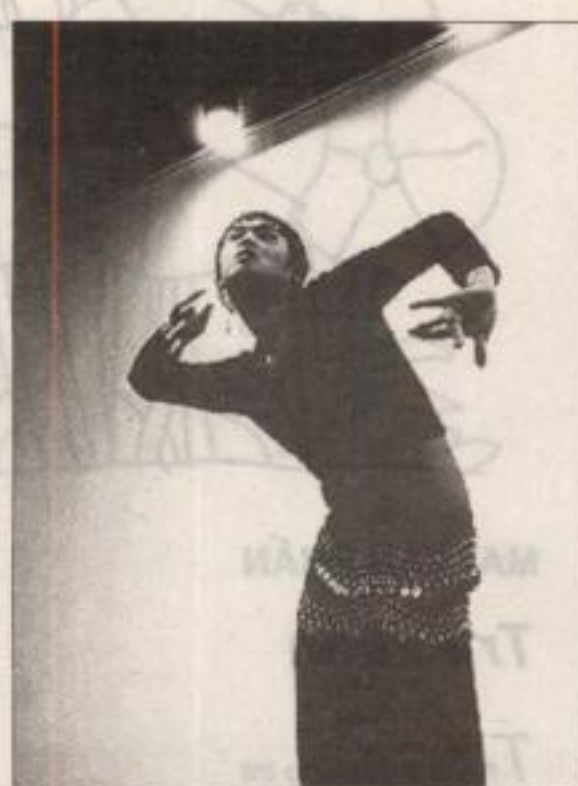
Anne Fine, một nữ tiểu thuyết gia xứ Sutherland, lại không đồng ý như vậy.

"Tôi không nghĩ giải thưởng Orange đã sáng tạo nên một sự phân biệt, một rào cản nhân tạo, khi trước đó chỉ có sự bất bình đẳng không khiếm", bà nói trong một cuộc tranh cãi với Mosse trên một chương trình phát thanh của đài BBC dành cho phụ nữ. "Nhưng giờ đây bạn đang nghe mọi người nói một cách không ngừng ngùng về các sáng tác của giới nữ, theo cái cách bạn chưa bao giờ nghe về âm nhạc và kiến trúc phụ nữ".

Mosse nhận thức vấn đề ý thức hệ để chống lại sự phân biệt, nhưng bà lại nói rằng trong thực tế, thắng lợi của giải thưởng Orange đã làm cảm lạnh các nhà phê bình.

"Đây là chuyện để cao các nhà văn và việc bán sách", bà nói trong khi chỉ ra rằng, 20 tên sách vào chung khảo giải này nằm trong số những tác phẩm đang được chào đón nồng nhiệt. "Đây cũng là vấn đề thách thức sự mong chờ. Tôi nghĩ chúng ta đang làm xói mòn ranh giới giữa là và không là văn học".

Đặc biệt hơn, bà nói rằng sách của các tác giả nữ ngày nay được xem nhiều hơn, và nhận được cảm tình nhiều hơn cách đây



10 năm.

"Giải thưởng đã đạt được điều chúng ta định làm", bà kết luận.

Thậm chí như vậy, phẩm chất giới tính trong văn học vẫn gặp nhiều vật cản. Ít nhất điều này đúng với kinh nghiệm của Shriver.

"Qua toàn bộ lịch sử trao giải Orange, tôi bắt gặp hiện tượng: phụ nữ không được đánh giá cao nếu tham vọng lộ liễu. Họ được khuyến khích rằng đừng mong chờ gì nhiều, nhất là trong các giải thưởng lớn, có uy tín, và thường cứ phải cảm ơn rất nhiều khi ngẫu nhiên đoạt giải", bà viết trên tờ Người Bảo vệ như vậy. "Còn với đàn ông thì tất cả bài chuyện đều là đương nhiên".

Nhưng ngay trước lễ trao giải năm đó, bà đã dường như chịu nhún nhường khi cho biết, bà không dám quả quyết liệu mình có nên đọc một bài diễn văn cảm ơn hay không.

"Tôi quyết định sẽ cư xử thật chuyên nghiệp, để nếu bạn thích, bạn có thể bảo tôi hết như một nhà văn nam giới", bà viết. "Tôi đã định ra kế hoạch để chiến thắng".

MINH THÔNG

theo P&W.com

BÀ NGOẠI

A. ALEKSIN (Nhà văn Nga Xô viết)



BÀ ngoại có bốn con gái, nhưng chỉ có mẹ tôi sống cùng thành phố với bà; không chỉ cùng thành phố mà còn cùng đường phố. Bà ngoại có lần nói với tôi:

- Thật là tốt khi chúng ta không ở cùng căn hộ. Từ nhỏ bà đã thích đi thăm người thân.

Bà đã đi thăm người thân không chỉ bằng đôi chân mà còn đi xa bằng ô tô. Bà kể rằng nhiều mùa hè bà đã về quê thăm em trai là thầy giáo. Đó là những năm trước chiến tranh. Sau chiến tranh bà không còn được về thăm em trai nữa vì ông ấy đã hy sinh.

Vào dịp cuối năm bà thường mong các con gái đang sống ở những thành phố khác nhau mới bà đến ăn Tết với họ. Thậm chí bà đã ra cửa hàng ngầm chọn trước những đồ chơi dự định sẽ mua làm quà cho các cháu.

Các di gửi thiệp chúc mừng năm mới về bà. Họ viết rằng "rất buồn nhớ mẹ, rất yêu mẹ..." nhưng mới bà đến thì cô lễ họ đã không nghĩ ra. Tất nhiên, tôi có thể nhắc và một lần tôi đã lấy giấy bút ra để viết cho các di về điều đó. Nhưng bà đã ngăn lại:

- Bà nghe nói vì việc nhắc bài có thể bị điểm 2, có đúng không?

- Vâng, đúng vậy!

Tôi nhớ lại cuối năm đó, khối lớp 6 của chúng tôi được nhà trường cho đi xem kịch nói ở Nhà hát Thiếu nhi thành phố. Trước đó ba ngày tôi được biết bọn trẻ lớp B (trong đó có tôi) sẽ cầm vé vào tầng trệt, còn lớp A thì lên tầng gác. Galia Kadolova học ở lớp 6A.

Cô ấy là nhóm trưởng nhóm học vẽ của chúng tôi. Vì vậy tôi đã ghi tên vào nhóm này mặc dù không có một sợi năng khiếu nào về hội họa. Suốt sáu năm học cô chỉ nói chuyện với tôi mỗi một lần. Đó là khi cô ghi tên những người đăng ký vào nhóm học vẽ. Galia hỏi tôi: "Cậu sống ở đâu?". Và ngay lập tức tôi đã quên tên đường phố nhà mình.

Tôi đã nhanh chóng rời khỏi nhóm học vẽ vì hiểu rằng không nên là kẻ đứng chốtбет trong mắt người mình yêu. Không ai trong nhóm về xấu hơn tôi.

Tại phòng bán vé Nhà hát tôi mua hai vé. Tôi tự nhủ: "Hãy đến gặp Galia và nói: 'Mình có dư một vé. Ở tầng trệt ngồi xem tốt hơn trên tầng gác. Mình muốn cậu cầm lấy tấm vé này!'". Và suốt buổi xem kịch mình sẽ được

ngồi cạnh cô ấy. Năm cũ sẽ kết thúc như vậy và đó là năm hạnh phúc nhất đời".

Ngay trước năm mới ấy các di tôi lại gửi bưu thiếp về. Họ chúc mừng năm mới bà, bố mẹ và tôi. Họ lại viết rằng rất buồn nhớ và chờ đợi có dịp gặp gỡ.

- Chờ đợi cũng có cái hay vì tất cả còn ở phía trước... Bà ngoại nói thắm.

Bố mẹ tôi bắt đầu nói rằng ngày mai họ không muốn đến chơi nhà bạn, nhưng không thể không đi. Tôi cũng nói: - Con thì ngày mai sẽ đi xem kịch ở Nhà hát.

Bà ngoại bắt đầu lục tìm cái gì đó trong túi xách tay. Tôi vội nói:

- Mời bà đi xem cùng với cháu! Cháu có một vé nữa.

Bố mẹ tôi rất hài lòng. Bà ngoại vẫn còn lục cái gì đó trong túi xách, nhưng tôi hiểu ra rằng lúc này là bởi niềm vui.

- Mẹ sẽ mặc áo khoác màu đen, các con thấy thế nào?

- Được đấy mẹ ạ! Màu đen là màu trang trọng - Bố tôi vui vẻ nói.

Bà ngoại có một cái ống nhòm cũng màu đen. Khi vỡ kịch bắt đầu bà hỏi:

- Cháu có muốn xem qua ống nhòm không?

- Dạ, có ạ!

Tôi đưa ống nhòm lên mắt và bắt đầu ngắm Galia.

"Thật tuyệt làm sao! - Tôi nghĩ - Mình ở xa cô ấy, còn cô ấy thì như ở ngay sát cạnh mình. Nhưng điều này cô ấy lại không biết. Mình có thể ngắm cô ấy bao nhiêu tùy thích".

Đèn chùm lớn bắt đầu tắt. Tấm màn nhung được kéo lên. Tất cả mọi người nhìn cậu bé trên sân khấu. Cậu bước đi rồi dừng lại, suy nghĩ và rồi lại đi tiếp. Cậu đang đi đến nhà cô giáo cũ bị ốm nặng đã phải rời khỏi trường phổ thông. Mà cô thì không thể sống thiếu học trò. Và cậu bé quyết chiến thắng nỗi cô độc của cô giáo...

Khi đèn sáng trở lại, bà ngoại nói:

- Có ta là một nghệ sĩ tuyệt vời!

- Người đóng vai cậu bé ấy à?

- Ừ! - Bà ngoại trầm ngâm rồi khẽ nói - Cả cháu cũng vậy. Nào ta ra quầy ăn uống. Bà rất thích quầy ăn uống của các nhà hát.

Tại quầy ăn uống rất đông người. Tôi nói:

- Hay ta ra khỏi đây đi!

- Khoan đã, cháu thích bánh rân nhân táo không?

- Cháu thích ạ! - Tôi nói, vì biết bà ngoại rất thích bánh rân nhân táo.

Bây giờ, sau nhiều năm đã trôi qua, tôi vẫn nghĩ: "Thật tiếc cho các di tôi đang sống ở các thành phố khác nhau không biết rằng thật dễ biết bao khi muốn làm cho bà ngoại hạnh phúc".

PHẠM QUỐC CA
dịch từ tiếng Nga

TÔI CHỐNG THỐI PHẠM TỤC

-Valeri, các giải văn học ngày càng nhiều, song lại vẫn chẳng có gì để đọc?

- Dân chúng chỉ đọc truyện trinh thám.
- Có thời mọi viện nghiên cứu khoa học hay hội đồng giáo viên phổ thông thường bàn luận về những tác phẩm vừa được đăng trên các tạp chí "Thế giới mới", "Thanh niên"... Liệu trông đợi gì vào "Booker" hiện nay? Thành viên ban giám khảo chắc phải đọc nhiều lắm?

- Tôi thực sự đọc 96 cuốn tiểu thuyết. Tôi rất thích một tác giả trẻ, chưa "tên tuổi", vẫn không theo truyền thống, song trong sáng, yêu đời, mạnh mẽ, nổi trội hơn những người khác.

- Còn dòng chảy chung thế nào?

- Phần lớn những "tiểu thuyết của các trí thức trẻ" quá giống nhau. Tuy nhiên "dòng chảy chung" đó cũng phản ánh đầy đủ lát cắt của văn học hiện đại. Trong những năm 60 ở Leningrad có cả một lớp người kiệt xuất, nếu chưa phải là những thiên tài thì cũng là những tài năng - Brodski, Kusner, Goliavkin, Dovlatov, Bitov... Họ là những nhà văn trẻ cùng thế hệ, song mỗi người đều có được phong cách riêng, cho đến nay còn lưu danh. Còn bây giờ có gì đó giống kiểu sản xuất "hàng loạt" hơn.

- Với tư cách là bạn đọc, tôi thấy văn học đã thay đổi rất nhiều so với thời Xôviết. Giờ đây có ấn tượng là văn học đã chuyển sang lĩnh vực dịch vụ. Có những tác phẩm thực sự thô lậu để giải trí cho kẻ phàm phu, song cũng có cả một dòng thác của thứ văn học được gọi là "bác học", vô cùng buồn chán, chỉ thích hợp với khẩu vị của các nhà phê bình văn học, những người phản phát giải thưởng.

- Đường như tạo ra văn chương trí thức còn dễ hơn cả viết văn thô lậu. Tôi luôn ám ức là mình buộc phải nuốt rơm. Song thứ văn học đó không bị ai phê phán. Theo tôi, văn học chân chính luôn lập tức hút hồn bạn đọc, làm họ không dứt ra được. Nó có thể thuần túy là giải trí, cũng có thể rất "sến", kém về tư tưởng và nghệ thuật, song nó dứt khoát phải hấp dẫn.

- Đã hai mươi năm rồi, các nhà văn thế hệ già - những người đã xây nên cả tòa nhà văn học của chúng ta - ngừng viết. Có thể họ không còn phù hợp với những điều kiện mới, có thể họ không muốn tham gia nữa.



Valeri Georgievich Popov (1939) Từng là hội viên Hội nhà văn Xôviết, Chủ tịch Chi hội nhà văn Sankt-Peterburg, ủy viên Ban giám khảo "Booker Nga" 2010, trả lời phóng viên báo chí về giải thưởng văn học và thực trạng văn học Nga

- Đã có sự đình trệ. Trước hết là về mặt kỹ thuật, bởi tất cả các nhà xuất bản trước đây đã bị đóng cửa. Sau là, nếu tác phẩm không được đăng ở nước ngoài thì khó mà sống nổi.

- Có ý kiến cho rằng "nhiệt tình chống đối" đã cạn kiệt, kẻ thù tư tưởng đã thất bại. Hiện thực Xôviết mà họ nhắm vào đã tan rã.

- Có phần như vậy. Tôi hình dung nó như con đập trên sông, chỉ những cơn cá tằm mạnh mẽ nhảy qua được để đi vào dòng chảy rộng lớn. Giờ đây con đập đã bị phá thì bất cứ cơn cá bé nào cũng có thể bơi chung.

Tôi không biết ai trong số chúng ta là người đã tham gia vào những cuộc đấu tranh tư tưởng. Chúng ta chống lại thói phàm tục, chứ không chống hệ tư tưởng. Cuộc đấu tranh đó đã đem lại nhiều kết quả cho văn học chúng ta.

Ngày nay thói phàm tục vẫn đầy rẫy. Trước đây bạn văn đồng đạo hơn, bạn đọc là nghiên cứu sinh, phó tiến sĩ khoa

học. Tầng lớp đó giờ đây đã bị thu hẹp, hiếm gặp những con mắt tinh anh. Thối phàm tục còn đó, nhiệt tình đấu tranh cũng còn đó.

- Lớp trẻ trong văn học hiện nay có cảm nhận được điều đó?

- Tôi nghĩ là không. Đường như họ không cảm nhận được "người khác", không nghe thấy "tiếng kèn xung trận". Thậm chí tôi không hiểu nhiệt tình của họ được xây dựng trên cơ sở nào nữa.

- Theo các nhà văn thế hệ già, trực chính của phê bình hiện nay là bất đồng lớn về đánh giá, thẩm mỹ văn học.

- Về nguyên tắc, phê bình không xấu. Các nhà phê bình là những người cha đỡ đầu của ta. Tất nhiên đó là những nhà phê bình thông thái, họ nghiên cứu kỹ tác giả, tác phẩm để tỏ thái độ yêu - ghét. Họ cần và có ích bởi họ không sử dụng tác phẩm làm cái cớ cho những chỉ dẫn trừu tượng của cá nhân mình.

- Một trong những rường cột của giới phê bình hiện nay từng bày tỏ suy nghĩ rằng chỉ những nhà phê bình chuyên nghiệp có trình độ, nguyên tắc mới có quyền nhận xét. Còn những người khác nên lắng nghe, đừng đưa ra những nhận xét hăm hồ. Giống trong nền kinh tế tiêu dùng, có nhà sản xuất, có người tiêu dùng và giữa họ có kẻ môi giới. Họ sẽ quyết định đưa ai vào thị trường và bằng cách nào.

- Đã có biên tập viên, khi nghe tôi chê một nhà văn, nói rằng: "Nhưng anh ta có nhóm làm xiếc rất giỏi". Nhóm người đó ủng hộ nhà văn này. Những kiến giải của họ thường không trùng hợp với bạn đọc, song họ cứ khẳng định rằng tác phẩm của nhà văn đó rất thời thượng, hiện rất cần...

Những người này tự định đoạt chuẩn mực cho văn học và cho thẩm mỹ của bạn đọc. Thật nguy hại cho văn học, khi phần quyết định thuộc về sự hiện diện của những người có thể lực, chứ không thuộc về chất lượng của chính tác phẩm. Hậu quả là mối liên hệ giữa nhà văn và bạn đọc bị phá vỡ.

Tuy nhiên, không nên bàn tới thái độ vô cảm của bạn đọc, bởi có rất nhiều bạn đọc tài năng, không nên nói tới những khó khăn của thời đại, mà hãy cố gắng trở thành nhà văn giỏi. ■

LÊ MY

Lược dịch từ "Thế kỷ", 10/2010.

BỐN TỔ CHẤT CẦN CÓ CỦA NHÀ PHÊ BÌNH VĂN NGHỆ

Báo điện tử Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Trung Quốc (www.cflac.org.cn), ngày 7/1/2011, đã đăng tải bài của nhà văn Lý Xuân Hiếu, Bí thư Đảng đoàn Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật tỉnh Liêu Ninh, bàn về những tố chất cần thiết của những người làm công tác phê bình văn nghệ.

Văn nghệ xin trích giới thiệu bài viết trên, để bạn đọc tham khảo.

Phê bình văn nghệ là một bộ phận của công tác văn hoá, có ý nghĩa hướng dẫn và cùng quan trọng đối với sáng tác và sản xuất văn học nghệ thuật. Muốn phát huy mạnh mẽ tác dụng chỉ đạo của phê bình văn nghệ đối với thực tiễn sáng tác văn nghệ xã hội chủ nghĩa, thì phải dốc sức nâng cao trình độ tư tưởng lý luận và năng lực nghiệp vụ của giới phê bình văn nghệ, xây dựng một đội ngũ những nhà phê bình văn nghệ có tố chất cao. Tôi cho rằng, làm một nhà phê bình văn nghệ đúng cầm đảm đương trách nhiệm trước lịch sử và thời đại, cần phải có đủ tố chất về bốn phương diện.

Một là cần có trình độ lý luận sâu sắc.

Lý luận là vũ khí của nhà phê bình văn nghệ. Nhà phê bình văn nghệ nhất định phải chuyên cần học tập, khắc khổ nghiên cứu lý luận. Đặc biệt là cần phải học tập lý luận văn nghệ Mác-xít, đồng thời có thể nắm vững và vận dụng thành thạo lý luận văn nghệ Mác-xít. Mệnh đề cao nhất của chủ nghĩa Mác là nhấn mạnh sự phát triển toàn diện, tự do của con người. Tiêu chuẩn phê bình văn nghệ của chủ nghĩa Mác là quan điểm về mỹ học, về lịch sử. Cần gương cao ngạo có tư sáng, kiên trì địa vị chỉ đạo của chủ nghĩa Mác trong lĩnh vực phê bình văn nghệ, kiên quyết phê phán và phản kích chủ trương có ý đồ dùng quan



Nhà văn Lý Xuân Hiếu

điểm văn nghệ phương Tây thay thế quan điểm văn nghệ Mác-xít. Nhà phê bình văn nghệ cần phải nghiên cứu và tham khảo những lý luận văn nghệ khác, điều đó có lợi cho việc học tập và thẩm thấu sâu sắc hơn nữa lý luận văn nghệ Mác-xít. Bởi vì tính chân lý của chủ nghĩa Mác chỉ có được sự lĩnh hội sâu sắc hơn trong quá trình so sánh với những học thuyết khác.

Hai là cần phải có tinh thần phê phán độc lập.

Đứng trước thế giới rộng lớn loạn xạ hoá mất vô cùng phức tạp, những người làm công tác phê bình văn nghệ phải giữ cho được một phần bình tĩnh, một phần tỉnh táo, một phần suy ngẫm, một phần lý trí. Những nhà phê bình văn nghệ đích thực cần có tinh thần độc lập, không theo đuôi quần chúng, không chiều theo thị hiếu tầm thường. Đặc biệt là trong giai đoạn xã hội

hiện đại chuyển đổi mô hình từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường, trong lĩnh vực văn nghệ xuất hiện khuynh hướng thị trường hoá cực đoan, lạm phát giải trí hoá, thịnh hành chủ nghĩa sùng bái đồng tiền, những khuynh hướng tầm thường hoành hành, những nhà phê bình văn nghệ cần "mọi người đều say riêng ta tỉnh" (lời của Khuất Nguyên-ND), không bị dao động vì đồng tiền, không bị chao đảo vì hư danh, trước sau giữ vững được lương tri và tình tảo của người trí thức, bằng tinh thần trách nhiệm và ý thức sứ mệnh mãnh liệt, cầm lấy vũ khí phê bình văn nghệ, phát huy cao độ chân thiện mỹ, quét mạnh già-ác-xấu, kêu gọi thức tỉnh lương tri và giác ngộ của những người làm công tác văn nghệ, uốn nắn những sai lầm, yếu kém xuất hiện trong sáng tác và sản xuất văn nghệ, lớn tiếng kêu gọi kiên trì tiến theo phương hướng chính xác phát triển văn nghệ xã hội chủ nghĩa theo đặc điểm thực tiễn cụ thể. Trong hoàn cảnh văn nghệ xã hội náo nóng, những nhà phê bình văn nghệ dứt khoát không thể lạc phương hướng, cần thường xuyên đứng trên lập trường của đảng và nhân dân, coi hệ thống giá trị hạt nhân xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc cơ bản của phê bình văn nghệ, dũng cảm đảm đương trách nhiệm trước lịch sử, trước thời đại, trước nhân dân.

Ba là cần có tư duy lý tính khoa học.

Phê bình văn nghệ cần phải "dĩ lý lập luận, dĩ lý phục nhân, hữu lý hữu cử, hữu hiệu hữu dụng". Vì vậy, nhà phê bình văn nghệ cần phải hiểu triết học, logic học, học tập nắm vững phương pháp duy vật biện chứng, đối với một tác phẩm văn nghệ nào đó, một hiện tượng văn nghệ nào đó, đều có thể tiến hành phân tích, phê bình phán đoán một cách khách quan, một cách toàn

diện, một cách biện chứng, mà không nhìn nhận vấn đề một cách cô lập, một cách phiến diện, một cách đơn giản hoá, không nhìn nhận vấn đề một cách giáo điều, một cách tuyệt đối hoá kiểu "không thể này thì thế kia", cần có sức quan sát sâu sắc và sức phán đoán chuẩn xác, khéo léo thông qua hiện tượng mà nắm chắc bản chất của vấn đề, cần nhắc kỹ lưỡng, nhìn nhỏ thấy lớn, có tính dự kiến, tính nhìn xa, nắm chắc quy luật phát triển độc đáo của các loại hình văn học nghệ thuật, bằng phê bình văn nghệ khiến cho người ta tin phục, mà chỉ lối dẫn đường cho sáng tác và khai triển văn nghệ.

Bốn là cần có hoài bão to lớn và tấm lòng khoan dung rộng mở.

"Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng" là phương châm văn nghệ mà Đảng Cộng sản nhất quán kiên trì, cũng là một không khí văn nghệ lý tưởng mà Đảng nỗ lực theo đuổi và tạo dựng. Những nhà phê bình văn nghệ cần sống bình dị, khoan dung độ lượng, có thể lắng nghe những ý kiến bất đồng, những quan điểm bất đồng, vừa có thể triển khai phê bình một cách có trách nhiệm, lại vừa có thể điềm nhiên tiếp thu phê bình của người khác, thậm chí có thể bình tĩnh trước những tiếng chửi rủa không hữu hảo. Những nhà phê bình văn nghệ tuyệt đối không thể chỉ coi mình là độc tôn, không thể làm "nhất ngôn đường", không thể chỉ có một giọng điệu, một phong cách, càng không thể tiến hành cái gọi là "phê bình phong bao", "phê bình trong ngành", "phê bình nhân tình", "phê bình tăng bốc", biến phê bình văn nghệ nghiêm túc thành công cụ mưu cầu tư lợi, mất đi đạo đức nghề nghiệp cơ bản của những nhà phê bình văn nghệ đích thực.

VŨ PHONG TẠO dịch và giới thiệu

(Theo www.cflac.org.cn, 7-1-2011)

BA MƯƠI NĂM SAU TẠI MỘT THÀNH PHỐ

Truyện ngắn của VŨ THỊ HUỖN TRANG

TÔI tên Quỳnh Dao, hiện đang sống và làm việc tại Hà Nội. Tôi đã có gia đình yên ấm bên người chồng làm hướng dẫn viên du lịch và đứa con gái mười ba tuổi. Chúng tôi sống trong ngôi nhà nhỏ, là món quà bố mẹ chồng tặng khi biết chúng tôi quyết định ở lại thành phố sau khi học xong Đại học. Chồng tôi mãi miết với những chuyến đi, tôi ở nhà sinh con, học lên Cao học rồi về làm trong một trung tâm tư vấn tâm lý. Mọi sự với tôi đều suôn sẻ và bình yên hơn bạn bè đồng trang lứa, nếu như không có một kí ức buồn đeo đẳng tôi suốt mấy mươi năm. Điều này, chỉ chồng tôi mới hiểu, thế nên khi trở về nhà sau những chuyến đi dài, anh thường vỗ về tôi bằng những phút lặng yên bên ô cửa sổ tràn ngập hoa hồng.

Hai vợ chồng tôi vốn cùng sinh ra bên ngã ba sông của thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Tuổi thơ của chúng tôi là đứng trên bờ sông nhìn những con thuyền xuôi ngược. Ngày đó ở "Ngã Ba Hạc" trên sông Hồng, nơi con sông Thao đổ nước phù sa hợp lưu với dòng sông Lô xanh biếc tu hợp rất nhiều thuyền bè buôn bán. Anh thích nhất những thuyền chở cát sông lấp lánh dưới ánh nắng vàng, thì thoảng có vài đứa trẻ con bằng tuổi chúng tôi nằm dài trên đồng cát, ngửa mặt nhìn trời. Anh từng ước được chu du trên những con thuyền đó. Tôi từng hỏi:

- Nếu anh đi theo thuyền thì ai chơi với em?

Anh trả lời rất người lớn rằng anh sẽ mang tôi theo làm bạn dù đi bất cứ nơi đâu. Ngày ấy chúng tôi còn quá nhỏ, chẳng hiểu hết những chuyến đi là gì, cũng chẳng hiểu nhiều về những mất mát đau thương. Chỉ thấy trời xanh một màu trong vắt và những con thuyền hợp nhau vào buổi chiều tàn. Cái khung cảnh bình yên ấy chẳng khi nào phai nhạt trong một góc tâm hồn sâu kín của tôi. Sau ba mươi năm, dù không thể đi bên anh trong mọi cuộc hành trình nhưng chúng tôi đã là bạn đời của nhau sau bao biến cố thăng trầm. Cái ngã ba sông ấy thì thoảng vẫn thổi vào tâm hồn tôi từng đợt gió lạnh cảm như những buổi chiều đi qua cuộc đời sau khi mẹ mất tích. Trăm lữ năm đó đã cuốn trôi biết bao cảnh nhà bình yên và cuốn trôi cả con thuyền có những người đàn bà đi xúc cát

thuê, trong đó có mẹ tôi.

Khi đó tôi mười ba tuổi. Một đêm rất bình yên tự nhiên không hiểu vì sao cây đa đầu làng bật gốc. Những người già mắt mờ nhìn về nền trời xanh thẳm. Lũ trẻ con đứng ngẩn ngơ tiếc nuối những buổi bán đồ hàng dưới gốc đa già. Người trẻ thì hỏi nhau:

- Sao lại có thể bật được gốc đa?

- Đêm qua trời không có bão.

Người già bảo nhau sấm lẻ lên đến xin quẻ. Cả làng sống trong nỗi hoang mang vu vơ. Người ta gần nhau hơn trong tâm hồn mà lại xa nhau hơn trong những ánh mắt với với ấy. Ba ngày sau trời nổi cơn giông gió. Mưa to, bão lũ đổ về. Sông Hồng cuộn cuộn nước đỏ ngầu, thuyền đứt neo chồm lên giữ những cơn sóng dâng, sóng cuộn.

Sau ngày lũ, con sông Hồng trở nên bình lặng đến lạ thường, những chuyến tàu ngược xuôi cũng thưa dần. Mỗi buổi chiều sau khi đến trường về, anh lại dắt tôi ra bờ sông, hai đứa ngồi im lặng. Thì thoảng buồn và nhớ mẹ quá tôi khóc. Anh bảo:

- Lớn lên anh sẽ đi tìm mẹ về cho em.

Tôi hỏi bằng giọng:

- Con sông này có dài không?

- Dài lắm!

Tôi trở về nhà, nhìn dáng bố ngồi lặng cầm cuối giường mà lòng càng trĩu nặng. Từ khi vắng mẹ bố như già thêm chục tuổi, suốt ngày lẩm lũi ruộng vườn, đêm về ngồi hát bóng vào bức tường bên ngọn đèn dầu leo lắt. Người làng bảo bố bốc bát nhang, treo ảnh mẹ lên thờ nhưng bố nhất quyết tin rằng mẹ vẫn còn sống, trôi dạt đâu đó rồi sẽ trở về. Không biết có phải tại linh cảm trong những giấc mơ gặp mẹ hay vì niềm tin của bố mà tôi cũng đinh ninh mẹ vẫn tồn tại trên cõi đời này. Dù ba mươi năm không phải là ngắn ngủi so với cuộc đời một con người. Dù không có một tia hy vọng nào sau bao cố gắng kiếm tìm, thì tôi vẫn luôn tin rằng cuộc sống vốn có những phép màu. Phép màu ấy sẽ giúp mẹ tôi vượt qua cơn lũ, đạt đến một vùng đất nào đó, sống một cuộc đời khác, hạnh phúc khác và cả nỗi buồn đau cũng khác. Mỗi lần nghe tôi nói thế, anh đều bảo:

- Nếu còn sống tại sao mẹ em không tìm đường về?

Ừ nhỉ! Mẹ có phải là một đứa trẻ con

đầu mà khi bị lạc lại không nhớ đường về? Nhưng có thể mẹ bị mất trí sau một cơn hoảng loạn, một va đập, một chấn động nào đó. Cũng có thể một người đàn ông xa lạ đã cứu mẹ và để trả ơn người ta, mẹ đã ở lại xây thành tổ ấm. Dù với bất cứ lý do nào cũng được, kể cả có làm tôi tổn thương đi nữa. Thì chỉ cầu xin mẹ vẫn bình an.

- Anh sẽ đi đến tận cùng con sông này để tìm mẹ cho em.

Một hôm, bố bảo tôi đứng ra bờ sông ngồi đợi nữa. Tôi vỗ òa những hy vọng mong manh. Con sông Hồng vẫn bình lặng bồi đắp phù sa, chỉ lòng tôi là trào dâng những đợt sóng ngầm trong nỗi đau âm ỉ.

Khi đó tôi mười lăm tuổi.

Trong những giấc mơ, tôi biến thành loài chim có đôi cánh trắng bay dọc triển sông đi tìm mẹ. Hình ảnh người mẹ tảo tần sớm hôm neo đậu trên những chuyến tàu chở cát sỏi, oằn gánh nặng mưu sinh. Để rồi mỗi buổi chiều tàn trở về nhà, mẹ đón tôi trong vòng tay đã bông rạt vì cầm xẻng, đôi vai đã trĩu xuống vì gánh gồng sỏi đá. Tôi áp mình vào ngực mẹ, mũi mũi hít thơm hương vào tâm hồn tôi, tiếng cười trong vắt như không tuổi của mẹ cứ vang lên, dẫn dắt tôi bay dọc triển sông nắng. Mẹ ơi mẹ ở đâu?

Có đôi lúc cánh chim trắng rã rời dừng lại bên một ngôi nhà nhỏ có tiếng trẻ con khúc khích vui đùa. Tiếng người mẹ nào vỗ về, à ơ ru hời đứa con bé bỏng yên giấc trưa hè. Tiếng trở mình của người cha trong giấc mơ trưa vội vã. Mắt chim trắng đỏ ngầu rồi lại dưới cánh bay. Những triển dầu bạt ngàn xanh, những vạt nắng vàng như trái thơm. Những đứa trẻ nằm ngửa mặt ở bờ đê ngắm sương chiều, những người đàn ông nhà khói thuốc bàng lảng, những người đàn bà ngồi hong tóc. Chim trắng đã bay qua hết mùa này sang mùa khác. Mẹ vẫn ở đâu?

Dần dà tôi không còn trú ngụ trong những giấc mơ của mình. Vắng mẹ, tôi thành người phụ nữ duy nhất trong gia đình, bắt đầu tập làm những việc mà từng làm. Tôi và vui đùa no của hai cha con để chờ mùa vụ, sau những buổi đến trường, tôi cũng ra sông gánh gồng đá sỏi. Bố không muốn tôi làm những việc

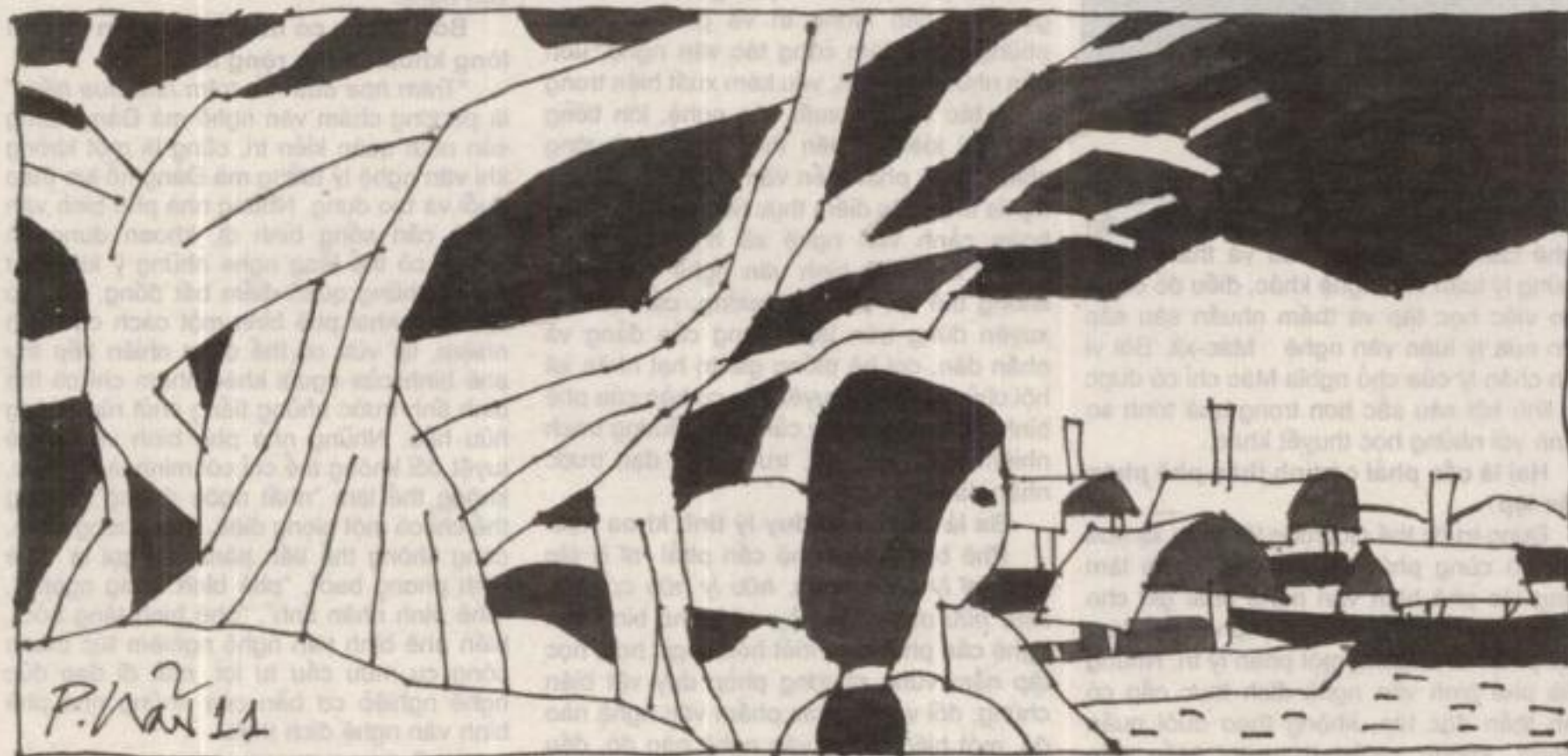
đó, nhưng tôi thương tấm lưng còng và sự cảm lạnh của ông. Tôi không thể cứ ngồi và chờ đợi mãi. Cha con tôi cần phải sống, kể cả khi không còn mẹ trên đời. Tôi đã đủ lớn khôn để học cách chấp nhận một sự thật nào đó. Dù là tàn nhẫn. Thì thoảng, vào những buổi chiều chủ nhật, tôi lại ra bờ sông nhìn những con thuyền xuôi ngược. Những lúc ấy tôi nhớ mẹ ghé ghóm lăm, nhớ đến nhức buốt từng mạch máu. Từng kí ức về mẹ cứ dội về ngọt thở. Tôi đã tự nhủ lòng phải quên mẹ đi để sống. Cứ hết mùa sông cạn lại đây, rồi tôi cũng tốt nghiệp cấp III và thi đỗ vào Đại Học.

Tôi dời xa ngã ba sông, bỏ lại những kí ức tạt nguyên và dáng cha cảm lạnh để sống giữa một thành phố xô bồ. Có đôi lúc tôi cảm thấy xe cộ, nhà cửa và vòm trời bé xíu nơi đây còn làm tôi nghẹt thở gấp mười lần giấc mơ về mẹ. Nhưng mỗi sớm mai thức giấc, cuộc sống và toan tính cứ kéo tôi trôi không quản tính. Tôi trở thành nô lệ của những giảng buộc từ lúc nào không biết. Tôi hòa vào dòng người ùn tắc, hoặc nấp mình trong những nhà trọ chật hẹp, tối tăm, tôi thả rơi mình vào những bận rộn. Ngã ba sông chỉ thì thoảng hiện về trong giấc mơ, thoảng qua và nhẹ bằng. Lâu dần tôi không còn thấy buồn và nhớ mẹ, trừ khi tôi trở về cha, cái dáng ngồi ấy bao nhiêu năm không hề thay đổi. Phải thú thật rằng tôi rất sợ chạm phải kí ức, nó làm tôi yếu mềm đến không còn sức sống. Nên đã nhiều lần tôi nghĩ đến việc thu xếp để đón bố xuống thành phố, nhưng ông không chịu. Tôi cũng sợ lưng bố đã gù xuống sau những năm tháng ngóng chờ mẹ lại càng gù hơn khi phải công lên nỗi nhớ sông, nhớ làng, nhớ thuyền, nhớ bến. Thế là tôi lại một mình ra đi, như cái ngày tôi quyết định sẽ ở lại thành phố lập nghiệp. Dù cả gia đình nhà chồng đều muốn chúng tôi trở về quê. Tôi sẽ không sống nổi nếu như ngày nào cũng đi qua ngã ba sông, hít hà gió sông và sống trong dòng chảy kí ức của mình.

Ngày cưới. Tay bố run run đeo lên cổ tôi chiếc vòng vàng làm của hồi môn. Trong giây phút ấy cả hai bố con đều không sao cảm lòng được. Tôi thấy thương quay quắt sự lặng cảm của bố. Hơn lúc nào hết, trong ngày cưới của tôi cả hai cha con đều mong có mẹ. Mẹ đã ở đâu trong giây phút thiêng liêng ấy?

Anh làm hướng dẫn viên cho một công ty chuyên tổ chức các tour du lịch trong nước. Những chuyến đi liên tục khiến anh không còn mấy thời gian dành cho gia đình. Chúng tôi chủ yếu liên lạc, chuyện trò với nhau qua điện thoại. Khi không có anh tôi sống trầm lặng hơn bằng việc chăm sóc con, làm một chuyên viên tâm lý và đọc sách. Sau những chuyến đi dài, khi trở về thành phố anh hay dạo qua các cửa hàng sách và mua về tiểu thuyết của Quỳnh Dao. Nhiều lúc để tránh nhớ về mẹ, tôi phải giấu chúng tận dưới đáy hòm, thế nhưng nỗi nhớ lại cứ ngốn ngốn lên. Đã có lúc tôi tự hỏi ngày xưa trong sự nghèo khó, nỗi lo toan bộn bề, mẹ đã đọc sách vào lúc nào để đặt cho con gái mình cái tên của một nhà văn. Quỳnh Dao- mỗi khi viết tên mình lên bất cứ đâu, tôi lại nhớ mẹ quay quắt.

Con gái tôi đã mười ba tuổi. Khuôn mặt nó không giống tôi điểm gì, chỉ duy nhất cái tính hay suy tư là giống hệt tôi lúc nhỏ. Con thích viết nhật kí rồi giấu kín trong một ngăn tủ có khóa. Đôi khi tôi có ý định chạm vào thế giới của con nhưng anh bảo:



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

- Ngày xưa chúng ta có cả một bầu trời rộng lớn để chạy nhảy mà lúc còn ngọt ngào. Bây giờ con phải tự tạo cho mình một thế giới nên em hãy tôn trọng sở thích của con.

Tôi không làm sao có thể gần con trong từng suy nghĩ. Điều ấy khiến tôi hoang mang, mặc dù tôi là một chuyên gia tâm lý. Hàng ngày tôi cố gắng gần gũi, chuyện trò với con nhưng dường như những suy nghĩ của con khác tôi ngày xưa nhiều quá. Con buộc phải lớn hơn trước tuổi khi nhìn từ ô cửa phòng con xuống xóm lao động nghèo. Ngày nào con cũng ngồi đó và hỏi những câu chính tôi cũng không làm sao trả lời con cho thỏa đáng. Một buổi sáng mùa đông, khi nhìn thấy một cụ già ăn xin đang ngồi thu mình trong ngách nhỏ của xóm lao động, con hỏi tôi:

- Mẹ ơi! Những người thân của bà cụ ở đâu, sao lại để bà phải đi ăn xin ạ?

Tôi bảo:

- Có thể bà ấy không có con, hoặc vì một lý do nào đấy mà con cái không nuôi nổi cha mẹ mình.

- Tại sao vẫn còn những người khổ thế mẹ nhỉ?

- Con còn bé chưa hiểu hết được mọi chuyện. Ở trên đời còn có nhiều mảnh đời bất hạnh lắm, vì rất nhiều lý do con ạ.

Con khẽ thở dài hỏi tôi:

- Nhà mình có rất nhiều đồ ăn sẵn và áo ấm không mặc đến phải không ạ? Con mang cho bà cụ mẹ nhé.

Nghe tiếng thở dài và những bước chân nặng trĩu ưu phiền của con, tôi chợt giật mình. Trong giây phút ấy, tôi nhớ đến mẹ. Lòng cứ tự hỏi không biết giờ này mẹ còn sống không? Nếu còn sống thì mẹ đang ở nơi đâu? Liệu có ai rủ lòng thương cho mẹ nương nhờ? Tôi rùng mình khi chợt nghĩ đến cảnh tượng ở một góc phố nhỏ nào đó mẹ đang co ro chờ sự bố thí của người đời. Còn tôi thì mãi mê sống trong sự đủ đầy rồi tự vỗ về ki ức bằng những điều dường như tốt đẹp. Đã biết bao nhiêu lần tôi đã định đi tìm mẹ, nhất là khi xem xong chương trình "Như chưa hề có cuộc chia ly", nhưng nỗi sợ hãi phải khơi lại, phải chạm vào nỗi đau khiến tôi cứ lẩn tránh mãi. Ba mươi năm trôi qua, tôi từ một đứa trẻ trở thành một người đàn bà ngồi đếm tuổi. Ba mươi năm, nếu mẹ tôi còn sống thì mắt đã mờ, tóc đã điểm sương...

Tôi đang mãi suy nghĩ linh tinh thì nhận được cuộc điện thoại gọi đến trung tâm nhờ tư vấn tâm lý. Bệnh nhân của tôi lần này là một bà mẹ có đứa con gái bị mất tích cách đây một năm vẫn chưa tìm thấy. Người nhà bệnh nhân yêu cầu bác sĩ tâm lý đến tận nhà nên tôi đành lặn lội gần sáu mươi cây số ra ngoại thành. Người đầu tiên tôi tiếp xúc cũng chính là người đã gọi điện thoại đến trung tâm, đó là chồng nạn nhân. Anh ấy nói với tôi rằng từ khi con gái bị mất tích, người vợ trở nên trầm cảm suốt ngày chỉ khóc mình khóc vụng trong phòng. Nhất là sau một năm tìm kiếm vô ích, nhiều khả năng cho thấy con gái đã bị lừa bán qua biên giới. Mới chỉ nghe đến đây, tôi đã thấy thật nặng nề khi đẩy cánh cửa bước vào phòng người phụ nữ ấy. Mới chỉ nghe thấy bước chân tôi, chị vẫn giữ nguyên tư thế ngồi nhìn ra phía cửa sổ và nói:

- Nếu không thể mang con gái về cho tôi thì xin đừng đến đây và nói bất cứ điều gì.

Tôi nhận ra vẻ tiêu tụy, mệt mỏi trên dáng ngồi xiêu vẹo ấy. Không hiểu vì có phải dáng ngồi ngóng chờ mỗi mòn rất giống với cha hay là vì nỗi thương xót, đồng cảm với người đồng cảnh ngộ mà tôi bảo chị:

- Tôi cũng bị mất tích mẹ. Đã...

Tôi đã định nói rằng đã ba mươi năm trôi qua rồi mà tôi vẫn chưa tìm thấy mẹ. Nhưng cũng may là tôi đã kịp dừng lại, nếu không rất có thể người phụ nữ ấy sẽ phát điên lên mất. Không gì tàn ác hơn là giết chết đi niềm hy vọng của một người mẹ. Tôi rất muốn chạm vào bàn tay chị nhưng tôi cảm nhận bàn tay ấy, hơi thở ấy và cả ánh mắt luôn chờ đợi ấy rất mỏng manh. Tôi sợ nếu bất cứ ai đó chạm vào nó sẽ vỡ vụn thành từng mảnh nhỏ.

- Cô đã tìm được mẹ chưa?

- Tất nhiên là tôi đã tìm thấy mẹ.

MIỀN CAO

Chùm tạp bút NGUYỄN THỊ HẬU

BẠCH MÃ SƯƠNG TAN...

BẠCH Mã là một dãy núi đẹp, ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Thừa Thiên-Huế và thành phố Đà Nẵng. Nằm trong vườn quốc gia Bạch Mã, đỉnh Bạch Mã với độ cao 1.450 m so với mực nước biển là đỉnh núi cao nhất của dãy núi này. Núi là một phần của dãy Trường Sơn chạy cắt ra sát biển, nơi đây có đèo Hải Vân nổi tiếng nằm cách Huế 60 km về phía Nam. Trên đỉnh núi hùng vĩ bốn mùa xanh tươi với thác nước, suối, rừng... nơi quy tụ nhiều loại động vật và thực vật quý hiếm ở miền nhiệt đới. Bạch Mã nằm cách biển chỉ có 18 km nên hòa với không khí của rừng núi là chút hương vị của biển. Vào đầu thế kỷ XX Bạch Mã còn là một khu rừng núi hoang sơ chưa ai khai phá. Nhưng từ khoảng năm 1925, khi thám sát để mở đường qua khu vực này, một kỹ sư người Pháp là Girard đã phát hiện ra đỉnh Bạch Mã và bắt đầu tổ chức khai phá vùng núi này vào năm 1932 nhằm phát triển du lịch của Bạch Mã. Từ đó khu vực này trở thành khu nghỉ mát như Tam Đảo, Đà Lạt, xuất hiện các biệt thự, khách sạn và kéo theo đó là phát triển về giao thông công cộng. Nhưng công trình này chủ yếu chỉ để phục vụ giới có tiền thời đó và các quan chức người Pháp. Bây giờ những ngôi biệt thự cổ này được sử dụng làm khách sạn phục vụ du lịch, nhưng trông vẫn hoang phế lắm...

Hôm đứng trên đỉnh Bạch Mã nhìn xuống đèo Hải Vân uốn lượn rồi mất hút, nhìn xuống phá Tam Giang xa mờ biển lẫn vào mây, nhìn xuống rừng Bạch Mã xanh ngút ngát... chợt ước biển thành hạt bụi hay một giọt sương, tan trong không trung, nhẹ nhàng, không dấu tích... Bỗng nhớ hồi xưa có xem một bộ phim của Ba Lan, kể về một cô gái luôn nghĩ rằng mình biết bay. Mọi người đều coi cô như người tâm thần. Chỉ có một người đàn ông, một nhà văn dường như hiểu được điều đó. Nhưng cuộc sống chật hẹp đã không thể chứa đựng ước mơ bay lên của cô gái. Người đàn ông của cô - trong khoảnh khắc - cũng tự chặt đôi cánh tưởng tượng của mình. Trong nỗi thất vọng, từ sân thượng tòa nhà mười mấy tầng cô gái đã bay chuyển bay đầu tiên và cũng là cuối cùng... vào bầu trời của riêng cô...

Người ta đã xây một ngôi chùa trên đỉnh Bạch Mã. Trước sân là đôi ngựa đá màu trắng, trong chùa những đồ thờ cúng cũng là đá trắng, loại đá Ngũ Hành Sơn. Thỉnh tượng Phật, treo chuông lúc đứng ngó. Tiếng chuông vang lên... không gian nơi đây đủ cho tiếng chuông ngân dài, giao hòa trời đất...

Có thể nơi đây sẽ trở thành Hương Tích, Yên Tử chăng?

Dù không thể thì cũng may mắn khi đã đến Bạch Mã khi nơi đây còn chưa nhuộm nhiều màu đời trần tục...

TAM ĐẢO BỐN MÙA

Thị trấn Tam Đảo rộng hơn 300ha, nằm gọn trong một thung lũng nhỏ của dãy Tam Đảo, đồng thời cũng là một trong những vườn quốc gia lớn nhất miền Bắc. Đầu thế kỷ XX, người Pháp phát hiện ra Tam Đảo và đã xây dựng ở nơi đây một thị trấn du lịch cho những quan chức thuộc địa người Pháp với 163 ngôi biệt thự nằm rải rác trên các sườn núi. Nay những toà nhà Tây chỉ còn là phế tích trong hoang tàn, đổ nát, trơ ra những móng, tường, công trình ngấm nằm lẫn với cỏ cây, rêu phong, nắng mưa... Nhìn mà thấy xót xa. Một thời gian dài chả ai cần cái đẹp như thế... và bây giờ cũng còn có ai biết đến vẻ đẹp như thế...?

Thị trấn bé xiu, xinh xắn với những con đường lên xuống quanh co nhỏ nhỏ, một dòng suối như vệt nước cắt ngang chảy suốt bốn mùa, giờ nhan nhản những ngôi "biệt thự" kiểu mới, giống hệt bất cứ một thị trấn thị xã nào đó.

Khí hậu ở đây rất độc đáo, bốn mùa trong một ngày. Buổi sáng se se gió xuân, buổi trưa nắng ấm mùa hạ, buổi chiều lãng đãng heo may mùa thu, buổi tối lạnh giá mùa đông.

Những ngày ở đó trong đầu cứ văng vẳng mấy câu thơ không biết của ai

... Anh sẽ đi qua cái quuyến rũ của mùa xuân

cái chày bưng của mùa hạ

cái xôn xao của mùa thu rất lạ

Đến cầm tay em se giá mùa đông

tình yêu nguyên vẹn đắm say thắm lặng

Thu nắng bốn mùa

gửi cả mắt trong em...

Và hoa. Hoa đại trên sườn núi, trong khuôn viên các ngôi nhà cổ, hoa trên tường rào những ngôi nhà mới, đủ sắc màu... nhưng màu tím vẫn nhiều sắc thái nhất: tím ngả xanh của bim bim, tím hồng nâu của anh đào, tím huế của bằng lăng, tím đỏ rực rỡ của bông giấy...

Và rau. Ngọn susu vươn bờ khắp nơi, trên ruộng, trong vườn nhà... mỗi sáng đầy trên con đường có cái chợ nhỏ toàn khách du lịch. Bữa ăn nào cũng có món susu luộc chấm muối vừng dân dã.

Gần một tuần ở đó biết thêm được nhiều điều... Chưa rời khỏi Tam Đảo mà đã mong sẽ được trở lại, vào một ngày đông...■

Nhưng trong một khoảng thời gian khá dài. Tôi đã phải chuẩn bị tâm lý cho việc đó.

Tôi cũng không hiểu sao mình lại trả lời như vậy. Có thể vì tôi là một bác sĩ tâm lý, cũng có thể chỉ vì tôi đã phải trải qua những nỗi đau mà người mẹ kia đang gặp phải nên tôi không muốn chị bị tổn thương thêm nữa.

- Liệu tôi có thể tìm thấy con gái không? Tôi rất nhớ con.

Tôi chỉ có thể trả lời người mẹ ấy rằng chị phải vùng vằng lên, bởi cuộc kiếm tìm và chờ đợi có thể sẽ kéo dài. Khi ấy tôi chỉ nghĩ đơn giản rằng đừng gieo vào lòng chị quá nhiều hy vọng. Bởi biết đâu...

Tôi phóng như bay về thành phố, nước mắt đầm đìa. Khi tôi đi chữa vết thương cho người khác thì vết thương của tôi lại mưng mủ trở lại. Tôi cứ tự hỏi bản thân rằng mình đã làm gì trong cuộc chờ đợi mẹ? Hay chỉ biết ngồi một chỗ và chờ phép màu sẽ xảy ra. Tôi có còn bé bỏng gì đâu mà còn bầu vùi vào cổ tích... Chẳng phải, ngay con gái tôi, dù mới hơn mười tuổi, nó đã có lần nói với tôi rằng cổ tích không có thật trên đời, vì không có thật trên đời nên mới gọi là cổ tích. Gió ran rát bên tai, nước mắt tôi mặn đắng.

Chồng tôi trở về nhà sau chuyến đi tour kéo dài nửa tháng. Anh lại mua hoa hồng cắm đầy bình sứ đặt bên cửa sổ. Tôi nói với anh rằng tôi muốn đi tìm mẹ. Anh không cần mà chỉ bảo:

- Em hãy tìm theo trái tim em mách bảo.

Tôi xin nghỉ việc ở trung tâm tư vấn, nhờ mẹ chồng xuống thăm con. Lấy cớ là đi công tác, tôi quyết định làm một cuộc hành trình đi tìm mẹ. Khi tôi bắt đầu ra bắt xe để đi, tôi nhìn thấy những người đàn bà ở khắp các xóm lao động nghèo

kéo nhau ngồi ở chợ người, đang hau hau chờ người đến thuê làm việc. Trong đó có cả những người già. Tôi lướt qua họ kiếm tìm, họ xô đẩy nhau rồi ào về phía tôi. Không một đôi mắt nào quen thuộc. Tôi lên chuyển xe chạy vào miền trung, dù tôi không nghĩ mẹ có thể trôi dạt xa như vậy.

Mỗi ngày anh đều nhắn tin hỏi han tôi. Anh nói rồi nhất định có một ngày anh mang mẹ về cho tôi. Rong ruổi trên cuộc hành trình, tôi nhặt nhòa nước mắt. Mùi hương tóc mẹ, mùi mồ hôi, cái vỗ về thân thuộc ấu thơ như dội vào tôi trăm ngàn lớp sóng. Đi đến đâu tôi cũng hỏi về người đàn bà có mái tóc đen dài, má phấn, môi hồng và ánh nhìn ấm áp. Người ta trả lời tôi rằng lâu lắm không nhìn thấy người đàn bà nào lạ đi qua đây cả. Lẽ nào tôi lại hỏi về ba mươi năm trước...

Khi tôi trở về thành phố, chợ người lại càng đông những người già chờ việc. Tôi đứng từ xa dõi về phía họ rồi chậm chậm bước đi. Những ngày sau đó, tôi lang thang khắp các ngôi sách, đi đến đâu tôi cũng hỏi họ đã từng bán tiểu thuyết của Quỳnh Dao không? Có người đàn bà nào đến mua không? Nhưng ai cũng lắc đầu. Tôi lại trở về căn nhà và ngồi bên ô cửa. Lại nghe thấy tiếng thở dài của con gái và nhắm mắt xem anh đã từng rong ruổi bao nhiêu chuyến, không biết lần này bao lâu thì anh sẽ trở về? Lòng dằn lòng sẽ về quê thăm bố và ngã ba sông.

Đêm nay mưa bão rất to. Tôi kéo kín rèm cửa và vỗ về giấc ngủ của con. Tôi rất sợ những đêm mưa bão, sấm chớp như thế này nhất là khi không có anh bên cạnh. Cả đêm dù đã cố dụ mình vào giấc ngủ nhưng những cơn mưa tát vào cửa sổ

nghe như tiếng ai đó đang gõ cửa khiến tôi hoang mang, sợ hãi. Những ánh chớp xanh như xuyên thủng rèm cửa, chạm vào da thịt đến buốt lạnh. Bất chợt tôi cảm thấy gọi cho anh như thế đang tìm kiếm một chỗ dựa, một người che chở, nhưng máy báo không liên lạc được. Lòng tôi càng hoang mang hơn nữa...

Đến nửa đêm, lại sau một đợt bão to, bỗng có tiếng chuông. Tôi lạnh toát người. Tôi tự trấn an mình rằng chỉ là nhịp tim mình đang đập mạnh, chỉ là thứ âm thanh hỗn tạp và chả có ai tìm mình vào một đêm mưa bão như thế này. Nhưng tiếng chuông cứ vang lên như thúc giục. Con gái đã thức giấc, nó bước chậm chậm theo tôi xuống từng bậc cầu thang. Tiếng anh nói vọng vào nhặt nhòa trong tiếng mưa gió:

- Em mở cửa ra đi. Anh đã về và mang theo cổ tích.

Khi tôi mở cửa ra. Trước mặt tôi là một điều kì diệu. Anh đã đưa mẹ trở về đúng như lời anh hứa cách đây ba mươi năm. Tôi không cần biết mẹ đã thoát khỏi trận lũ bằng cách nào, vì sao mẹ không tìm đường trở về với bố con tôi, ba mươi năm qua mẹ đã ở đâu và sống ra sao? Tôi chỉ cần biết rằng mẹ đang ở trước mặt tôi, dù cho trời đổ cơn mưa trắng xóa và gió bão đập mặt mũi thì tôi vẫn nhận ra ánh mắt ấm áp ấy, mùi hương trên tóc tóc mẹ và cả mùi mồ hôi trong kí ức. Đêm nay, sau ba mươi năm trôi lại ập xuống một cơn mưa bão lớn như cái ngày ngập lụt sông Hồng. Tôi quy xuống trên bậc cửa, khấn cổ gọi "Mẹ ơi!".

Có lẽ, lúc ấy, chỉ có con tôi nhận ra người đàn bà đang đứng trước mặt tôi là bà cụ ăn xin mẹ con tôi gặp trên đường hôm trước.■

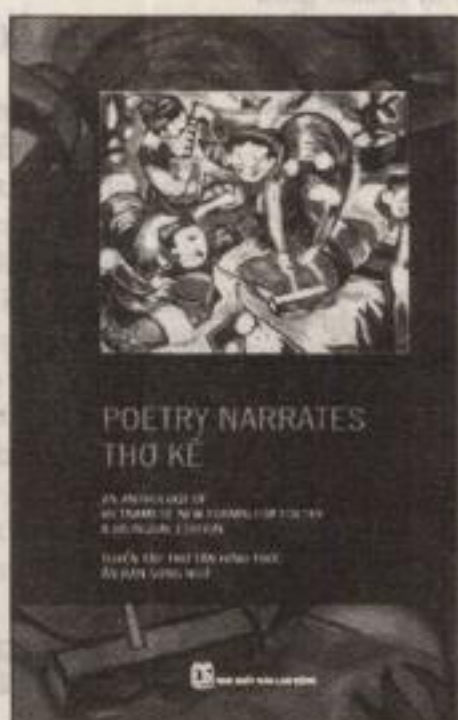
THƠ TÂN HÌNH THỨC VIỆT NHẮC LẠI - 10 NĂM

KHẾ IÊM

TÂN Hình Thức là một phong trào thơ Mỹ, khởi đầu từ thập niên 1980 và phát triển vào những năm 1990, chủ trương bởi một số những nhà thơ trẻ sáng tác theo thể luật truyền thống. Nhưng tại sao Tân Hình Thức mà không là gì khác? Thơ truyền thống phương Tây, bắt đầu với Homer, hai tác phẩm *The Iliad* and *The Odyssey*, (viết theo mỗi giọng 16 âm tiết), sau đó là thơ tự do (free verse), với nhà thơ Mỹ Walt Whitman (cuối thế kỷ XIX). Thơ tự do, suốt thế kỷ XX, phát triển mạnh mẽ ở Mỹ sau thế chiến thứ hai, với rất nhiều phong trào tiên phong, cạn kiệt vào cuối thế kỷ, tạo nên phản ứng, hồi phục lại thơ thể luật.

Thơ có trước luật thơ. Từ những thời xa xưa, thơ sáng tác với nhạc cụ đàn sáo, và được hát lên. Sau này khi lời và nhạc tách ra, nhưng sự liên hệ giữa lời và nhạc, giữa âm và điệu, giữa thực hành và thẩm mỹ, vẫn được lưu giữ và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thành luật thơ. Luật thơ vì thế, đã nằm lòng trong người đọc và người làm thơ, rút lại chỉ còn là *luật vắn*, vắn như thế nào ở cuối dòng. Khi luật tắc đã có sẵn, như một khuôn nhạc, tài năng của nhà thơ là làm sao phổ ý và lời vào, để khi đọc lên, nghe du dương và có hồn, đạt tới tiêu chuẩn *hay*. Thơ tự do ra đời, muốn thoát ra khỏi những âm điệu truyền thống, họ dùng tiêu chuẩn *mới* (make it new) thay cho tiêu chuẩn *hay*.

Thơ ở thời kỳ nào cũng vậy, có lúc suy trầm có lúc nở rộ. Thơ vẫn điệu sau một thời gian dài, đến lúc phải lui tàn vì hoàn cảnh xã hội thay đổi, thơ không chuyên chở nổi tâm tình con người, và thơ tự do mới có cơ hội ra đời. Thơ tự do và hội họa hiện đại phương Tây, phù hợp với tinh thần chinh phục (cuối thế kỷ XIX) và đối đầu (thời kỳ chiến tranh lạnh) cùng sự phát triển về khoa học và kỹ thuật, với



Một tác phẩm thơ tân hình thức.

hậu quả hai cuộc thế chiến. Thời kỳ đối đầu tạo nên tinh thần cực đoan, và sự bất bình thường trong sinh hoạt thơ hậu chiến Mỹ, quá thiên vị thơ tự do, và đẩy thơ vần luật (meter and rhyme) ra ngoài lề, coi như một thể loại thơ đã lỗi thời. Trong lúc ở các nước khác, như nước Anh, thơ vần luật và thơ tự do phát triển song song với nhau.

Sự nổi lên của phong trào thơ Tân Hình Thức làm cho sinh hoạt thơ Mỹ trở nên quân bình. Nhưng khi quay về vần luật, một thời gian sau một số nhà thơ Mỹ cho rằng, không cần thiết phải có một thuật ngữ nào khác, thơ hay là được rồi. Như vậy, chẳng lẽ thuật ngữ "Tân Hình Thức" chỉ là chuyện hồi phục truyền thống? "Tân" ở đây có nghĩa là "trở về" (retro), chứ không có gì là "tân". Đành rằng những yếu tố của thơ Tân Hình Thức đều có sẵn từ trước như *vất giọng*, *luật tắc*, *tính truyện* và ngay cả *ngôn ngữ nói thông thường*, từ thời Lãng Mạn, đầu thế kỷ XIX,

nhà thơ William Wordsworth đã dùng trong thơ Không Vắn. Thơ tự do, phái Hình Tượng, đầu thế kỷ XX với T. S. Eliot và Ezra Pound ... cũng chủ trương, dùng ngôn ngữ nói thông thường với những chữ chính xác trong thơ. Nhưng ngôn ngữ ở mỗi thời mỗi khác. Và khi dùng ngôn ngữ đời thường tuôn đời sống vào thơ, thơ trở nên sống động, lôi cuốn người đọc, và làm cho thơ vẫn luật hoàn toàn lọt xác. Đó là một thành công không thể phủ nhận, và là một phong cách lớn. Một lý do nữa là người đọc ở thời đại văn minh điện toán, đã không còn chú ý mấy đến thơ, tiêu chuẩn *làm mới* của thơ tự do không còn đủ sức gây ngạc nhiên, và như thế những nhà thơ phải quay về với tiêu chuẩn *hay* truyền thống, bằng tài năng thật sự của mình, để mong duy trì sự tồn tại của thơ.

Còn thơ Tân Hình Thức Việt thì sao? Những nhà thơ Việt, vào đầu năm 2000, qua số báo đặc biệt "Chào đón thiên niên kỷ mới" của *Tạp chí Thơ*, mượn thuật ngữ "Tân Hình Thức" để giới thiệu vào thơ Việt thể thơ Không Vắn của thơ tiếng Anh. Tiếp nhận một thể thơ là tiếp nhận phần thi pháp (cách làm thơ), áp dụng những yếu tố mới: *vất giọng*, kỹ thuật *lập lại*, *tính truyện* và *ngôn ngữ đời thường*.

Đối với thơ Mỹ, thuật ngữ "Tân Hình Thức" là do kẻ thù của giọng thơ này đặt cho, có ý mỉa mai. Sau này, hai nhà thơ sáng lập phong trào, Frederick Feirstein và Frederick Turner kết hợp thêm với Thơ Tự Sự (Narrative Poetry) thành lập phong trào thơ Mở Rộng (Expansive Poetry). Nhưng dù thế nào thì thơ Tân Hình Thức Mỹ đã làm xong công việc của mình, hồi phục thơ vần luật, và xóa bỏ hố ngăn cách giữa những nhà thơ. Bởi sự thống trị của thơ tự do suốt thế kỷ XX đã tạo nên sự chia rẽ trầm trọng tưởng như không bao giờ hàn gắn được giữa một bên truyền thống, đại diện là nhà thơ Robert

Frost, từng cho thơ tự do giống như "chơi quần vợt không lưới", một bên là thơ tự do với bằng chỉ đường "làm mới" của nhà thơ Ezra Pound. Kể từ sau phong trào thơ Tân Hình Thức, thơ Mỹ mới chấm dứt cơn sốt của những phong trào Tiên phong, nở rộ sau thập niên 1950, và thơ trở nên bão hòa, vần điệu hay tự do gì cũng được.

Nhưng thuật ngữ "Tân Hình Thức" lại rất đúng với thơ Việt. Thơ Việt cũng trở lại, nhưng chỉ lấy những thể thơ cũ, rót vào những yếu tố mới để chuyển thành những thể thơ mới. Không những thế, thơ Tân Hình Thức Việt còn là sự hòa hợp giữa truyền thống và hiện đại, xóa bỏ mọi ranh giới phân biệt, giữa hai ngôn ngữ Anh và Việt, tạo nên sự giao lưu giữa hai nền văn hóa. (Ở đây cần ghi nhận thêm, Ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt có khá nhiều tương đồng, *không nhấn, nhấn*, và *bằng trắc* chỉ là sự nặng hay nhẹ của âm vực, còn tiếng Anh cổ, trước khi tiếp nhận thêm những chữ đa âm từ tiếng Pháp và tiếng La tinh, đa số chữ là đơn âm. Điều này giúp chúng ta dễ dàng tiếp nhận thể thơ Không Vắn tiếng Anh, với kỹ thuật *lập lại*, mà những ngôn ngữ đa âm khác không phải trọng âm, như tiếng Pháp, không tiếp nhận được).

Nhắc Lại - Mười Năm, thơ Tân Hình Thức Việt đã có được những thành quả đáng chú ý. Thật ra, không có thể thơ nào dở, chỉ có sự thực hành chưa tới. Chẳng hạn, vào giữa thế kỷ thứ XIV, khi Earl of Surrey chuyển thơ không vần từ thơ ý sang thơ Anh, phải đợi đến nửa thế kỷ sau với William Shakespeare, và 1 thế kỷ sau với John Milton, thơ Không Vắn mới có được vị trí xứng đáng. Chúng ta cũng cần nhắc tới những nhà thơ đã làm cho thể thơ này trở thành hiện thực, đó là 64 nhà thơ trong tuyển tập thơ song ngữ "Không Vắn", 21 nhà thơ trong tuyển tập song ngữ "Thơ Kể" (Poetry Narrates) và những nhà thơ kế tiếp sau này... Chúng tôi tin rằng, chừng nào còn những nhà thơ có nhu cầu thay đổi và giao tiếp với thế giới bên ngoài, tìm kiếm người đọc từ các nền văn hóa và ngôn ngữ khác, thì thể thơ Không Vắn sẽ còn là phương tiện hiệu quả và cần thiết. ■

(Trích từ *Khế Iêm gửi Inrasara*, Đỗ Quyên và Lê Vũ)

THƠ VỚI NHÀ TRƯỜNG - PHÁC DỰNG MỘT BỨC TRANH TOÀN CẢNH

THỦY LIÊN

MỘT hội thảo khoa học về *Thơ với nhà trường* mới được tổ chức, do sáng kiến của Hội Nhà văn Việt Nam và Trường đại học Đồng Tháp, tại thành phố Cao Lãnh vào ngày 15/1/2011.

41 tham luận gửi tới hội thảo của các nhà nghiên cứu văn học, giáo dục học, các giảng viên, sinh viên và nhiều nhà thơ đã bàn về hầu hết những vấn đề trọng tâm và liên quan đến *Thơ với nhà trường* từ cái nhìn của thành tựu thơ Việt Nam và của cách giáo dục Việt Nam hôm nay.

Thơ đã có mặt trong nhà trường từ rất lâu, phát huy được vẻ đẹp độc đáo của nó trong việc giáo dục bồi dưỡng nhiều thế hệ thanh thiếu niên tinh yêu tổ quốc, dân tộc, hài hòa với tình thầy trò, bè bạn trong sáng như trình bày qua các tham luận của Lê Quang Trang - *Thơ và nhà trường, mối liên hệ khăng khít và vô cùng phong phú*, Nguyễn Hữu Nhân - *Nét đẹp học trò trong thơ Đồng Tháp - Thu Nguyệt - Từ trang vở đến trang văn*, Lê Phương Liên - *Vẻ đẹp của nhà trường trong thơ thiếu nhi...*

Chú ý đến thơ học đường trong những năm chống Mỹ cứu nước ở các đô thị miền Nam trước 1975, Huỳnh Như Phương cho rằng đó là những vần thơ có giá trị thức tỉnh tinh thần và ý chí lên đường tranh đấu vì độc lập tự do, gieo vào lòng người niềm tin, niềm hi vọng ở ngày toàn thắng. Còn Nguyễn An nhớ lại và khẳng định một sức sáng tạo trẻ trung mới mẻ trên trang thơ của những

người đi thẳng từ nhà trường vào chiến trường những năm gian lao ấy của Lê Anh Xuân, Nguyễn Khoa Điềm, Phạm Tiến Duật, Hoàng Nhuận Cầm... và cả Trần Quang Long đã thực sự có sự giao hưởng với nhà trường và sự âm vang lâu dài đối với cả xã hội.

Những phân tích tinh tế của Thái Sắc ("*Chiếc lá đầu tiên*" một trong những bài thơ hay nhất về tuổi học trò), Lê Huỳnh Diệu (*Hình tượng học trò thời chiến tranh trong thơ Trần Đăng Khoa*), Lê Hương Giang (*Thơ Hồ Chí Minh trong nhà trường phổ thông*), Nguyễn Phan Phương Uyên (*Tình học trò trong bài "Trường huyện" của Nguyễn Bính*), Nguyễn Thị Mỹ Thoa (*Hình ảnh học trò qua bài thơ "Phượng vĩ ngày xưa" của Ngọc Diệp*)... Nguyễn Thị Chính (*Hình tượng người học trò hồng thi trong thơ Tú Xương*)... bước đầu đã góp phần gợi ra sự phong phú và bề thế của đề tài *Thơ với nhà trường* hôm nay.

Như là một sự nhìn lại các thành công và một ít điều cần suy nghĩ cải tiến, các tham luận *Chúng tôi đã tìm và đưa thơ vào sách giáo khoa tiếng Việt tiểu học năm 2000 như thế nào?* của Nguyễn Thị Ly Kha, *Tình đời thơai trong thơ thiếu nhi đương đại với việc dạy Tiếng Việt ở trường tiểu học hiện nay* của Bùi Thanh Tuyền và Lưu Thị Hoài Thu... đã khiến hội thảo sôi động trên một hướng khác: không phải thơ hay nào cũng được đưa vào tất cả các lớp học mà thơ hay là vốn quý, vốn ấy cần phải được lựa chọn sao cho phù hợp với từng lứa

học trò với các mục tiêu giáo dục cụ thể nữa.

Cùng một hướng nhìn nhận, khảo sát về các bộ phận thơ đã và đang có trong nhà trường, Hồ Sỹ Hiệp báo cáo về việc dạy *Thơ cổ Trung Quốc*, Trần Đức Hùng bàn về *Ca dao - dân ca Nam bộ*, Nguyễn Thị Kim Tiến phân tích *Thơ mới...* trong sách giáo khoa và các bài giảng.

Tình bạn và tình yêu tuổi học trò trong thơ ca Đồng Tháp, Đồng Nai, Nam Bộ và nhiều thi phẩm hay của thơ Việt Nam giờ đây cũng được các tác giả Nguyễn Thái Hải, Nguyễn Tường, Phạm Trà My, Đặng Nguyệt Anh... chú ý tìm hiểu. Họ nhất trí rằng đó là những biểu hiện khác nhau của sự thẩm thiết sáng trong, có vui tươi hồn nhiên và có những buồn tiếc nhớ nhưng mà không hề uỷ mị.

Kể chuyện dùng thơ để dạy Địa lý của Nguyễn Hồng Phượng và giới thiệu *Hát thơ* như một loại hình nghệ thuật đã có khả năng minh họa tuyệt vời cho môn tiếng Việt và Văn của Hán Nguyễn Nguyễn Nhã là hai tham luận khá độc đáo tại hội thảo.

Có lẽ đã tới hơn một nửa số tham luận đặt vấn đề cần phải đưa thơ vào nhà trường một cách có hệ thống hơn, hay hơn. Gây chú ý nhiều vì tính thời sự là kiến nghị của Trần Quốc Toàn: *Ngay thơ Việt Nam cần được học sinh sinh viên đứng ra tổ chức thi mới thật sinh động và mới*. Kiến nghị này rất đáng được mạnh dạn thể nghiệm. ■

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC NHÀ VĂN - NHÀ GIÁO HOÀNG NGỌC HIỂN

MỘT HIỆN THÂN ĐẸP ĐẼ
CỦA VĂN HOÁ PHÊ BÌNH

(Điều trần của Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam tại lễ tang nhà văn, nhà giáo Hoàng Ngọc Hiến ngày 28-1-2011 do nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam đọc)

NHÀ giáo, nhà lý luận, phê bình văn học xuất sắc Hoàng Ngọc Hiến không còn nữa. Ông vĩnh biệt chúng ta vào hồi 23 giờ ngày 24 tháng 1 năm 2011, tại Bệnh viện Hữu Nghị Hà Nội, hưởng thọ 81 tuổi. Một đời người đã khép lại. Nhưng tên tuổi và ảnh hưởng của ông còn nguyên vẹn trong tâm trí của tất cả những ai đã một lần nghe và đọc những trang uyên thâm của Hoàng Ngọc Hiến.

Thừa kế truyền thống của gia đình trí thức yêu nước, tại xã Đức Phong, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến suốt đời lấy việc dạy và viết là hạnh phúc lớn nhất của đời mình. Phong cách sự phạm nổi tiếng của thầy Hiến là biến bức giảng thành diễn đàn, thay đọc thoại bằng đối thoại. Phương pháp mở ấy là những cái cách đầu tiên theo xu thế hiện đại hoá nền giáo dục nước nhà. Phương pháp đó dựa trên căn cứ duy nhất: *đánh thức tính trội của học sinh*. Để làm việc đó, thầy Hoàng Ngọc Hiến tự ép mình trong vai một trí thức khổ hạnh nhằm tiếp thu và làm chủ những thành tựu khoa học mới nhất của thế giới. Năm tháng trôi qua, thầy Hoàng Ngọc Hiến trở thành biểu tượng đẹp nhất của những học sinh Đại học Vinh và Đại học Văn hoá Hà Nội ngày nào.

Kiên quyết chống lại những gì nhạt nhẽo và dễ dãi là nguyên tắc nghiên cứu khoa học của Hoàng Ngọc Hiến. Là một nhà phát kiến thường trực, ông rất đề cao sự độc đáo và đột xuất. Không độc đáo, không đột xuất không phải là Hoàng Ngọc Hiến. Không phải sự đột xuất và độc đáo nào cũng dẫn đến thành công. Nhưng với Hoàng Ngọc Hiến, sự độc đáo và đột xuất đã làm nên một tên tuổi, một cốt cách riêng biệt. Chính vì độc đáo và đột xuất nên các công trình của ông luôn có khả năng mời gọi thảo luận và tranh luận. Đối với ông, con đường thảo luận và tranh luận cũng là con đường mở rộng không gian của suy tưởng và làm giàu trí tuệ, nói chung ông là hiện thân của sự tôn vinh vẻ đẹp trí tuệ, và sự cao khiết của nhân cách. Hoàng Ngọc Hiến là một trong số những người cho ta thấy sự nghiêm khắc trí thức là phương thuốc tốt nhất để chống lại căn bệnh nửa vời trong học thuật.

Kết hợp kinh nghiệm của một nhà sư phạm giỏi với nhà nghiên cứu văn học giàu mẫn cảm, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến là một trong những người sáng lập một kiểu trường đặc biệt ở nước ta nhằm đào tạo và bồi dưỡng các nhà văn. Đó là trường Viết văn Nguyễn Du mà ông có vinh dự là vị trưởng khoa đầu tiên.

Được chuẩn bị như một nhà sư phạm, bước đột phá đáng ngạc nhiên của Hoàng Ngọc Hiến là từ lĩnh vực văn học, ông chuyển sang nghiên cứu các vấn đề triết học và mỹ học, đảm nhận vai trò tiên phong trong lĩnh vực triết luận văn hoá, minh triết phương Đông và minh triết Hồ Chí

Minh. Một loạt tác phẩm của ông trong lĩnh vực này đã đưa ông trở thành một nhà nghiên cứu có đẳng cấp cao. Chống lại sự khoe mẽ, rắc rối hoá những điều đơn giản, Hoàng Ngọc Hiến là người có biệt tài đơn giản hoá những điều rắc rối nhất thông qua việc nắm bắt tài tình thần thái của các luận điểm. Hoàng Ngọc Hiến bao giờ cũng thông tỏ và sắc sảo. Ông xuất hiện ở đâu cũng tạo nên chú ý và sự hấp dẫn, một sự chú ý và hấp dẫn sang trọng dành cho những vắng vắng của tư duy.

Trở về với minh triết phương Đông, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến dày công vận dụng sáng tạo các thành tựu khoa học mới nhất về tâm linh, trực giác, do vậy các tác phẩm của ông đều có chung vẻ đẹp đánh thức lý tính và đánh thức Phật tính.

Bước sang tuổi 80, trí tuệ của Hoàng Ngọc Hiến còn rất thanh xuân. Là người am hiểu phương Tây và đề cao tính hiện đại; ông trở lại nghiên cứu phương Đông và những tinh hoa văn hoá dân tộc. Ông đã gửi vào công việc dãi cát tìm vàng này biết bao nhiêu tình yêu và kinh nghiệm, biết bao nhiêu tâm lực và trí tuệ.

Vận dụng lý luận vào thực tiễn văn chương, Hoàng Ngọc Hiến là một nhà phê bình văn học có chủ kiến mạnh mẽ. Tiếp cận với những tác phẩm đã được xếp hạng hoặc đang có sự đánh giá khác nhau, những bài phê bình của Hoàng Ngọc Hiến bao giờ cũng có những phát hiện mới, nhiều khi là những sự đảo phách rất ngoạn mục. Ông rất sành điệu huyết tác phẩm qua những khái niệm bất ngờ, có sức khái quát cao. Trong phê bình và tranh luận, Hoàng Ngọc Hiến khao khát tiếp cận chân lý bao nhiêu, thì ông càng tránh xa vùng cấm xúc phạm và hạ bệ cả nhân bấy nhiêu. Ông là hiện thân đẹp đẽ của văn hoá phê bình.

Là một người nghiêm khắc trong khoa học, thầy Hoàng Ngọc Hiến lại là người rất độ lượng, khoan dung và cả tin trong đời sống hàng ngày. Từ con người ông toả ra sức ấm của trí tuệ và thu phục lòng người. Với tất cả những gì đã để lại, sự nghiệp giáo dục và nghiên cứu của Hoàng Ngọc Hiến đóng góp xứng đáng vào di sản văn hoá và văn học hiện đại của đất nước. Từ những gì toả sáng và kết tinh trong con người ông làm tăng thêm sự kính trọng và nỗi tiếc thương vô hạn của mỗi chúng ta trước một nhà khoa học sáng giá hàng đầu.

Trong giờ phút đau thương này, thay mặt Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội tôi xin gửi lời chia buồn thống thiết nhất đến gia đình và họ tộc nhà văn Hoàng Ngọc Hiến.

Vô cùng thương tiếc nhà giáo, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến.■

Đêm 27, rạng sáng ngày 28-1-2011.

GIỜ GIẢNG CUỐI CÙNG

VĂN GIÁ

TRƯỚC kia, khi còn là Trường Viết văn Nguyễn Du, thầy Hoàng Ngọc Hiến đảm nhiệm các môn Lý thuyết thể loại, Lịch sử văn học Nga- Xô Viết, chuyên đề *Maiaovskii*, chuyên đề *Phân tâm học với văn học*, môn Thực hành sáng tác. Sau này, thầy về hưu, công việc giảng dạy tại đây cũng thưa vắng dần, thậm chí có một quãng đứt hân đến mấy năm. Nhưng khi tôi lại đặt vấn đề mời thầy trở lại giảng dạy cho Khoa, rất may thầy vui vẻ nhận lời.

Trong khoảng chừng 4 năm nay, thầy trò Khoa Viết văn lại được nghe những giờ giảng chất lượng cao của thầy. Với cái chất giọng khàn khàn do tuổi già lại thêm bệnh hen suyễn đã lâu, người thân quen nghe thì dễ, học trò tiếp xúc lần đầu, phải một lúc mới quen, thầy vẫn trình bày vấn đề một cách mạch lạc, sáng gọn, sắc bén, và không ít những lúc thăng hoa đầy ấn tượng.

Bài giảng gần đây nhất tôi vẫn còn ghi chép trong sổ. Đó là ngày 10.11.2010. Chuyên đề minh triết của thầy đặt ra rất nhiều vấn đề cụ thể của triết học và văn hóa Đông- Tây, trong đó có những vấn đề liên quan trực tiếp tới văn học, và đặc biệt là những suy tư về sự phát triển tổng thể của đất nước trong bối cảnh hôm nay và lâu dài. Đây là một chuyên đề lớn. Nghe giảng không dễ gì hiểu ngay được. Rất may là trước đó, thầy đã cho chúng tôi bản photo để nhả ra phát trước cho các học viên.

Một trong những vấn đề được thầy Hoàng Ngọc Hiến trở đi trở lại trong bài giảng chuyên đề lần này là vấn đề chăm lo giáo dục- hiểu theo nghĩa chiến lược tổng thể, tức là chăm lo con người. Sau khi trích dẫn định nghĩa của Platon (nhà triết học Hy Lạp, thế kỷ 3, trCN): "*Sophia- minh triết- là thực hành cái thiện*", thầy Hoàng Ngọc Hiến luận giải: "*Minh triết*

là thực hành, chứ không phải là nói, là luận bàn. Cái Thiện là tối hậu. Như vậy, minh triết không phải là luận bàn về cái Thiện mà làm cái thiện. Triết học cũng thực hành cái Thiện, nhưng phải đi bằng con đường rất dài, bắt đầu từ việc học nhiều môn khoa học khác, sau đó học tiếp một ngành tối cao là Khoa học về cái Thiện, rồi cuối cùng mới thực hành cái Thiện. Thế nên, những triết gia châu Âu bị mất hút vào con đường này, mãi mê lý thuyết, sa vào mê cung lý thuyết, không mấy người đi thực hành cái Thiện (đĩ nhiên trong mê cung ấy, vẫn có những điều cao siêu có đóng góp cho nhân loại). Vấn đề của thời đại chúng ta hôm nay, thật đơn giản, đó là thực hành cái Thiện. Minh triết là lặng lẽ sống với cái Thiện bằng ứng xử, bằng việc làm của mình.

Tôi không nên và không thể tóm tắt tư tưởng khoa học của thầy Hiến trong chuyên đề nói trên ở bài viết nhỏ này, và trên thực tế, thầy cũng đã công bố rất ít nhiều. Tôi chỉ muốn nói, nhiệt húng khoa học và giảng dạy của thầy lúc nào cũng như ngọn lửa truyền ánh sáng trí tuệ và hơi ấm của nhân cách, của tấm lòng đối với học trò trong những khi có thể.

Ba buổi giảng chuyên đề tại Khoa Viết văn là những giờ giảng cuối cùng của thầy Hoàng Ngọc Hiến trước lúc đi xa. Như vậy, cả đời thầy làm nghề dạy học, kết thúc công việc của một đời người cũng lại là việc đứng trên bục giảng. Vẫn biết sau này, thầy khẳng định sự nghiệp của mình một cách chói sáng trong lĩnh vực nghiên cứu, phê bình văn học, văn hóa và minh triết, nhưng danh xưng "Nhà giáo Hoàng Ngọc Hiến" vẫn được thầy yêu mến và kiêu hãnh nhất. Điều này, đã có đôi lần thầy nói cho tôi biết, và những người thân trong gia đình của thầy từ lâu đã biết.■

TIN BUỒN



Hội Nhà văn Việt Nam, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, Tuần báo Văn Nghệ, Trung tâm Minh triết và gia đình thương tiếc báo tin:

**Nhà văn, tiến sĩ văn học, nhà giáo
HOÀNG NGỌC HIỂN.**

Sinh ngày 21-7-1930 tại Đức Phong, Đức Thọ, Hà Tĩnh.

Thường trú tại số nhà 69, ngõ 189, đường Giảng Võ, Hà Nội.

Làm nghề dạy học từ năm 1949 đến khi nghỉ hưu. Đã từng giảng dạy ở các trường Đại học Sư phạm Vinh, trường Đại học Văn hoá, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, trường Viết văn Nguyễn Du.

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những tác phẩm chính: *Mai a cốp xki*, con người cuộc đời và thơ (khảo cứu), *Mai a cốp xki* (hài kịch), *Văn học Xô viết đương đại* (khảo cứu), *Văn học - học văn tiểu* (luận phê bình), *Văn học gần và xa* (tiểu luận phê bình), *Triết lý văn học và triết luận văn chương* (tiểu luận phê bình) . cùng nhiều tác phẩm triết học khác...

Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1985 cho các tác phẩm dịch *Mai a cốp xki* (hài kịch)

Đã từ trần vào hồi 23 giờ 7 phút ngày 24 tháng 1 năm 2011 tại Bệnh viện Hữu Nghị Hà Nội.

Tang lễ Nhà văn, tiến sĩ văn học, nhà giáo Hoàng Ngọc Hiến đã được tổ chức trọng thể tại Nhà tang lễ Bộ Quốc phòng số 5 Trần Thánh Tông, Hà Nội vào ngày 28-1-2011.

Y PHƯƠNG

**Khi ta có một người thầy
tên là Hiến**

Hôm nay tiễn thầy về đất mẹ
Bao nhiêu là hoa
Bao nhiêu người
Người từ các nơi đổ về
Ai cũng trên trán một hân thấy
Trong mắt một hình người
Và nụ cười bao dung
Không bao giờ mất
Thưa thầy em không khóc
Nhưng trong người đầy nước
Em không kìm giữ được
Thưa thầy
Từ nay em không còn thấy
Thỉnh thoảng cho vài trăm ngàn
Thưa thầy
Em có cần tiêu gì đâu
Thầy bảo thầy nhớ thi cho
Thầy đã cho em chữ
Cho nhân nghĩa
Cho làm người tử tế
Dạ thưa thầy
Điều này em xin nhớ
Nhờ đến khi nào em về
Thôi xin mọi người đừng buồn
Trong trời đất bao la
Từ nay có thêm thầy Hiến
Xin cúi đầu thấp nén nhang
Tiễn thầy về đất mẹ.

CHUYỆN LÀNG VĂN:

CẢ năm bươn bả mưu sinh, chỉ mấy ngày tết thư thả tôi mới có dịp về thăm bố mẹ, thăm quê nội, xóm nhỏ nằm cheo leo trên một quả đồi và có cái tên chẳng giống đâu-cầu Đen.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, nhiều văn nghệ sĩ đã đưa vợ con, gia đình về tản cư và sinh cư lập ấp trên quả đồi đất đỏ hoang vu này. Đặc biệt, nếp nhà bố mẹ tôi đang ở nguyên là ngôi nhà của ông bà nội tôi - nhà văn Nguyễn Hồng. Ngôi nhà chật hẹp của ông bà nội tôi từng là nơi cư trú, sinh sống của ba gia đình: Nguyễn Hồng, Kim Lân và Đỗ Nhuận. Các văn nghệ sĩ tuy nghèo nhưng sống quây quần rất vui, mọi người gần bó, tình nghĩa như người thân ruột thịt. Để tồn tại nuôi gia đình họ cũng phải lao động cật lực. Như ông nội tôi và gia đình nhà văn Kim Lân cùng với mấy hộ khác được hợp tác xã giao chăn chung một con trâu. Ngoài ra, gia đình nào cũng làm hàng mẫu ruộng và vỡ bờ bãi hoang để cấy lúa, trồng ngô, trồng khoai sắn để có cái ăn.

Gia đình ông nội tôi và nhà văn Kim Lân rất thân thiết, mỗi gia đình ở một chái nhà. Tuy là hai gia đình nhưng gần như một, mọi vui, buồn, no đói đều có nhau. Ông Kim Lân tuy tuổi ít hơn ông nội tôi nhưng hai người coi nhau như bạn, có thể đàm đạo chuyện văn chương, chuyện đời và chia sẻ với nhau chuyện gia đình. Còn bà nội tôi và bà Kim Lân thì cùng ngược xuôi chợ búa, tảo tần sớm hôm lo cái ăn, cái mặc cho đàn con đang tuổi ăn tuổi lớn. Các con của hai gia đình cũng chơi với nhau rất thân, vì ở cùng nhà, cùng trang lứa, học cùng trường lớp, chăn trâu, cắt cỏ cùng nhau. Bố tôi và bác Thành Chương con trai nhà văn Kim Lân là bạn đồng môn. Bố tôi kể: Bà Kim Lân thường có những cách dùng từ, ví von rất hay như: "Lượng lúa bằng cổ tay con Hiến." Bác Hiến là chị gái bác Thành Chương. Bác Thành Chương và bác Hiến đều bộc lộ năng khiếu hội họa từ nhỏ. Trong nhà tôi bây giờ vẫn treo bức chân dung sơn dầu bác Hiến vẽ ông nội tôi đang ngồi bó gối trầm ngâm, tay nâng chén rượu. Khi vẽ bức họa này bác Hiến tuổi tầm 18-20. Bức tranh đã lột tả được thần thái của ông nội tôi, ai xem cũng thích. Gần đây, có dịp về nhà tôi chơi bác Hiến kể: "Nhiều lần bác định vẽ lại bức tranh ấy nhưng không sao vẽ được!" Thế mới hay,



Nhà văn Nguyễn Hồng

tác phẩm nghệ thuật nhiều khi chỉ ra đời ở những giây phút xuất thần. Còn trong tranh bác Thành Chương hình tượng "con trâu" và "những đứa trẻ mục đồng" xuất hiện rất nhiều. Mỗi bức tranh một sắc thái nhưng đều rất đẹp, rất riêng. Nhiều lúc tôi thầm nghĩ, phải chăng chính tuổi thơ gian khổ gắn liền với con trâu, đồng ruộng và những đứa trẻ quê lam lũ đã nuôi dưỡng một tài năng hội họa lớn, để có được họa sĩ Thành Chương hôm nay?!

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hoà bình được lập lại ở miền Bắc, hầu hết gia đình các văn nghệ sĩ đều chuyển về Hà Nội hoặc quê hương bản quán sinh sống, duy có ông nội tôi vẫn quyết cùng gia đình ở lại gần bó với mảnh đất Cầu Đen. Tuy không cùng sống nữa nhưng gia đình ông nội tôi và nhà văn Kim Lân vẫn thường xuyên liên lạc, đi lại thăm hỏi nhau. Nhất là vợ chồng bác Thành Chương thường hay đưa bạn bè về nhà tôi chơi, có khi ở vài ngày, một tuần. Bác Chương có cả những bức vẽ tặng tôi trông rất ngộ. Còn ông Kim Lân, thỉnh thoảng vẫn về nhà tôi chơi. Sau khi ông nội tôi mất, năm nào khoẻ vào



Nhà văn Kim Lân

ngày giỗ ông tôi ông Kim Lân vẫn về thắp hương. Có lần ông cùng nhà thơ Hữu Thỉnh - lúc ấy là Tổng biên tập Báo Văn Nghệ và một số văn nghệ sỹ, trong đó có cả ca sĩ quan họ Thuý Hương về thăm nhà tôi. Bữa cơm đạm bạc được bố mẹ tôi dọn ngay dưới gốc khế xum xuê xanh mát để đón tiếp những khách quý. Quê nhà văn Kim Lân ở Bắc Ninh- đất quan họ nên ông rất mê quan họ. Gần như lần nào về thăm quê, ông cũng mời các nghệ sỹ hát quan họ đến hát để thưởng thức.

Khi đã bước sang tuổi gần 80, sức khoẻ nhà văn Kim Lân yếu đi nhiều, ông khổ sở vì bệnh hen phế quản thường xuyên hành hạ. Có lần về nhà tôi chơi ông rút trong túi áo ra một lọ thuốc nhỏ khoe: "Giờ đi đâu tôi cũng phải đem theo lọ thuốc xịt này, phòng khi "lên cơn" còn có ngay "bảo bối" mà xịt thẳng vào họng cho dễ thở." Tuổi cao sức yếu, đi lại khó khăn, nhà văn Kim Lân nói lúc nào cũng hốt hển như người hụt hơi. Vậy mà lần nào về thăm nhà tôi, ông cũng đi bộ quãng đường khá dài ra thăm mộ ông nội tôi, thắp hương rồi đi quanh khu mộ ngắm con suối nhỏ róc rách chảy quanh

nằm và quả đồi hoang vu xưa nay đã được giao cho các hộ dân đầu trâu trổng xanh um vài thiếu, dưa, na, bưởi, bạch đàn.

Tôi ấn tượng nhất là lần nhà văn Kim Lân cùng đoàn làm phim của Hội nhà văn Việt Nam về thăm nhà tôi để làm phim về ông nội tôi. Ngày ấy, nhà văn Kim Lân đã rất yếu, nhưng vẫn như bao lần, ông lặn lội đi bộ ra khu mộ ông nội tôi thắp hương, vãn cảnh. Nhưng khác là lần này ông ngồi lại bên mộ ông bà nội tôi lâu hơn. Ông đem theo chai rượu quê nút lá chuối bày lên mộ ông nội tôi, thắp hương lẩm rẩm khấn vái, sau đó ông rót một chén rượu uống một nửa, còn nửa kia tưới lên mộ. Vừa uống rượu, ông vừa trò chuyện như thể ông nội tôi đang ngồi trước mặt ông vậy. Đứng lúc ấy nắm hương trên mộ ông tôi bỗng dưng bùng cháy, ngọn lửa hồng quện với hương hoa huệ ngan ngát khiến không gian bên suối vắng như ngưng lại. Tôi thầm tin rằng, có lẽ ở thế giới bên kia, ông nội tôi cũng cảm nhận được tình cảm của người bạn vong niên và những người thân dành cho mình, có khi ông tôi đang nhâm nhi chén rượu quê mà nhà văn Kim Lân mới ông trong lần về thăm gần như cuối cùng này. Vì chỉ sau đó mấy năm, sức khoẻ nhà văn Kim Lân ngày càng yếu đi, ông thường xuyên phải vào bệnh viện và đã qua đời ở tuổi ngoại tám mươi.

Đã hơn hai phần ba thế kỷ trôi qua kể từ khi các văn nghệ sỹ về đây tản cư, sinh cư lập ấp, bao thế hệ đã ra đời và trưởng thành từ đất này. Xóm Cầu Đen giờ đã phát triển chóng mặt. Thôn mở rộng ra mấy chòm xóm quây quần mấy trăm hộ dân, toàn nhà ngói, nhà tầng, nhà gác san sát, chẳng hộ nào bị đói mùa giáp hạt, đường thôn đã bê tông hoá đến từng ngõ nhỏ. Vậy mà lần nào về thăm quê nội, thăm bố mẹ, tôi cũng thấy bồi hồi, tất cả như vừa mới hôm qua. Bố mẹ tôi, nếp nhà cũ và khu vườn cổ thụ vẫn lưu giữ tất cả những kỷ niệm thiêng liêng của một thời gian khó nhưng cũng thật đáng tự hào. Tôi luôn nhớ về những kỷ ức đẹp để đó để nhắc mình sống tốt, xứng với lớp người đã khai sinh, đặt nền móng cho mảnh đất này.■

BÀI THƠ XUÂN ÍT NGƯỜI BIẾT ĐẾN CỦA NGUYỄN BÌNH

PHƯƠNG NAM

NGUYỄN Bình nổi tiếng là một nhà thơ của nông thôn, đồng ruộng. Không gian trong thơ ca của ông thường được tác nên bằng nhiều hình ảnh của những miền quê Việt Nam. Thơ viết về đề tài mùa xuân của ông cũng thế, âm ập dư ảnh của mấy "thuở mưa xuân phơi phới bay". Mùa xuân về, những vần thơ xuân của Nguyễn Bình như lại tiếp tục trở dậy theo thời gian, như mai vàng hẹn mùa đơm nụ.

Trong di sản thi ca của Nguyễn Bình, bài thơ "Xuân nhớ" của ông là một bài thơ rất ít người biết đến vì một lý do rất riêng: thơ tặng bạn. Bài thơ có xuất xứ như sau:

Sáng mồng một Tết năm 1956, Văn Tồn (sau này là thơ Hải Bằng) đang trò chuyện với Phùng Quán trong một căn hộ nhỏ ở Hà Nội, bỗng nghe tiếng gõ cửa. Cửa mở, thấy Nguyễn Bình xộc xệch nách mang một cuộn giấy rô-ki rồi gọn một tiếng:

- Văn Tồn, cho mình mượn bút mực.

Bấy giờ Văn Tồn đang là họa sĩ trình bày cho một tờ báo nên mang ra một cây bút lông cùng bình mực Cửu Long đen. Không nói gì thêm, Nguyễn Bình viết liền một mạch:

Xuân nhớ

Rộn rã xuân về giữa Thủ đô
Hồn đơn gác lẻ đón giao thừa

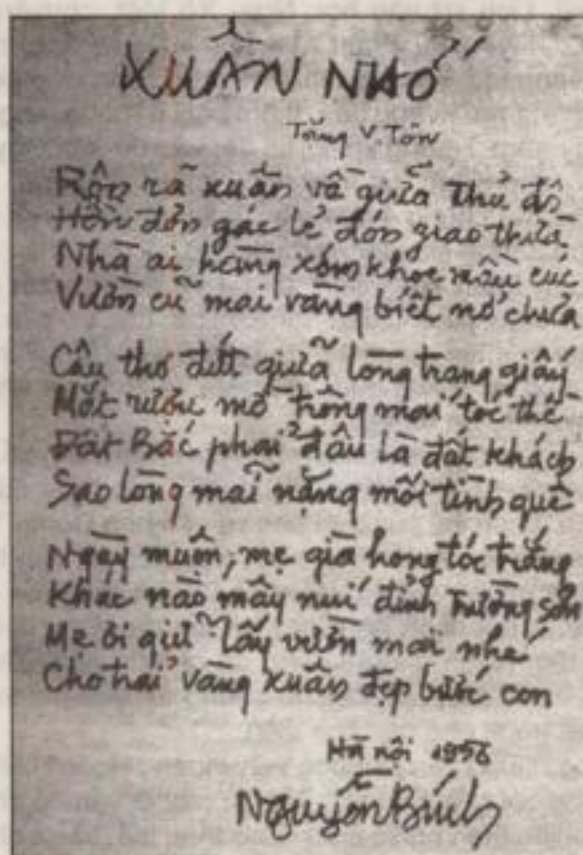
Nhà ai hàng xóm khoe màu cúc
Vườn cũ mai vàng biết nở chưa

Câu thơ đứt giữa lòng trang giấy
Mắt rưng mờ trông mái tóc thế
Đất Bắc phải đâu là đất khách
Sao lòng mãi nặng mỗi tình quê

Ngây muộn mẹ già hong tóc trắng
Khắc nào mây núi đỉnh Trường Sơn
Mẹ ơi giữ lấy vườn mai nhé
Cho trái vàng xuân đẹp bước con

Nguyễn Bình đã nói hộ nỗi lòng của bạn khi xuân về. Văn Tồn là người Huế theo kháng chiến, gia nhập Vệ Quốc đoàn từ những năm 45, sau này tập kết ra Bắc làm công tác báo chí cùng cơ quan với Nguyễn Bình. Bài thơ "Xuân nhớ" đã trở thành một niềm động viên lớn đối với người xa quê.

Trang thơ cũ trên tờ giấy rô-ki ngày trước hiện đã nhạt nhòa với thời gian, duy những tình bạn thì vẫn ấm cùng năm tháng. Tấm ảnh chụp bài thơ hiện còn lưu trong gia tài thơ ca của nhà thơ Hải Bằng như một kỷ vật. Nguyễn Bình và Hải Bằng giờ đã là thiên cổ. Một mùa xuân mới lại về, xin mạn phép thi nhân ôn lại mấy nỗi xuân, đầu đầu nhớ mùa đi...■



Bút tích của nhà thơ Nguyễn Bình



NHỊP TRỐNG ĐỒNG MÙA XUÂN

VÂN LONG

Kể từ sau đổi mới, cùng với những nhận thức mới, đời sống tâm linh, lòng tôn trọng cội nguồn ngày càng được đặt đúng vị thế của nó trong nhân dân. Tôi càng rõ thêm điều này khi có dịp theo chân "Quý phát triển Văn hoá Thụy Điển - Việt Nam" (QPTVHTĐVN); đem một chiếc trống đồng về cung tiến cho đến Đồng Cổ, thôn Đan Nê, xã Yên Thọ huyện Yên Định, Thanh Hoá. Tại lễ tiếp nhận trống đồng- nhà nghiên cứu văn hoá, Chủ tịch Quý Hữu Ngọc - lúc nào cũng bằng cách nói giản dị, lão thực để nói về văn hoá dân tộc. Chưa lúc nào tôi thấy cách nói ấy "đắc địa" hơn hôm nay, trước dân làng, trước ngôi đền cổ nguồn gốc sánh ngang với chiều dài lịch sử dân tộc. Cụ nội những điều tưởng quen thuộc mà vẫn có thông tin mới. Những "già làng" của địa phương, hầu như ai cũng kém vị lão học giả một hai thập kỷ, bởi cụ Hữu Ngọc đã qua tuổi 90...

Thì ra, không chỉ ở Việt Nam, mà từ phía nam sông Dương Tử (Trung Hoa) trở xuống, các dân tộc Đông Nam Á đều có trống đồng. Nhưng nhiều nhà sử học thế giới nhận định: Nền văn hoá Đông Sơn, văn hoá sông Hồng là nơi sản sinh nhiều trống đồng nhất và nhiều loại đẹp nhất, tiêu biểu như trống đồng Ngọc Lũ; mang những nét hoa văn tinh tế, mỹ thuật, cách điệu từ những cánh chim Lạc biểu tượng đến nhịp sinh hoạt của cư dân bản địa hiện lưu giữ ở Bảo tàng Lịch sử nước ta. Đó là chứng cứ không thể chối cãi phân biệt văn hoá Việt với Trung Hoa. Trống đồng là biểu tượng quyền lực cao nhất của các thủ lĩnh tộc Việt vùng sông Hồng, sông Mã. Trống đồng dùng trong nghi lễ tế trời đất của các vị vua, tập hợp nhân dân để ban bố những quyết định quan trọng nhất của đất nước, hiệu lệnh xuất quân của người Tổng chỉ huy khi đất nước có giặc ngoại xâm. Chỉ cần cứ trên các bộ sứ thành văn, từ nhà Lý trở đi, không đời vua nào không đến ngôi đền này hàng năm tế cáo trời đất... Toàn quyền



Dàn trống đồng trong lễ hội 1000 năm Thăng Long - Hà Nội

Pháp Pasquier, vị Toàn quyền thực dân đã ngỡ ra: không thể đồng hoá một dân tộc mà đầu ấn văn hoá đặc thù đã ghi đậm nét trong đời sống tâm linh, cũng từng đến thăm ngôi đền này, và cũng "công đức" 25 đồng bạc Đông Dương, như tấm bia trên vách đá còn ghi rõ.

Đồng cổ, có nghĩa là trống đồng, đến Đồng Cổ là nơi thờ thần Trống đồng. Nhưng trống đồng đâu? Đã từng có một chiếc trống đồng trong ngôi đền này chăng? Bài báo của một nhà báo Pháp còn miêu tả kích cỡ và vẻ đẹp của chiếc trống đồng Đan Nê này, viết năm 1932, trùng năm sinh của vị gia làng, trưởng ban bảo vệ di tích ở thôn Đan Nê có mặt ở đây. Vậy là có thể xác định trống đồng mất sau năm 1932, hèn nào các cụ cựu quân nhân trong hai cuộc kháng chiến mượn khu vực có nhiều hang động này làm công binh xưởng không hề biết có chiếc trống ấy. Cái kim trong bọc lâu ngày cũng phải tòi ra, nữa là chiếc trống đồng giá trị có kích cỡ như vậy. Không ai sơ hủu nó mà lại giấu trong xó bếp! Một lần đi

sang thăm Bảo tàng ở Paris, một cán bộ của Bộ Văn hoá giật mình khi thấy chiếc trống đồng có ghi rõ Trống đồng Đan Nê (Thanh Hoá Việt Nam)...

Vì sao có tên thôn Đan Nê? Chuyện kể rằng: về đời Trần, có một vị vương hầu, (hình như là Trần Thủ Độ) qua đây, lệnh cho quân sĩ nấp lại dòng sông chảy sau đến để tiện chuyển quân, hoặc giấu quân. Hôm đó ông nhìn thấy một con ngựa từ dưới sông đi lên, dấu chân in vệt bùn đỏ thẫm phủ sa lên bờ sông, bèn gọi địa phương này là Đan Nê (chữ Hán là bùn đỏ). Vậy là ở xứ này một cái tên gọi nhiều khi cũng gắn với việc bồn tẩu của tiền nhân thời dựng nước, bảo vệ đất nước... Chiếc trống đồng Đan Nê, trong cái nôi có cái may, do lưu lạc khỏi một góc núi phương nam, nó đã ngang nhiên chiếm một góc bảo tàng quốc tế, cả thế giới văn minh đến chiêm ngưỡng nó như một di sản của nhân loại. Còn chiếc trống đồng hôm nay, do chúng tôi thấp túng cụ Hữu Ngọc mang về là thế nào? Về hình thức nghệ thuật, nó còn ở cấp cao hơn

trống Đan Nê vì nó hoàn toàn đập trên khuôn mẫu trống đồng Ngọc Lũ, do nghệ nhân đúc đồng nổi tiếng là ông Nguyễn Trọng Hạnh, Ý Yên, Nam Định, người từng đúc tượng Lý Thái Tổ đặt tại trung tâm Thủ đô Hà Nội, lại vừa đúc pho tượng đồng 70 tấn cho khu du lịch tâm linh Trường Yên, thực hiện. Ông Nguyễn Trọng Hạnh còn "cung tiến" riêng cho đến một chuyến ô tô tải và thân áp tải trống đồng về đặt tận thêm ngôi Đền lịch sử. Khi nhận đúc trống đồng, ông cho biết trước, về hình thức và các chi tiết hoa văn có thể bảo đảm giống như trống mẫu, nhưng về hiệu quả âm thanh lại không đảm bảo đảm. Quả nhiên, trong hai phiên bản, chỉ có chiếc trống đem về đây là tiếng trống trầm hùng, âm vang. Khi già làng thôn Đan Nê đánh ba hồi chín tiếng, tiếng trống đập vào vách núi vọng lại làm tôi gai cả người, tưởng như hình dung được khung cảnh lịch sử một thời xa lắc...

Hơn chục năm hoạt động, Quý PTVHTĐVN đã có hàng trăm công trình tài trợ văn hoá kiểu này với phương châm thiết thực, trực tiếp đến cơ sở. Kinh phí có hạn, nhưng đồng tiền không hề rơi vãi ở khâu trung gian nào. Chúng tôi thật sự cảm động khi xong lễ tiếp nhận trống đồng, được dự bữa "thụ lộc" do Ban quản lý di tích mời. Hoàn toàn đúng nghĩa "thụ lộc"-cả chủ và khách hơn hai chục người, chỉ có ba đĩa xôi và một con gà, nải chuối. Chủ khách "vui là chính" nên tan tiệc vẫn còn mấy miếng thịt gà trên đĩa. Vị quản lý di tích rĩ tai tôi "Tiếp khách quý từ "Trung ương" về sơ sài thế này, chúng tôi cũng ngưng chứ, nhưng các vị trên Quý yêu cầu không được làm gì thêm, tốn kém của dân xã! "... Thời gian cứ thế trôi qua, nhưng câu chuyện nhỏ về việc rước trống đồng - một biểu tượng của văn hoá Việt Nam- về đúng "quê hương" của nó, vẫn là một kỷ niệm đẹp làm tôi nhớ mãi; nhất là mỗi độ Tết đến, xuân về, nhịp trống đồng lại gọi dậy trong ta tình yêu quê hương đất nước không bao giờ nguôi ngoai...■

ẤN TƯỢNG XUÂN ĐÀM

LÊ HUY QUANG

Nghệ sĩ Nhân dân, đạo diễn Xuân Đàm là một trong những tên tuổi lớn của nền sân khấu đương đại Việt Nam. Ngoài những vở diễn có giá trị nghệ thuật đủ các thể loại Kịch dân ca, Kịch nói, Tuồng... mà ông đã sáng tạo từ những năm 70 của thế kỷ XX; thì ngót nửa thế kỷ qua, với cương vị là người làm công tác quản lý văn hoá, nghệ thuật nhiều năm của vùng đất Huế - Quảng Trị; Xuân Đàm đã có những đóng góp nhất định trong việc giữ gìn và phát triển một nền sân khấu cách mạng Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...

TRONG 40 năm là hoạ sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu, tôi đã cộng tác với hầu hết các đạo diễn tên tuổi, cũng như các đạo diễn trẻ trong nước. Với trên 300 vở diễn đủ các loại hình nghệ thuật - Tuồng, Kịch nói, Chèo, Cải lương, Kịch dân ca, Múa rối, Xiếc và Ca múa nhạc... mỗi đạo diễn, với những quan niệm và phong cách khác nhau- đều cố gắng tạo nên những không gian sân khấu độc đáo của riêng mình. Nhưng trong số đó, một trong những gương mặt đạo diễn đã để lại nhiều ấn tượng nghệ thuật nhất- đó chính là NSND, đạo diễn Xuân Đàm.

Nghe tiếng đạo diễn Xuân Đàm đã lâu - với nhiều vở diễn mà ông đã dàn dựng- nhưng đến đầu những năm tám mươi của thế kỷ XX; chúng tôi mới cộng tác làm việc với nhau. Đó là vở diễn *Hoa khôi trên núi* (tác giả Tất Đạt), của Đoàn Kịch nói Quân khu 2 - Huy chương Bạc Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp Toàn quân (1984). Một vở diễn mở hết không gian với phong cách ước lệ, tượng trưng của sân khấu truyền thống, kết hợp với phong cách hiện đại. Rừng núi, đồi đất, cây lá, sông suối của không gian Tây Bắc, Việt Bắc được cách điệu hoá; với ba khối bực tam giác- vừa là cầu thang nhà sàn, vừa là ruộng bậc thang, vừa là hòn đá ven suối- để hai nhân vật chính là cô gái và chàng trai yêu nhau, chống lại những thế lực phong kiến, thực dân đã định cướp đi tình yêu trong trắng và hạnh phúc mới đơm hoa kết trái của họ. Làm việc với Xuân Đàm, điều khiến tôi thoải mái nhất để thả hồn sáng tạo của mình trong việc tạo

dựng không gian của vở diễn- là ông không bao giờ áp đặt bất kỳ một ý đồ dàn dựng nào của đạo diễn. Trái lại, Xuân Đàm chỉ trao đổi, gợi mở và tôn trọng các sáng tạo của hoạ sĩ - để từ đó, anh dàn dựng các mảng miêng đạo diễn của mình một cách hiệu quả nhất. Sân khấu của Xuân Đàm luôn luôn là một sân khấu động - đầy ắp những không gian truyền thống, kết hợp một cách nhuần nhuyễn với các thủ pháp hiện đại.

Sau vở này, tôi còn cộng tác với Xuân Đàm một vài vở kịch khác nữa - nhưng một trong những tác phẩm mà tôi tâm đắc nhất và để lại ấn tượng cho đến hôm nay - chính là vở kịch nói *Trần Thủ Độ* (tác giả Nguyễn Anh Biền) của Nhà hát Kịch Việt Nam - do NSND Trọng Khôi thủ vai Trần Thủ Độ. Đó là những không gian của nhà Trần từ Thiên Trường cho đến kinh đô Thăng long với những con thuyền, những cánh buồm - của những khối bực cong nhỏ - vừa là hoa viên, vừa là nội thất, vừa là Bạch đằng Giang cuộn sóng... Tất cả đều chuyển động, đều chao đảo - tượng trưng cho bối cảnh đầy khó khăn của nhà Trần lúc đó, mà đứng đầu là Thái sư Trần Thủ Độ. Tại sân khấu Hội diễn ở TP Thái Nguyên, khi kết thúc lớp cuối cùng; khán giả và các bạn đồng nghiệp đã nồng nhiệt chúc mừng một tác phẩm sân khấu hoành tráng nhưng lại hết sức dung dị- bởi một phong cách dàn dựng và những không gian sân khấu hết sức gợi cảm. Vở *Trần Thủ Độ* đã đoạt Huy chương Vàng của Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp Toàn quốc năm 1995...

Thấm thoát trên 30 năm đã trôi đi. Đời người như bóng câu qua cửa sổ - kể từ những ngày đầu đi làm sân khấu với ông. Đến nay, NSND, đạo diễn Xuân Đàm đã bước vào tuổi "bát thập"; lại vừa trải qua một căn bệnh hiểm nghèo, nên không thể tiếp tục sáng tạo với những niềm vui và cả nỗi buồn cùng sân diễn và hai cánh gà sân khấu được nữa. Nhưng với những gì mà ông đã cống hiến, chắc chắn sẽ còn lại mãi với nền nghệ thuật sân khấu cách mạng nước nhà, trong suốt nửa sau của thế kỷ XX. Bởi, Xuân Đàm là một trong những gương mặt đạo diễn độc đáo của sân khấu đương đại Việt Nam!■

GÓC NHÌN NGHỆ SĨ

TÔN VINH GIÁ TRỊ CỦA CON NGƯỜI

MẠNH THƯỜNG

Mùa xuân đã về, cùng với các thể loại ảnh khác, ảnh chân dung nghệ thuật (ACDNT) là một trong những mảng đề tài thú vị nhất của nghệ thuật nhiếp ảnh. Như thể thơ lục bát, ai cũng có thể ghép vần làm nên câu thơ, nhưng để có một bài thơ lục bát hay là cực khó. Vì hiện nay, bất cứ người nào cũng chụp được ảnh chân dung (nhất là máy ảnh tự động đã ra đời) - nhưng để có một bức ACDNT đặc sắc là điều không đơn giản chút nào. Bởi ACDNT không chỉ lột tả cái vẻ bên ngoài của bộ mặt, mà phải biểu hiện được thế giới nội tâm nhân vật (tức là tâm tư tình cảm của con người), trong thời đại mà họ đang sống. Đó là một việc làm khá khó khăn, và càng khó khăn hơn đối với nghệ sĩ nhiếp ảnh; khi phải thể hiện được hình ảnh con người mang tâm hồn, bản sắc Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập toàn cầu. Như chúng ta đã biết, ACDNT là sự khái quát hình ảnh, khiến cho người xem nhìn thấy phong thái, tình cảm và bản chất bên trong của họ. Nói cách khác, giá trị của ACDNT ở chỗ, nó mang tính khái quát cao - mọi gương mặt riêng rẽ là tấm gương phản chiếu của hàng ngàn, hàng vạn những gương mặt khác, nhưng tự nó vẫn là một gương mặt mang đặc tính riêng biệt... Nếu chỉ lột tả được dáng vẻ bên ngoài, thì đó chưa phải là một bức chân dung hoàn chỉnh; vì nghệ thuật không phải là công cụ sao chép, mà là sự chuyển hóa đối tượng thành hình tượng nghệ thuật - tức là dùng hình thức để diễn tả nội dung - để qua đó, tác giả bộc lộ được quan điểm và bản lĩnh của mình. Cái thế giới nội tâm của con người thể hiện ở đôi mắt, khỏe miệng (vành môi), và hai bàn tay. Đó là những bộ phận quan trọng, bộc lộ thái độ, tình cảm con người. Qua con mắt, vành môi, đôi bàn tay; phải làm cho người xem dễ dàng cảm nhận được tâm tư, khát vọng, cũng như hiểu được từng niềm vui, nỗi buồn... của con người trong cuộc sống. Và như thế, người nghệ sĩ sẽ thất bại, nếu chỉ sáng tác theo kiểu dàn dựng, bố trí, sắp đặt, xơ cứng, công thức, hời hợt - vì ảnh chân dung nghệ thuật - là cảm xúc về vẻ đẹp con người và phải tôn vinh giá trị của con người!■

GIẤC MƠ ĐÒ ĐẦY

Truyện ngắn của PHẠM THUẬN THÀNH

MÙA thu năm nào cũng trong xanh cao vợi với và nắng vàng rực rỡ. Sau cơn mưa rào mùa thu cây lá càng xanh hơn sáng hơn sạch sẽ hơn. Mưa tẩy trần thành phố tẩy trần luôn cả cõi lòng Oanh. Sạch bong. Rỗng không. Chưa thấy mầm hi vọng nào nhú lên. Sắp vào lớp mười hai rồi. Năm nay có lẽ phải cố hơn mới đủ lực xuất ngoại. Chờ mẹ gánh đồ lễ đi khỏi nhà Oanh mở sổ tính kho quỹ. Quỹ đen đáy. Mẹ cũng không được biết. Không ai được biết. Sổ viết bằng chữ mã hoá không ai đọc được. Chữ riêng của Oanh. Chữ viết bằng số, số viết bằng chữ. Lại nguy trang trong cuốn vở ghi bài tập tiếng Anh. Thoạt nhìn khó phát hiện đây là cuốn sổ ghi quỹ đen. Năm ngoái đi hăm một lần được hơn trăm triệu, trừ số lễ đi thăm còn gửi tiết kiệm tròn trăm. Năm nay đi nhiều hơn nhưng giá thấp hơn có lẽ không bằng năm ngoái. Mỗi trang sổ là một bộ mặt nhân nhở hiện lên. Mặt quen tiến ít, mặt lạ tiến nhiều. Nhưng hầu hết là quen vì hôm nay lạ mai đã quen rồi. Oanh phải viết ra giấy để tinh cho dễ. Mấy con số cộng đơn giản thôi nhưng các bộ mặt nhân nhở cùng các hồi ức lãng mạn cứ chèn lấp sự tập trung khiến Oanh cộng sai hoai. Tổng cộng đi bốn chín lần. Chà chà, hầu như tuần nào cũng đi cơ đấy. Cũng chỉ được dôi trăm triệu thôi. Tiến không tỉ lệ thuận với việc cơ thể mỗi ngày mỗi hoàn thiện hơn đẹp xinh hơn hấp dẫn hơn. Bởi ngoài chiều thuận còn có chiều nghịch do xuất hiện sự chai lì dạn dĩ. Áo quần bình thường cùng bộ mặt quê mùa ngờ nghệch không lấp đầy sự dạn dĩ quan hệ được. Kế hoạch ba năm kiếm đủ tiền du học khó có thể hoàn thành. Nỗi uất hận bỗng trào lên khiến quyết tâm của Oanh vốn lại thành cục sắt rắn phòng ra ngoài rầm rập. Phải mở rộng quan hệ, phải đi nhiều hơn, phải nhiều cái phải nữa.

Hắn học trên Oanh ba lớp. Con nhà giàu. Đi học bằng xe a còng. Điện thoại quay phim chụp ảnh được. Có cả tiểu đồng chuyên xách cặp đánh giày chải tóc. Trong laptop có ngân đống nhiều phong bì đẹp. Đẹp hơn cả là ruột nó. Loại màu đỏ là một vé. Loại màu vàng là hai vé. Loại màu xanh da trời là ba vé. Hắn không học bằng đầu mà học bằng phong bì nên phải cần rất nhiều phong bì. Đầu óc chuyên dành cho chuyện lãng mạn. Các loại liễu phổ qua tay đã nhiều. Gặp Oanh hắn chế liễu phổ bấy bớt những nhẽo ghẹo mỏ. Hắn luôn miệng bảo mê nước da nâu rám nắng nhiệt đới mạnh mẽ của Oanh. Mê hơi đồng gió nội còn in trên da người vẽ mặt hơi thở Oanh. Mê từ chân lên đầu từ đầu xuống chân từ trong ra ngoài từ ngoài vào trong. Hắn sẵn sàng quỳ lạy nữ thần sắc đẹp đồng quê, sẵn sàng hôn thắm thiết khắp nơi trên cơ thể nữ thần sắc đẹp đồng quê chỉ cần lấy chút ân huệ thừa của nàng. Mạnh khoẻ ngây thơ trong trắng thành cục nam châm hút hết vật chất hần tư duy hần tình cảm trí tuệ hần. Oanh mới chỉ sắp hết lớp chín. Nhưng sự si rất lãng mạn đã đánh đổ mọi suy nghĩ của Oanh. Hắn hứa chu cấp tiền Oanh học hết cấp ba hết cấp bốn hết cấp năm cấp sáu, trừ cấp ba học trong nước còn từ cấp bốn trở lên sẽ du học nước ngoài ở trường tiên tiến nhất ưu tú nhất thế giới. Sẽ vũ trang Oanh thành công dân oân uôn (số 1 thế giới). Mọi thứ với hắn phải là oân uôn hết. Hắn nói gì Oanh cũng gật rất e lệ. Nhưng khi hắn đòi làm thì Oanh phản đối và chống lại. Chống lại điên cuồng bằng sự vô thức và sự đau đớn tột cùng khi trước mặt. Hắn cũng điên không tưởng tượng nổi. Hắn vật Oanh ngã ngay ra sàn nhà ẩm ướt đê lên trên. Rồi nằm sập lên cơ thể hải khiếp nữ thần sắc đẹp đồng quê ngủ thiếp đi. Nhốt nhãi sếu ướt cả ngực cô. Oanh rên rĩ lệt hần xuống sàn cuồng cuồng lau chùi và thay bộ đồ

khác. Bộ mặt không thoả mãn co rúm lại kể vào mặt cô lè nhè. Chiều thẳng này thì gì cũng có. Bằng không thì sống không yên. Đố cô em du học nổi nếu không có tiền thẳng này chu cấp nhé. Bái bai. Ra khỏi cửa hắn còn quay lại day thêm. Anh yêu cô em hết mình. Nếu mai này cô em tự du học được thì anh vẫn nhận thanh toán mọi phí tổn cho và tình yêu lại nổi như cũ. Lời hứa tối hậu nặng ngàn cân. Hắn đi du học ngay sau đó. Để lại khoảng trống mênh mông trong lòng Oanh. Thiếu sự săn đón thiếu sự chiều chuộng thiếu những lời yêu ngọt ngào và những nụ hôn cháy da cháy thịt.

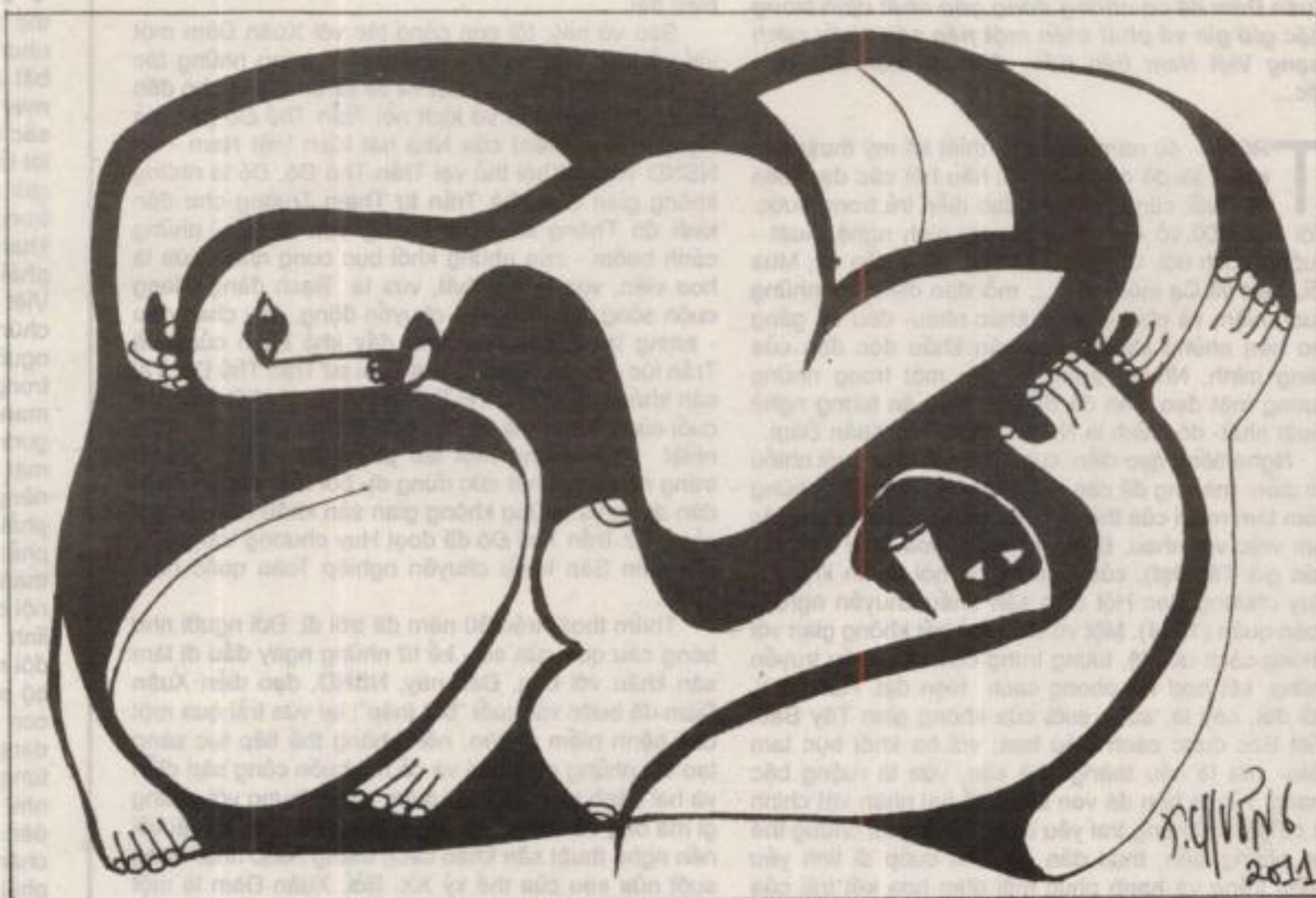
Con đường như con dao nhọn chọc thẳng vào lòng núi. Núi thì chạy phăm phăm từ rừng sâu tới che lấp tầm nhìn tâm nghĩ của mọi người. Sau cú cua xe đi vào con đường cấp phối và liền ở vào trạng thái nhồi xóc. Mưa mùa thu làm đất nhão bùn dầy ngập bánh xe. Bánh phải đi vào đúng vệt những xe trước đã đi mới đi nổi. Đường mòn trên đường lớn. Vệt đường mòn là hai vệt giao thông hào dập dềnh nước. Càng gần đến đích càng khó khăn. Thịnh thoảng có con Minkhor do áo tù lái chạy ngược lại. Con Minkhor lượn vào bãi đất để vượt ô tô như đua địa hình. Xe đi lên ậm ạch và Oanh ậm ạch tua lại quả khừ. Anh vội vàng cương Oanh đi tắt đón đầu vào thời đàn bà khi cô chưa kịp nghĩ chưa kịp chuẩn bị gì. Yêu quá hoá tội. Thời vận mệnh yêu quá là có tội. Anh trả giá yêu bằng bảy năm tù. Số cô là số khổ số khốn nạn. Số của anh cũng chả hơn gì.

Anh là đồng hương của Oanh. Từ đồng chua phen anh cơm nắm muối vừng của muối tương cà vườn ra thành phố. Mười hai năm học sinh nghèo vượt khóa học giỏi. Luôn là điển hình cho học sinh cả huyện noi theo. Chưa phen không đim ngập được anh. Vào thẳng đại học. Năm nào cũng được học bổng mấy cấp. Ôn sâu nghĩa dày anh phải trả bằng kết quả học tập. Học xong ở lại thành phố dạy hợp đồng. Tình cờ anh trọ cùng dãy nhà với Oanh. Tình cờ nhận ra đồng hương. Anh thường sang làm giúp việc vặt cho Oanh có thời gian học bài. Bài khó anh phụ đạo thêm. Gia sư không công thôi. Bù

lại có khi ăn cơm cùng. Và quý nhất là có nơi tâm sự hỏi thăm tin tức quê nhà. Vào cuối năm lớp chín Oanh thấy áo nào cũng chật căng lên cũng là lúc anh nhìn cô khác lắm. Cái nhìn như lột trần thân thể cô. Oanh vừa sợ vừa thích cái nhìn ấy. Bản năng bị anh cầm tù bao năm qua vì nhiệm vụ học tập tự nhiên thức dậy. Nó phá tung xiềng xích. Có lần anh ôm ghì chặt áp mặt vào ngực Oanh nghe tiếng tim đập như nhảy ra ngoài. Oanh run lên sợ hãi cuống cuống gỡ tay anh ra. Anh rã rời. Chợt tỉnh vội vàng xin lỗi. Nhưng cái vòng tay ấy đã ghi xiết trong cảm giác của cô rồi. Có lần anh tự dưng vỗ lấy đầu cô và hôn. Oanh vô thức vòng tay ôm ghì anh. Anh cuống cuống dúi cô lên tấm phản ọp ẹp của hai mẹ con cô thường ngủ và dút tung áo quần của hai người. Khi anh đi vào cơ thể cô thì cô đau quá kêu thét lên. Mẹ đi ve chai chưa về. Dãy nhà đang buổi vắng hoe vắng hoét. Nhưng hàng xóm có người ở nhà nghe tiếng kêu tưởng cô gặp tai nạn liền chạy xô đến cứu. Thấy cửa mở hai người xông vào. Nhìn cảnh áo quần tươm tướp, Oanh thì đang quần quai rên rĩ họ liền trối nghiến anh lại lập biên bản. Cường hiếp trẻ vị thành niên bị bắt quả tang không còn gì chối cãi. Tòa tọng bảy năm tù. Có tội phải đi tù. Đã vào tù là có tội. Cuộc yêu chưa thành này còn là đề tài của hàng chục bài báo của hàng chục tờ báo. Ngành giáo dục bị một phen hốt phải có cuộc vận động nâng cao đạo đức người thầy xã hội chủ nghĩa toàn diện toàn bích.

Năm ngoái Oanh năn nỉ xin mẹ cho đi thăm anh. Mẹ gạt nước mắt lắc lắc đầu. Rồi lại gạt gạt. Anh ấy trót dại thì đã phải trả giá. Dù sao cũng là chỗ thân tình. Và tại mình anh ấy mới phải mắc vòng lao lý. Nếu anh chờ đợi vài ba năm nữa lẽ nào mẹ không cho anh. Tình yêu lớn quá động kết thành tội, khổ thân không. Oanh cũng nghĩ như mẹ. Và hơn thế nữa nhưng không thể nói ra. Từ trong sâu thẳm cô hàm ơn anh. Nhờ có anh dắt cô đi tắt đón đầu sớm thành đàn bà cô mới có thể kiếm tiền dễ như thế cho kế hoạch du học dài hơi. Như chúng bạn liệu có đứa nào có gan làm được điều đó không. Còn khuya. Chỉ là chuyện yêu đương tuổi teen trăng gió vô vẩn. Có khi cũng quá mù ra mưa đấy. Nhưng vẫn chỉ là chơi bời thời nhàn nhít thôi. Sớm nắng chiều mưa giận hờn nhõng nhẽo không đâu. Sổ sách ghi đầy những câu châm ngôn yêu, chép đầy những bài hát tình là lướt khóc lóc sụt sùi kiểu bức thư tình đầu tiên thứ hai thứ ba với vầng trăng khóc vắng trăng cô đơn hay này em mười sáu mai mười bảy tuổi rồi. Oanh khác. Cũng có sổ nhưng là sổ ghi quỹ du học bằng ngôn ngữ mã hoá không ai đọc nổi.

Người nhập quỹ đầu tiên là người hàng xóm hàng hải bắt anh. Quả đấm làm toé máu mồm anh hôm nào, về hàng hải giữ thể diện gái nhà lành hôm nào đã để lại ấn tượng không nhỏ trong Oanh. Một người đàn ông đầy dương tính. Chiều chiều người hàng xóm mặc bộ đồ sọc trắng một Xuân tóc đỏ ra sân quần khoe cặp đùi



Minh họa của THÀNH CHUÔNG

hộ pháp bộ ngực vạm vỡ lại một phen âm ỉ đi vào ấn tượng của cô. Đang học bài cô phải chạy ra ngấm nhìn cơ thể đàn ông rất đàn ông ấy. Đó là cục nam châm hút hết tâm trí cô. Hầu như hôm nào cô cũng phải dán mắt qua cánh cửa sổ cốt ép ngấm nhìn dáng đi đường hoàng chừng chạc ấy. Một buổi chiều nấu cơm xong sớm Oanh thơ thẩn ra đầu ngõ chờ mẹ đi ve chai về. Người hàng xóm đi thể thao về đang uống bia giải khát. Oanh không dám đánh mắt nhìn vào sợ bị nam châm hút chặt thì ngượng chết. Người hàng xóm nhìn thấy gọi Oanh vào đãi bia. Cháu không biết uống. Cay lắm. Có cay đắng mới có ngọt bùi. Ở đời con người ta đều phải trải qua cay đắng trước rồi mới hưởng ngọt bùi sau. Quán bia đông nghịt người đây ai chẳng đã qua thời cay đắng, bây giờ thì họ uống ngon lành không. Bia là phát minh vĩ đại thứ hai của loài người đấy. Nào em cứ vào đây thử một cốc, anh chiêu đãi mà. Oanh như bị ma làm chân cứ tự đi vào. Người hàng xóm kéo ghế cho cô ngồi đối diện. Em ăn nem hay lạc. Lạc nhé. Cháu không ăn gì đâu. Nhà hàng cho đĩa lạc. Oanh xấu hổ cúi đầu thử một ngụm nhỏ. Đắng. Khai. Không dám nuốt. Cũng không dám nhổ. Đánh cứ ngậm trong miệng chịu trận. Chỉ khi ăn thêm mấy nhân lạc cô mới dám nuốt ngụm bia khổ sở kia. Rạo rức cả người liền. Thế mà cánh đàn ông cứ ngửa cổ tu ừng ực. Mấy quý cô cũng chạm cốc canh cách ở bàn bên cạnh. Người hàng xóm bỗng sững người dán mắt vào ngực cô bé hàng xóm. Phóng phao quá. Đầy đặn quá. Non tơ mỡ màng quá. Hỡi em ra thành phố đã được mẹ đưa đi thăm thú đâu chưa. Dạ mẹ cháu đi làm cả ngày chưa đưa đi đâu bao giờ. Thế thì bao giờ em thành người phố được. Hôm nay anh đãi đi rạp. Phim, ca nhạc, xiếc tùy em chọn. Thế nhé. Bây giờ anh đợi.

Oanh cuống cuống về lo bài vở. Bài tập hoá khó để mai lên lớp chép lại của đứa bạn ngồi cạnh. Ổn rồi. Mẹ rất ngạc nhiên thấy con con gái ăn ít lại vội vội đi đầu đó. Cô chỉ kịp nói con đi xem phim rạp với bạn rồi chạy ngay ra đầu ngõ. Mẹ chép miệng cho nó đi cho biết. Khổ, ra thành phố bao lâu mà chưa biết thế nào là phim rạp.

Phim Holiut. Jenni Ghechac. Cô gái nhà nghèo trải bao gian truân cuối cùng gã nghĩa với một nhà tư bản lấy tiền nuôi sống cả nhà và cho em trai học. Phim tư bản mà cũng thấm đẫm tình người. Cứ tưởng chỉ phim xã hội chủ nghĩa mới có tính nhân văn nhân đạo thôi cơ.

Hết phim người hàng xóm lại chiêu đãi kem. Đang ăn thì khen. Em đẹp em xinh em duyên dáng hơn cả Jenni thế này chả trách thằng giáo bấy si điên si dại. Em mà chiều ai một lần thì một vé chứ mười vé cũng đáng. Vé là gì cơ. Vé là tờ trăm đô. Gần hai triệu. Em chịu chiều anh có ngay mười vé. Tàu nhanh nhanh thôi. Anh chỉ xin đúng nửa tiếng không hơn không kém. Nhà hàng hẳn hoi. Loại có sao chứ không nhà hàng vớ vẩn đâu. Đẳng nào em cũng đã bị rồi. Thêm một lần xoạch cái có sao đâu. Gần hai mươi triệu đấy. Không tin anh đưa trước. Lần đầu chiều tốt anh thưởng thêm hẳn một vé nữa. Đây, cầm lấy rồi còn đi kéo muộn. Người hàng xóm dúm tiến vào tay Oanh. Kéo ngay lên xe. Phóng vùn vụt. Đến nhà hàng khá sang trọng. Tự thuê phòng. Kéo cô lên về hấp tấp như bị ma đuổi... Lúc mặc quần áo xong người hàng xóm bảo đúng nửa giờ nhé anh nói có sai bao giờ đâu. Về ôn bài còn kịp.

Oanh có giờ sách vở ra thật. Nhưng là để mở sổ ghi quỹ. Lúc đi ngủ thì trần trọc. Cảm giác cực sướng cùng người hàng xóm có cơ thể đồ lực sĩ cứ dán chặt trong đầu trong từng tế bào. Hôm anh làm chỉ thấy đau chứ có thấy sướng như vậy đâu. Lại thế. Đã sướng ới là sướng lại được nhiều tiền. Bằng mẹ đi ve chai cả năm. Cứ đà này thì mấy mà đủ tiền du học. Oanh phấn khởi vì đã mở được hướng làm tiền xuất ngoại bảo thủ thẳng đều. Xem bà không dùng tiền của bố mày bà có đi được không.

Oanh phải chờ. Dù đúng ngày thăm nuôi nhưng anh đang đi lao động ở khu đông xa không về kịp. Cán bộ trại thông cảm gọi điện cho anh về. Vào trại là vào thế giới vãi sọc. Tại sao chỉ vãi sọc nhỉ. Hiểu rồi. Đó là biểu tượng của chốn song vành móng ngựa. Người có tội phải đứng trước vành móng ngựa và phải mang biểu tượng nó suốt thời gian bị cầm tù. Sau này ra trại thì ấn tượng vành móng ngựa sẽ suốt đời mang theo nhắc nhở đúng bao giờ phạm tội nữa. Nhưng con người ta dùng mãi một thứ lâu sẽ bị nhờn bị nghiện. Nhờn thì coi thường. Nghiện thì không dứt ra được không tránh ra được. Đó là lí do người ra trại khó hoà nhập cộng đồng

KHÁNH NGUYỄN

Sáng mồng một

Tà pha uống một mình

Đi, ngại nhà vắng chủ

Đến, e kiêng xông nhà

Tết chầm chậm trôi qua...

MAI QUỲNH NAM

Bổ sung

*Cành đào năm cũ hoa tàn rụng
hương xuân ngầy ngất, nụ xuân hồng
lá xuân mơn mẩn, ngày xuân rộng
lại rước đào sơn chơi bổ sung*

ĐỖ QUỐC THUẬN

Tơ xưa

Sông xưa vẫn chảy qua làng cũ

Chỉ bãi dâu xanh đã đổi rồi

Đâu còn áo lụa Hà Đông nữa

Khung cử bây giờ tơ nhện thôi

NGUYỄN KHẮC HIỂN

Người mù

đi trong mưa

Gọt thương se sắt ngàn hoa lá

Nẫu cả không gian lạnh tiếng đàn

Khư mãi đôi tay làm rách gió

Nên người đi lợt khắp nhân gian

HÀ HUY HOÀNG

Vết buồn

Giữa thời buổi lấy bạc vàng đo đếm...

Mấy giọt thơ thơ liệu có ích gì?

Những khuya vắng đôi tình người phố thị

Tôi vết buồn trong mắt để nhâm nhi...

BÙI THỊ XUÂN MAI

Theo mưa

Suốt đời ngàn dâu bể

Lòng sông không rộng hơn

Bên bồi thương bên lở

Lại theo mưa về nguồn.

CÔNG TIẾN THỊNH

Đợi thu

Phượng tàn, cúc đã hoe vàng

Huệ lan đương vụ, sen sang cuối mùa

Buộc rơm gói cốm làm quà

Quệt vôi nộm buổi, ướp trà đợi thu.

ĐỖ TRỌNG KHÔI

Vô vi

Nửa đêm hoa nở

đầy một trời không

sớm dậy hoa rụng

đầy ban mai hồng.

TẠ QUỐC CHƯƠNG

Cháy...

Heo may hát động thu men tóc

Em coi trấu đốt cháy một tình thơ

Chút nắng hanh hao vàng mắt phố

Đôi xuân đi phía đó ai chờ...

và để tái phạm để lại vào trại. Tội lần sau nặng hơn lần trước nguy hiểm hơn lần trước.

Anh có vẻ béo ra. Không phải phù. Mà lao động ăn uống điều độ. Sản phẩm làm ra được đưa vào cải thiện. Trại chia bữa ăn theo suất riêng không ai bị bớt xén. Đi làm xa còn chung với cả quần giáo bữa trưa. Không khác gì ở nhà. Bây giờ lao động tốt còn được gọi điện về thăm nhà. Ai cũng cố gắng làm tốt để được gọi điện. Và để được xét giảm án nữa. Cô Lê Thị Kim Oanh bị xét án tử nay giảm xuống chung thân rồi lại giảm xuống còn mười ba năm. Thế anh giảm còn mấy năm. Anh chưa được diện xét giảm. Được vào diện này phải qua hai lần bình xét tiến bộ trong năm. Muốn được tiến bộ phải có gì. Nhà anh nghèo làm gì có gì để được tiến bộ. Thế thì em giúp. Em đang đi học lấy đâu ra. Em có. Vì giúp em vì yêu em mà nên tội trách nhiệm của em lớn lắm. Chính là em đã đưa anh vào tội. Em sẽ làm mọi cách để giảm tội cho anh. Oanh không dám nói chỉ giúp được anh năm nay thôi. Sang năm học hết cấp ba em xuất ngoại du học rồi. Lúc đó muốn giúp cũng không nổi. Không, em đừng nói thế phải tội anh thêm. Anh là thằng đốn mạt làm hỏng cả đời con gái của em. Anh là kẻ có tội. Chưa bao giờ anh chối tội. Vào tù là có tội. Chỉ có cải tạo tốt mới mong gột rửa được mặc cảm tội lỗi đã gây ra. Anh đừng day dứt mãi thế. Không do em sao anh phải vào đây. Em không gây ra tội cho anh thì sao em lại còn đến đây với anh. Nhưng không tranh luận nữa. Em hỏi anh vào đây thiếu thứ gì nhất để em gửi lên. Em không gửi được đâu. Thứ anh thiếu nhất là tình cảm. Chỉ có sự có mặt của em mới bù đắp sự thiếu ấy được. Anh không dám nói là trong sự thiếu tình cảm ấy thì thiếu nhất là tình. Đang sức trai tơ vào trại bị cầm tù cả việc ấy nữa. Hồi trước tự mình cầm tù bản năng để lo học. Bây giờ bị loài người cầm tù vì mình đã mắc tội, oái oăm thay lại chính là tội giải phóng bản năng không

đúng nơi không đúng lúc. Em không biết trong trại người ta làm tình thế nào đâu. Bằng ngôn ngữ kí hiệu nhé. Lúc đi làm gặp nhau hẹn nhau. Đến giờ hẹn ra đầu tường nói chuyện bằng kí hiệu. Như hai người cầm nói chuyện. Tâm sự một lát thì rũ nhau làm tình. Chỉ bằng vẻ mặt và động tác tay mà cuộc làm tình diễn ra như thường. Hai bên cùng đạt đến cảm giác cực sướng. Bản năng bị cầm tù giải phóng ghê gớm thế cơ mà. Không biết sau này ra trại hai người yêu nhau ấy có đến được với nhau không. Hay là tình yêu trại giam thôi. Ra trại ai về phận nấy. Người về với vợ người về với chồng. Còn em nữa. Anh luôn yêu em luôn cất em trong tim trong óc liệu em có chấp nhận anh nữa không. Hay em học hành thành đạt bay nhảy phương trời nào rồi.

Oanh không nói ra nhưng cũng nghĩ đến hậu quả những chuyện thâm nuôi này. Phải chăng mình đã gieo hi vọng cho anh để anh lo cải tạo tốt. Sau này nhờ hai người nên vợ nên chồng thì sẽ nói sao về những ngày cơ cực này của anh. Yêu nhau đến mức đưa anh vào tù. Vẫn yêu nhau. Lấy nhau. Thời gian tù vô nghĩa quá. Chính mình đã đánh tan sự nghiệp chỉ mới vừa bắt đầu trên con đường sáng sủa rộng rãi của anh. Anh đã phải đi qua bao đoạn đường gặp ghềnh lầy lội mới lên được con đường sáng ấy. Rồi con cái sẽ phán xét mẹ nó ra sao.

Sau chuyến thăm nuôi Oanh lại về với công việc. Ngoài làm tiền du học bây giờ còn cần thêm khoản cấp cho anh để được xét tiến bộ. Người hàng xóm vẫn là khách quen. Anh ta còn dặt mồi thêm cho nữa. Mỗi lần có mồi mới sẽ được khuyến mại. Mỗi ngon thì khuyến mại hai lần. Có điều quỹ đây lên thì lực học của Oanh lại sút đi. Cô còn ngồi ở lớp vì còn cốp được bài.

Không biết đến hồi thì tốt nghiệp có qua nổi không nói chi việc du học nữa.

Lần đầu tiên trong sổ quỹ Oanh ngán ngấm ghi thêm câu ấy. Ghi bằng chữ quốc ngữ hẳn hoi. Không ngại gì sất.■



VỀ CUỐN NHẬT KÝ CHIẾN TRANH CỦA NHÀ VĂN, LIỆT SĨ CHU CẨM PHONG

BÙI MINH QUỐC

Đó là câu hỏi cần đặt ra sau khi có các thông tin của nhà thơ Thanh Quế công bố trên báo Công an Nhân dân ngày 17.05.2010 (bài "Nhật ký chiến tranh" được bảo quản như thế nào?) và trên báo Văn Nghệ ngày 11.12.2010 (bài "Về tập sách "Nhật ký chiến tranh" của Chu Cẩm Phong") mà gần đây tôi mới được đọc.

Nhưng trước khi đi sâu vào vấn đề nêu trên, xin được bày tỏ cùng nhà thơ Thanh Quế, nhà thơ Ngô Thế Oanh cùng tất cả các đồng nghiệp và bạn đọc, và trên hết là với hồn thiêng người bạn đã khuất Chu Cẩm Phong lời cáo lỗi chân thành của tôi, bởi khi viết giới thiệu "Nhật ký chiến tranh" tôi đã không nêu thật rõ ràng cuốn sách được cấu tạo từ 2 nguồn bản thảo lưu giữ tại 2 nơi khác nhau với các chủ thể khác nhau: phần nhiều được lưu giữ ở cơ quan trên núi do nhà thơ Thanh Quế và tiếp sau là nhà thơ Ngô Thế Oanh, phần ít là do một cựu sĩ quan quân đội Sài Gòn - anh Hoàng Đình Hiếu - sống trong lòng Đà Nẵng dưới chế độ cũ và tiếp sau anh Hoàng Đình Hiếu trao lại cho tôi (BMQ). Tôi càng lấy làm áy náy về sự viết thiếu rõ ràng của mình khi đọc trong 2 bài báo nêu trên những dòng nhắc nhở nghiêm khắc của thi sĩ - chiến sĩ Thanh Quế: "Gần đây ở Quảng Nam - Đà Nẵng và một số nơi lên ý kiến: "Nhật ký chiến tranh" của Chu Cẩm Phong là do một sĩ quan nguy cấp toàn bộ như "Nhật ký Đặng Thùy Trâm" do một người lính Mỹ cung cấp vậy. Do đó, tôi xin viết lại những dòng này trong lúc tôi còn sống, nhà thơ Ngô Thế Oanh còn sống, chị PL, người yêu Chu Cẩm Phong còn sống, nhà văn Cao Duy Thảo còn sống để cung cấp rõ về mọi thông tin của tập sách "Nhật ký chiến tranh" của Chu Cẩm Phong chứ không phải để kể công lên gì (vì làm gì có chuyện công lên khi giữ hiện vật của đồng đội, đó là trách nhiệm). Chúng tôi chỉ muốn có sự rõ ràng mà thôi".

Tôi xin hứa sẽ sửa lỗi ngay khi "Nhật ký chiến tranh" hoặc "Tuyển tập Chu Cẩm Phong" được tái bản, một việc mà tôi tin chắc rằng thế nào NXB Hội nhà văn cũng sớm thực hiện trước dịp kỷ niệm lần thứ 40 nhà văn anh hùng Chu Cẩm Phong hy sinh (01.05.1971 - 01.05.2011).

Chỉ lấy làm tiếc một điều, tôi được nhắc nhở hơi muộn, để thiếu sót kéo dài, gây hậu quả (chắc là) lớn. "Nhật ký chiến tranh" (NXB Văn Học) ấn hành từ năm 2000, "Tuyển tập Chu Cẩm Phong" (NXB Đà Nẵng) ra mắt từ 2005, vậy mà Thanh Quế, Ngô Thế Oanh, Cao Duy Thảo, rồi PL, người yêu, của Chu Cẩm Phong, chị Phan Thị Phi Phi, người chị kết nghĩa của Chu Cẩm Phong, anh Nguyễn Ngọc, anh Nguyễn Chi Trung, đều là những người thân thiết với Chu Cẩm Phong và tôi, chẳng ai nhắc nhở tôi lấy nửa lời. Chỉ cần một cú điện thoại, một dòng thư ngắn, là tôi lập tức viết bài "Nói cho rõ" đăng lên các báo ngay từ năm 2000, khỏi mắc lỗi kéo dài.

Đó là chuyện từ 05 tháng 06.2006 trở về trước.

Ngày 11 tháng 05.2006, tại Hội An, Hội Văn Học Nghệ Thuật tỉnh Quảng Nam tổ chức hội thảo "Nhà văn liệt sĩ Chu Cẩm Phong - cuộc đời và sáng tác". Các anh Thanh Quế, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Chi Trung, Cao Duy Thảo đều dự và phát biểu, không anh nào nhắc nhở tôi để tôi sửa lỗi. Tôi cũng phát biểu. Vì mãi tập trung vào



Trang bìa cuốn Nhật ký Chu Cẩm Phong

chủ đề "chuyển phẩm chất anh hùng của Chu Cẩm Phong vào mỗi chúng ta trong cuộc chiến đấu hôm nay" mà tôi quên mất không trình bày phần tự kiểm điểm và nói lại cho rõ ràng. Sau hội thảo, tôi soạn lại bài phát biểu của mình với phần mở đầu dùng làm "Lời tòa soạn" (LTS) giới thiệu thân thế sự nghiệp của Chu Cẩm Phong trong đó có câu này: "Đặc biệt cuốn nhật ký cuối cùng mà nhà văn đem theo bên mình tưởng đã bị mất vĩnh viễn không ngờ đã được một sĩ quan quân đội Sài Gòn trân trọng gìn giữ, sau ngày giải phóng Đà Nẵng tìm đến trao lại cho nhà thơ Bùi Minh Quốc, năm 2000 tập hợp với các phần nhật ký Chu Cẩm Phong viết trước đó in thành sách mang tên "Nhật ký chiến tranh" (NXB Văn Học xuất bản), được Hội Nhà Văn Việt Nam trao tặng thưởng". (Sắp tới, khi tái bản, tôi sẽ bổ sung cụ thể như sau: "Đặc biệt cuốn nhật ký cuối cùng mà nhà văn đem theo bên mình tưởng đã bị mất vĩnh viễn không ngờ đã được một sĩ quan quân đội Sài Gòn trân trọng gìn giữ, sau ngày giải phóng Đà Nẵng tìm đến trao lại cho nhà thơ Bùi Minh Quốc, năm 2000 tập hợp với các cuốn nhật ký Chu Cẩm Phong viết trước đó do nhà thơ Thanh Quế và nhà thơ Ngô Thế Oanh lưu giữ tại cơ quan trên núi in thành sách mang tên "Nhật ký chiến tranh" (NXB Văn Học xuất bản), được Hội Nhà Văn Việt Nam trao tặng thưởng").

Nhà thơ Thanh Quế viết: "Nhật ký của Chu Cẩm Phong viết từ ngày 11/7/1967 đến 27/4/1971, ngày anh hy sinh" (...) "Trước khi đi công tác ở Quảng Đà vào cuối tháng 3/1971, Chu Cẩm Phong gửi lại cho tôi các quyển sổ ghi nhật ký anh viết từ năm 1967 đến cuối năm 1970...". Ở một đoạn khác trong bài viết nêu trên, anh Thanh Quế lại nhấn mạnh "Như vậy là khoảng 4/5 tập "Nhật ký chiến tranh" của Chu Cẩm Phong sau này (từ tháng 7/1967 đến cuối 1970), Chu Cẩm Phong giao cho tôi giữ".

Tôi xin phép nhấn mạnh lại để lưu ý bạn đọc mấy chữ của anh Thanh Quế: "đến cuối năm 1970".

Cần lưu ý, bởi vì cuốn nhật ký cuối cùng

mà Chu Cẩm Phong đem theo bên mình được lấy lên từ dưới hầm bí mật khi anh hy sinh rồi lưu chuyển đến anh Hoàng Đình Hiếu và về sau anh Hiếu trao lại cho tôi lại ghi từ ngày 12 tháng 01.1970 (mồng 5 tháng chạp Kỷ Dậu) và dừng lại ở ngày 27.4.1971, ba ngày trước khi anh hy sinh vào ngày 01.05.1971 (chứ không phải hy sinh ngày 27.04.1971 như anh Thanh Quế viết).

Qua thông tin của anh Thanh Quế, ta thấy Chu Cẩm Phong còn một cuốn nhật ký nữa ghi đến cuối năm 1970 và gửi cho Thanh Quế cùng các cuốn ghi từ 11.07.1967. Kết luận tất yếu phải rút ra: Trong năm 1970, Chu Cẩm Phong đã viết 2 cuốn nhật ký, một cuốn gửi lại cho Thanh Quế khi đi công tác, một cuốn đem theo bên mình. Liệu có thể như thế không? Kể cũng khó tin, mặc dù Chu Cẩm Phong là người rất chịu khó ghi, tôi cũng cứ thử hỏi liệu có nhu cầu đặc biệt gì, trong hoàn cảnh thì giờ dành cho ngòi bút rất eo hẹp, mà Chu Cẩm Phong lại phải ghi 2 cuốn nhật ký song song trong cùng thời gian?

Khi tiến hành chuẩn bị bản thảo để in "Nhật ký chiến tranh" tôi dựa vào 2 nguồn văn bản: 1/ Phần ghi từ 11.07.1967 đến ngày 11.01.1970 tôi photo ở bản gốc của gia đình (do anh Ngô Thế Oanh trao) 2/ Phần ghi từ ngày 12 tháng 01 (mồng 5 tháng chạp Kỷ Dậu) đến ngày 27.04.1971 trong cuốn nhật ký cuối cùng mà anh Hoàng Đình Hiếu trao cho tôi. Cuốn này có một đặc điểm độc nhất vô nhị, khác hẳn các cuốn khác của Chu Cẩm Phong: vết xé của mảnh lụa đạn chém vào suốt chiều dài mép trên cuốn sổ, cái bìa được anh Hoàng Đình Hiếu bọc lại và trang trí hình một cái cây đổ thắm vươn thẳng dưới ánh

mặt trời. Cuốn sổ này anh Hiếu giữ gìn cẩn trọng suốt 4 năm rồi trao cho tôi, tôi giữ suốt 30 năm từ 1975 đến 2005, sau khi hoàn tất việc xuất bản "Tuyển tập Chu Cẩm Phong" (NXB Đà Nẵng), tôi đem trao lại cho anh Trần Mạnh Hùng, em ruột anh Chu Cẩm Phong (Trần Tiến) với lời dặn: "Đây là một báu vật quốc gia của văn hóa Việt, Hùng giữ gìn cẩn trọng và đừng trao cho bất kỳ ai khác nữa nhé".

Về dung lượng 2 phần nhật ký thể hiện trên ấn bản như sau:

- Ở sách "Nhật ký chiến tranh" (NXB Văn Học), phần nhật ký do anh Thanh Quế và anh Ngô Thế Oanh giữ trên núi, in từ trang 07 đến 1/4 trang 573, tổng cộng hơn 566 trang; phần nhật ký do anh Hoàng Đình Hiếu giữ và trao cho tôi, in từ giữa nửa trang 573 đến nửa trang 907, tổng cộng gần 334 trang, tỷ lệ của phần giữ trên núi là 566/900.

- Ở sách "Tuyển tập Chu Cẩm Phong" (NXB Đà Nẵng), phần nhật ký do anh Thanh Quế và anh Ngô Thế Oanh giữ trên núi, in từ trang 166 đến non nửa trang 566, tổng cộng hơn 400 trang; phần nhật ký do anh Hoàng Đình Hiếu giữ và trao cho tôi, in từ giữa nửa trang 566 đến non nửa trang 804, tổng cộng 238 trang, tỷ lệ của phần giữ trên núi là 400/638.

Nhờ anh Thanh Quế tính giúp các tỷ lệ trên ra phần số xem có phải là 4/5 như anh viết không? Chắc chắn là không. Như vậy tỷ lệ 4/5 là phải bao gồm cả cuốn ghi đến cuối năm 1970 mà anh Thanh Quế và anh Ngô Thế Oanh giữ trên núi, nay không biết nằm ở đâu.

Anh Thanh Quế yêu cầu: "Chúng tôi chỉ

40 NĂM: MỘT CĂN BỆNH VẢY NÉN

Trong căn nhà tại số 11, ngõ Nguyễn Thái Học - quận Ba Đình - Hà Nội, với nét mộc mạc, giản dị, bác Nguyễn Hữu Thích (65 tuổi) nhớ lại 40 năm đằng đẵng chữa trị bệnh vảy nến của mình. Mãi đến gần đây, bác đã cảm thấy dễ chịu hơn với căn bệnh này.

CHIA sẻ với chúng tôi, bác Thích cho biết: "Chẳng biết nguyên nhân từ đâu mà tôi bị vảy nến. Khi mới bị bệnh, tôi thấy ngứa, đỏ khắp người, đặc biệt mọc những nốt đỏ như là phát ban, cộm ngứa từng hạt, nhỏ hằn lên mặt da, nhiều nhất là ở những chỗ ti đề như đầu gối, khuỷu tay, khuỷu chân, lưng, cổ đầu... khiến tôi mất ngủ, ảnh hưởng lớn tới lao động, sinh hoạt và đi lại..." - đây là những năm 1970. Bác Thích đã đi khám và chữa trị tại nhiều bệnh viện, dùng nhiều loại thuốc nhưng hiệu quả chưa được như mong muốn. Mỗi đợt giao mùa hoặc thay đổi thời tiết, những lớp vảy da, ngứa lại nhiều hơn. Sau 20 năm điều trị, bệnh của bác Thích đã đỡ ở lưng, khuỷu tay, đầu, cổ. Tuy nhiên, những lớp vảy nến ở hai bên bắp chân, từ gối trở xuống vẫn đeo bám bác Thích suốt thời gian qua.



Ảnh minh họa

Cho đến tháng 10/2009, qua một tạp chí, bác Thích biết đến sản phẩm Kim Miễn Khang giúp hỗ trợ điều trị bệnh vảy nến rất tốt nên đã

mua về sử dụng với 6 viên một ngày, chia làm 3 lần, uống trước lúc ăn 15-20 phút. Bác cho biết: "Uống được khoảng 2 hộp Kim Miễn Khang, tôi thấy hiệu nghiệm ngay. Lúc đầu có hơi ngứa lân tân trọng người, nhưng tôi vẫn uống tiếp thì thấy đỡ ngứa hẳn, những vết vảy nến ở bắp chân cũng giảm, da mỏng dần, đỡ tróc vảy". Vậy là bác Thích uống Kim Miễn Khang đều đặn suốt 8 tháng, kết hợp với thuốc bôi ngoài da, thấy bệnh ổn định nên bác tạm dừng điều trị.

Đến tháng 9/2010, khi thời tiết giao mùa, bác Thích thấy lớp vảy ở bắp chân xuất hiện, nhưng ít hơn. Theo kinh nghiệm của mình, bác tiếp tục dùng Kim Miễn Khang: "Sau khi tôi uống đều đặn 2 tháng, bệnh giảm hẳn, chân chỉ còn vảy nốt vảy nhỏ, không ảnh hưởng gì đến sinh hoạt. Đặc biệt, uống Kim Miễn Khang tôi thấy ăn, ngủ ngon, nên người càng dễ chịu" - bác cho biết.

Đem câu chuyện của bác Thích, tôi hỏi các chuyên gia y tế và được biết, bệnh vảy nến là do sự rối loạn nội tiết tạo nên một màng ngăn bám chặt trên da. Màng bám này sản sinh tế bào nhanh gấp 10 lần so với bình thường rồi chết. Nhưng thay vì mất đi như tế bào chết bình thường thì nó nổi lên thành từng vảy trắng.

Người bệnh nên dùng các thực phẩm như cá hồi, cá thu; rau quả có nhiều beta-carotin như trái bơ, cà rốt và đặc biệt là khoai để bảo vệ cấu trúc móng của da; hạn chế những thực phẩm như thịt, sữa, trứng vì chứa nhiều arachidon là chất xúc tác cho phản ứng viêm; hạn chế rượu bia, vì độ cồn là đòn bẩy cho phản ứng thoái biến các loại chất đạm gây dị ứng. Người bệnh phải kết hợp ăn uống, sinh hoạt, vệ sinh sạch sẽ, dùng thuốc bôi ngoài da kèm theo uống Kim Miễn Khang sẽ có tác dụng tốt.

PHẠM HẰNG

ĐÍNH CHÍNH

Số Tết Tân Mão, ở bài Điều tốt lành nho nhỏ(*) của nhà văn Phạm Thị Minh Thư đã có vài sơ suất khi in. Cột 1, dòng 1, 9, và 27, tính từ trên xuống, trước các chữ đầu dòng thiếu dấu gạch ngang (-). Cột 3, dòng 15 và 18, tính từ trên xuống, trước các chữ đầu dòng thiếu dấu cộng (+). Câu ở phần chú thích của bài viết đúng ra phải là: Tôi mượn tên một truyện ngắn của Raymond Carver để dịch giả Lê Huy Bắc dịch. Thành thật xin lỗi tác giả và bạn đọc.

V.N

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ



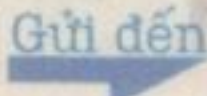
SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY XSKT THỦ ĐÔ

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ CHÍNH XÁC NHẤT

KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT QUAY SỐ

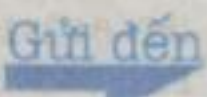


Để lấy kết quả xổ số truyền thống mới nhất

Soạn tin: **XSTD**  **8197**

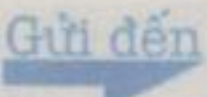


Để lấy 3 kết quả: xổ số truyền thống
- xổ số điện toán và lô tô cặp số

Soạn tin: **XSTD**  **8297**



Để nhận kết quả xổ số trực tiếp từ trường quay

Soạn tin: **XSTD**  **8597**



Để lấy kết quả xổ số truyền thống - xổ số
điện toán và lô tô cặp số 20 ngày liên tục.

Soạn tin: **XSTD**  **8797**

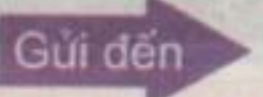
3 6 9 12 14 16

1 5 7 10 12 15

Để nhận kết quả xổ số 3 tỉnh Miền Nam

Soạn tin **XSMN**  **8297**

Để nhận kết quả xổ số Miền Trung

Soạn tin **XSMT**  **8297**

Được đảm bảo bằng thương hiệu xổ số kiến thiết Thủ Đức



DNRC

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI

DONG NAI RUBBER CORPORATION



LĨNH VỰC SẴN

Trụ sở chính : Xã Xuân Lập - Thị xã Long Khánh - Tỉnh Đồng Nai

Tell : (0613) 724444

Fax : (0613) 724123

website : www.donaruco.com

Email : dn@donaruco.vn

Văn phòng đại diện : 39 - Bến Vân Đồn - Q4 - TPHCM

Tell : (083) 9400345

Fax : (083) 9400874

website : www.donaruco.com

Email : donaruco@hcm.vnn.vn

Chúc Mừng Năm Mới Tân Mão 2011

- * Trồng và khai thác cao su thiên nhiên
- * Thương nghiệp buôn bán
- * Sản xuất các sản phẩm băng hạt PE
- * Xây dựng cơ sở hạ tầng, cụm dân cư, kinh doanh địa ốc
- * Xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông
- * Xây lắp thủy lợi
- * Chế biến các loại đá xây dựng
- * Sản xuất bao bì các sản phẩm mộc gia dụng
- * Dịch vụ vận tải hàng hóa
- * Chế tạo gia công sửa chữa thiết bị và sản phẩm cơ khí
- * Thiết kế thi công hệ thống điện sinh hoạt



Tổng công ty cao su Đồng nai sẵn sàng hợp tác với mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực: Sản xuất hàng hóa từ sản phẩm cao su; Thương mại xuất khẩu cao su; Khoa học kỹ thuật về cao su và một số lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Địa chỉ: 40 Phùng Hưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04.39285109 / 39285106 / 38252460

Fax: 04.39285124 - Email: vinawacovn@hn.vnn.vn

CHÚC MỪNG NĂM MỚI



Hoạt động của Tổng công ty

◀ Đê chắn sóng biển Tiên Sa

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT • Tổng biên tập : NGUYỄN TRÍ HUÂN • Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRINH BẢO
 • Tòa soạn, Trại sự : 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội • Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702640
 • Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; banngghethuatvn@gmail.com.
 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Thằng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội
 • ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội • Trình bày: PHẠM MINH HẢI

• Giá: 5.900 đồng.